

TRẦN SÁNG *Biên dịch*

PHƯƠNG PHÁP
VẼ SƠN THỦY VÀ HOA ĐIỀU

TRUNG HOA

中国画基础技法



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

PHƯƠNG PHÁP VẼ TRANH SƠN THỦY VÀ HÒA ĐIỀU TRUNG HÒA



Tác giả : Ngô Bội Ngọc

TRẦN SÁNG

Biên dịch

**PHƯƠNG PHÁP VẼ TRANH
SƠN THỦY VÀ HOA ĐIỀU TRUNG HOA**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN 2002

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc quý mến!

Ngày xưa, người được xem vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa, ngoài sự lịch thiệp, thanh nhã còn phải giỏi bốn môn nghệ thuật là *cầm, kỳ, thi, họa*.

Những người đạt đỉnh cao của các môn nghệ thuật này được tôn là *tiên, thánh*, ngang hàng với những người đức cao hoặc có công với nhân loại.

Thi thánh thì có Lý Bạch, cờ tiên thì có Đế Thiên, Đế Thích; thánh rượu thì có Lưu Linh, nhạc thì có Sư Khoáng, họa thánh thì có Ngô Đạo Tử.

Cùng với tên tuổi của họ, ai ai cũng nhớ vài giai thoại ngộ nghĩnh, lãng đãng và cảm động!

Lý Bạch ba trăm sáu mươi lăm ngày, ngày nào cũng say khướt mềm nhũn như con *nê*, không trai giới mà như trai giới, bà Lý Bạch có chồng hờ hững cũng như không. Nơi triều đường oai nghiêm cũng nằm lãn ra ngủ, vua chúa phải sai người cời giầy!

Đế Thiên, Đế Thích mê mải đánh cờ, quên mất ăn phải giở cơm đút lót của anh chàng vắn số, cuối cùng phải sửa cả số sinh, số tử ở chốn thiên đình, kéo dài tuổi thọ cho anh ta.

sa xuống.

Lưu Linh ngồi xoạc căng bê vò rượu, lúc say thấy đất trời, vũ trụ nhỏ như hạt cải.

Chỉ riêng họa thánh Ngô Đạo Tử ít để lại giai thoại nào nhưng ông đã để cho đời nhiều kiệt tác và nhiều kinh nghiệm quý giá.

Các nhà nghiên cứu cho rằng hội họa Trung Quốc ra đời cách đây trên 3 ngàn năm, cùng với chữ viết, gọi là *thư họa đồng nguyên*, thư và họa cùng nguồn gốc.

Trên 3 ngàn năm, trải qua nhiều triều đại hưng phế khác nhau nhưng thời nào cũng xuất hiện nhiều họa sĩ nổi tiếng, nhiều trường phái đã ra đời.

Hai loại tranh truyền thống, độc đáo và cũng là đặc trưng của hội họa Trung Quốc là tranh *sơn thủy* và *hoa điệu*.

Sách viết về hội họa Trung Quốc thì rất nhiều nhưng một trong những quyển sách hay là *Trung Quốc họa cơ bản kỹ pháp* của Ngô Mộc; tác giả vừa là một họa sĩ nổi tiếng hiện đại thuộc *Ngô môn họa phái*, đồng thời là nhà nghiên cứu hội họa rất uyên thâm.

Sách chọn lọc, tiếp thu được tinh hoa của nhiều trường phái, giới thiệu nhiều phương pháp, kỹ thuật vẽ tranh sơn thủy, hoa điệu; có nhiều tranh, nhiều hình minh họa nên rất dễ đọc, dễ nhớ và dễ thực hành, luyện tập.

quà tặng các bạn trước khi đi vào một thế giới hội họa, thế giới *ngàn dặm thu vào ba thước*; thế giới đã tự thành nhưng hình như chưa bao giờ thành tựu, một thế giới gợi mở và mời gọi hạnh phúc.

Quyển sách này có thể giúp chúng ta hiểu được kỹ thuật, phương pháp, chương pháp hoặc phân tích ý tứ của bức tranh sơn thủy, hoa điệp để việc cảm thụ nghệ thuật của chúng ta trọn vẹn hơn.

Quyển sách cũng giúp chúng ta phòng khi mua tranh sơn thủy, hoa điệp để trang trí nhà cửa hay tặng biếu bà con, bè bạn... thì cũng không đến nỗi mua nhầm một bức tranh có bệnh (bệnh bút), có tật (tật bút); tức là một bức tranh phạm vào điều cấm kỵ truyền thống hoặc không hiểu tả ý của tranh.

Ví dụ: Tranh có các cành mai có chữ *khai*, có hình *giá trống*, hai nhánh chạy *song song*. Phạm những điều này gọi là bệnh bút, tật bút. Hoặc một bức tranh trúc, *vũ diệp* tả ý sau cơn *mưa gió nặng nề*!

Dù vô tình nhưng đem những bức tranh này tặng người khác là điều không nên; nếu gặp người đó biết ít nhiều về hội họa sơn thủy, hoa điệp quả là vô phương cứu vãn.

Vui hơn nữa, quyển sách là người bạn tốt, giúp chúng ta tự học khá dễ dàng, để di dưỡng tính tình, lắng trong tinh thần sau ngày làm việc mệt nhọc.

cũng như những môn nghệ thuật khác không chỉ ưu ái mở rộng cửa cho những người có năng khiếu. Vấn đề là chúng ta hãy can đảm, *đại đảm*, hạ bút vẽ những nét vẽ đầu tiên.

Đó là những mong muốn chân thành của người biên dịch.

Nhưng chắc rằng trong quá trình làm sách không tránh khỏi những thiếu sót.

Chỉ mong được bạn đọc xa gần lượng thứ!

TRẦN SÁNG

Chương một

KHÁI QUÁT

I. HỘI HỌA

Hội họa Trung Quốc ra đời rất sớm, từ đời Hạ, Thương, Chu (Thế kỷ 21 - 3 TCN), là chữ viết và những nét hoa văn được khắc trên những đồ bằng đồng.

Thời Xuân thu Chiến quốc, hội họa đã phát triển một bước khá dài. Đó là những hình trang trí, chim chóc, thú vật được vẽ trên các vật dụng hàng ngày.

Đời Đông Tấn, những bức tranh sơn thủy xuất hiện sớm nhất là *Nữ sử châm*, *Xuân tâm thổ ty* của Cố Khải Chi; qua những bức họa này người ta thấy hình thức chủ yếu là những điểm, những nét được thể hiện với kỹ pháp rất hoàn chỉnh.

Đời Thịnh Đường, Lý Tư Huấn và Vương Duy (Ma Cật) đã khai sinh phái *Nam Tông* và *Bắc Tông*.

Đời Ngũ Đại, chuyên vẽ *thủy mặc* có Kinh Hạo, Quang Đồng; thích vẽ *hoa điệu* có Hoàng Thuyên, Hoàng Cư Thái.

và Đồng Nguyên; vẽ *chim chóc* có hai cha con là Hoàng Thuyền và Hoàng Cư Thái.

Mã Viễn và Hạ Khuê kế thừa cách vẽ tranh sơn thủy của hai cha con Lý Tư Huấn và Lý Chiêu Đạo.

Đời Nguyên, vẽ *sơn thủy* có Triệu Mạnh Phủ, Hoàng Công Vọng, Ngô Trấn... vẽ *hoa diểu* có Tiền Tuyền, Vương Uyên.

Đời Minh, vẽ sơn thủy có ba trường phái: *viện phái*, *chiết phái* và *Ngô phái*.

Viện phái có Quách Thuần, Nghê Doan và Thạch Nhuệ.

Chiết phái có Ngô Vỹ, Đái Tuyền, Uông Chất.

Ngô phái có Trầm Chu, Văn Trưng Minh và Đường Diễn.

Vẽ hoa diểu có bốn trường phái :

Phái theo phương pháp *song câu* thì có Biên Văn Tiến, Phạm Xiên, Lã Kỷ.

Phái theo lối vẽ của *Từ Hy* có Vương Vấn, Phan Khắc Hoàng.

Vẽ *thủy mặc* theo lối *ấn tượng* có Lâm Lương, Trần Thuần, Từ Vị.

Phái *câu hoa điểm diệp* có Chu Chi Miện.

Uân Thọ.

Ngoài ra, có bốn nhà sư, *tứ tăng*, là Thạch Đào, Thạch Khê, Tiệm Giang và Bát Đại Tiên Nhân.

Thời Nguyên, các họa sĩ nổi tiếng như Hoàng Công Vọng, Ngô Chân.

Thời Minh, có *Ngô phái*, đại biểu là Thẩm Chu, Văn Vy Minh, Đường Diễm, Cừu Anh.

Gần đây, có Ngô Xương Thạc và Tề Bạch Thạch.

II. NHÂN VẬT, SƠN THỦY VÀ HOA ĐIỀU

Các nhà nghiên cứu lịch sử hội họa Trung Quốc cho rằng, ban đầu người ta vẽ nhân vật sau đó dùng điểm xuyết thêm sơn, thủy và chim hoa; sau đó dần dần sơn thủy, hoa chim được tách riêng, độc lập và tạo nên những phong cách riêng biệt.

Nói chung, vẽ nhân vật, sơn thủy và hoa lá có rất nhiều phương pháp kỹ năng, nhiều trường phái khác nhau và tất nhiên cũng có rất nhiều lý luận khác nhau.

Theo kinh nghiệm của các họa sĩ, người học vẽ trước hết là học vẽ sơn thủy, sau đó là học vẽ nhân vật và chim, hoa.

Cách luyện tập vẽ sơn thủy trước là vẽ cảnh gần sau mới vẽ cảnh xa, trước vẽ cây cối sau mới vẽ đá, sau nữa là màu sắc.

Bắc tông.

Để phân biệt Nam tông hoặc Bắc tông là căn cứ vào cách dụng bút và dùng mực.

Cách dùng bút của Nam tông là bên ngoài thì nhu bên trong thì cương.

Ngược lại, cách dụng bút của Bắc tông bên trong cương bên ngoài nhu.

Cách dụng mực của Nam tông là do đậm nhập thâm, do màu mực nhạt ta thấy chiều sâu.

Bắc tông thì trước đậm sau nhạt.

IV. SÁU PHÉP VẼ SƠN THỦY

Các họa sĩ Trung Quốc cho rằng, muốn trở thành một họa sĩ tài ba họ phải trải qua công phu luyện tập, rèn luyện không ngừng nghỉ, *thiên chùy bách luyện*, mới đạt được cảnh giới tinh thâm.

Không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt hết những ý tưởng sáng tạo trong hội họa mà chỉ qua nghiên cứu, luyện tập và qua thực tiễn người ta mới thủ đắc được phương pháp và kỹ thuật của hội họa.

Theo Tể Tà Hách, Nam triều, vẽ sơn thủy có sáu phép gọi là *lục pháp luận*, là cơ sở lý luận xuất hiện sớm nhất trong lịch sử hội họa Trung Quốc.

biến chuyển. Phản ánh được cái thân của đối tượng miêu tả.

2. Cốt pháp dụng bút

Là kỹ năng, kỹ xảo, bút pháp nghệ thuật diễn đạt có hiệu quả theo từng đối tượng được miêu tả.

3. Ứng vật tượng hình

Là cấu trúc hình tượng trên cơ sở thực tế của sự vật.

4. Tùy loại phú thái

Là sử dụng màu sắc, phân bố đậm nhạt phù hợp với từng loại vật thể để đạt được ý đồ nghệ thuật.

5. Kinh doanh vị trí

Là xây dựng bố cục, sắp xếp sự tương quan, xử lý tỷ lệ thích hợp trong một bức tranh.

Kinh doanh vị trí còn gọi là *chương pháp*.

Ngày nay gọi là *cấu hình*.

6. Chuyển di mô tả

Là kế thừa truyền thống một cách sáng tạo, biến hóa, phù hợp với sự vận động của khách quan.

Chuyển di mô tả hoặc còn gọi là *lâm mô* là vẽ theo. Tức tiếp thụ phương pháp kỹ năng truyền thống, tập vẽ từ giản đơn đến phức tạp từ cục bộ đến chỉnh thể.

Khi dụng bút đã có xương cốt thì luyện tập *kinh doanh vị trí*, tổ chức một tác phẩm hội họa.

Quan trọng của việc học vẽ, một mặt nghiên cứu **những** thành công của người đi trước, mặt khác là tự **khám** phá năng lực của mình.

Tất cả những bản thảo luyện tập nên đóng thành **tập** để tự thấy được sự tiến bộ của bản thân.

Thông thường khi học nên tiếp thu tinh hoa của nhiều trường phái và sau tự lập cho mình một trường phái.

Có người cho rằng học hội họa cần phải có năng khiếu?

Nhưng trên thực tế thì phần nhiều người thành đạt đều do biết tiếp thu những thành công của người đi trước, luyện tập công phu và rút tỉa kinh nghiệm từ thực tiễn.

V. THẦN, DIỆU, NĂNG VÀ DẬT

Xưa nay, Trung Quốc có 4 bốn tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm hội họa là *thần, diệu, năng và dật*.

Thần là đạt được ý, năng là đạt được hình trạng, diệu là được sự thích thú, dật đạt được khí.

Ngược lại bức vẽ không đạt được các tiêu chuẩn trên gọi là *chuyết*, tức là vụng về, thiếu tính thẩm mỹ.

Chương hai

VĂN PHÒNG TỨ BẢO

Văn phòng tứ bảo: bút, mực, giấy và nghiên là những dụng cụ cần thiết, bốn vật quý, dùng để viết hoặc vẽ, có tính chất truyền thống của Trung Quốc.

I. BÚT

Người ta thường nói *Thà mặc áo cũ nhưng không thể không mua bút*, chứng tỏ bút rất quan trọng đối với họa sĩ.

Bút có nhiều loại: loại dùng để vẽ sơn thủy, loại dùng để vẽ hoa lá, loại dùng để vẽ những bức họa công phu, gọi là *công bút*.

Ngòi bút được làm bằng nhiều loại lông: lông chồn, lông thỏ, lông dê, lông chuột, râu chuột, lông ngựa, lông gấu... có khi dùng tóc của em bé sơ sinh, gọi là *thai bút*. Sự phân chia khá phức tạp, ngay lông dê đã có 32 loại.

Quản bút cũng được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau: ngà voi, sơn mài, có những quản bút được khảm xà cừ hoặc nạm vàng, bạc rất công phu và tinh xảo. Nhưng thông dụng nhất là bằng trúc hoặc bằng tre.

long tua (tu hao).

Có người cho rằng, lông sói thật ra là lông chồn, tử hào là lông thỏ mà thôi.

Xét về độ cứng và mềm, gồm có ba loại: loại cứng, loại mềm và loại vừa cứng vừa mềm.

Loại mềm, nhuyễn ít đàn hồi, làm bằng lông dê; nét mực nhuần, dùng để vẽ hoa lá.

Loại cứng, nhiều tính đàn hồi, làm bằng lông thỏ, lông chó, thích hợp với vẽ sơn thủy.

Loại kiêm, tức vừa cứng vừa mềm, được làm bằng lông dê, lông sói (lang mao), lông thỏ tía (tử thỏ mao) dùng để vẽ nhân vật, sơn thủy và hoa lá.

Xét về kích cỡ thì mỗi loại trên được chia thành ba loại: loại lớn (đại), loại vừa (trung) và loại nhỏ (tiểu).

Khi chọn bút người ta chú ý đến bao tử bút đầy đặn, ngọn bút nhọn; khi thấm mực bao tử bút no mực nhưng đầu bút vẫn nhọn không bị trương nước.

Chọn được cây bút vừa ý đã công phu nhưng đời sống cây bút khá ngắn ngủi, do đó các họa sĩ giữ gìn cây bút khá kỹ.

Vẽ xong, lấy nước sạch để rửa, dùng giấy để thấm khô bao tử bút, đầu bút, chấm chút cho bút bao tử đầy, ngọn bút nhọn; sau đó mới để vào lọ đựng bút hoặc để vào trong màn trúc, gọi là rèm bút, *bút liêm*.

hoặc gỗ tùng, *yén mặc*; loại hằm bằng dầu thảo mộc với các loại hột trong lò đất thành than sau đó trộn với keo, *du mặc*. Người ta gia thêm các hương liệu như hương trầm, xạ hương, vỏ lựu để mực thơm.

Việc làm mực cũng rất công phu, khó mà nói hết được, chọn một thỏi mực quý và tốt cũng công phu không kém. Cho nên, người ta cũng thường nói: *Vàng dễ kiếm mà mực khó tìm*.

Mực tốt có mùi thơm dễ chịu, mịn, ít a dao hoặc keo, cầm nặng tay, khô ráo, mực đen ánh lên sắc tía; có thể lâu càng lâu càng tốt.

Mực xấu, nặng mùi a dao hoặc keo, ảm, để lâu không dùng được.

III. GIẤY

Trong hội họa chủ yếu là dùng giấy xuyên chỉ, loại giấy đặc biệt ít thấm nước.

Tương tự như mực, phương pháp, kỹ thuật làm giấy xuyên chỉ rất phức tạp và công phu.

Giấy xuyên chỉ gồm ba loại chính: *thực xuyên*, *sinh xuyên* và *bán sinh thực xuyên*.

Xưa nay, các họa sĩ rất ưa dùng *bán sinh thực xuyên*, mỏng và mềm mại, để vẽ sơn thủy.

Kích thước giấy xuyên chỉ cũng có nhiều loại: 3 thước, 4 thước, 5 thước, 6 thước, 8 thước và 1 trượng 2 (trượng là 10 thước).

Tùy theo hình thức, kích cỡ của bức họa mà chọn kích thước giấy cho thích hợp.

Ngoài việc dùng giấy xuyên chỉ, nhiều họa sĩ cũng dùng lụa để vẽ.



H.1 - Giấy xuyên chỉ và mực

nghiên quý:

Mẽ Phế được vua Huy Tông cho vào cung viết chữ. Vua rất vừa ý, hỏi muốn thưởng gì?

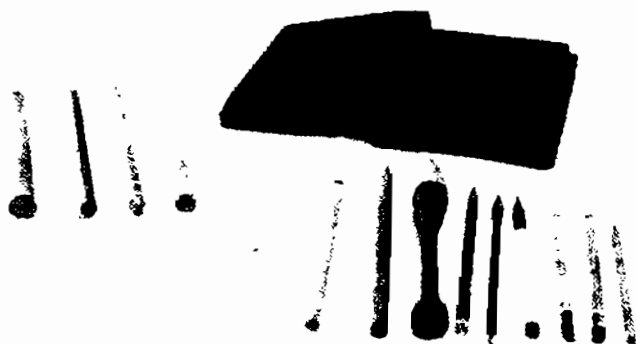
Mẽ Phế tâu chẳng cần chức tước, vàng bạc, châu báu chỉ được vua ban cho cái nghiên ông vừa mài mực. Vua gật đầu.

Thế là Mẽ Phế mừng rơn, vội ôm nghiên vào lòng, mực đầy đầy áo, ai nấy đều bước cười.

Loại nghiên nổi tiếng của Trung Quốc là làm bằng đá Đoan Khê và Đoan Vỹ. Có những chiếc nghiên chạm trổ tinh vi và cầu kỳ.

Nghiên tốt, gỗ có tiếng kêu thanh và mài mực không có tiếng kêu loạt soạt; chất liệu của nghiên chắc chắn, mịn, mặt trơn để khi mài mực không đọng trên nghiên và khỏi mòn bút.

Người ta không dùng giấy nhám để chùi nghiên, sợ nghiên bị sây sát.



H.2 - Bút và nghiên

V. CÁC DỤNG CỤ KHÁC

Ngoài bốn vật quý là bút, mực, giấy và nghiên, các họa sĩ có nhiều vật dụng khác: lọ đựng bút, rèm để bút, vật dùng để đè giấy, tấm vải để thấm mực, các dụng cụ để pha màu. Nhiều họa sĩ cẩn thận còn có cả bình rót nước và lọ rửa bút.

Hai vật dụng thú vị đáng chú ý là giá gác bút và ấn chương.

1. Giá gác bút

Khi tạm ngừng vẽ hoặc dùng bút khác thì người ta gác bút lên giá bút.

Giá bút nghiêng với mặt phẳng khoảng 30°, mực đích không để mực chảy xuống bàn hoặc chảy ngược xuống quần bút.

Giá bút các nhà thư pháp và các họa sĩ ưa thích gọi là *ngũ nhạc*, năm ngọn núi. Nhiều người còn đeo gọt giá đựng bút y như năm ngọn núi thật.

2. Ấn chương

Các họa sĩ Trung quốc có câu: *Họa long điểm nhãn*, người nghệ sĩ tài năng vẽ rồng xong, điểm mắt, rồng sẽ bay lên. Ý nói là tạo nên sự sinh động của bức họa.

Ấn chương chính là con mắt, tạo nên sự sinh động của bức tranh. Ấn chương là con dấu của tác giả, thường ghi tên hoặc hiệu của tác giả.

Vật liệu làm ấn chương rất phong phú: gỗ, đá quý, ngà voi, ngọc... Hình dáng thì cũng rất đa dạng: vuông, tròn, bầu dục ...

Khắc thì có khắc chìm và khắc nổi. Khi đóng dấu, chữ hiện lên, gọi là *dương văn*. Khi đóng dấu, chữ chìm xuống, gọi là *âm văn*.

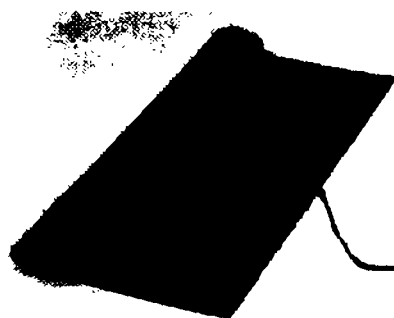
Có những bức họa, họa sĩ đóng cả hai dấu âm văn và dương văn để tạo sự điều hòa giữa âm và dương.

Màu sắc các họa sĩ thích dùng cho ấn chương là *châu sa* và *châu phiêu*.

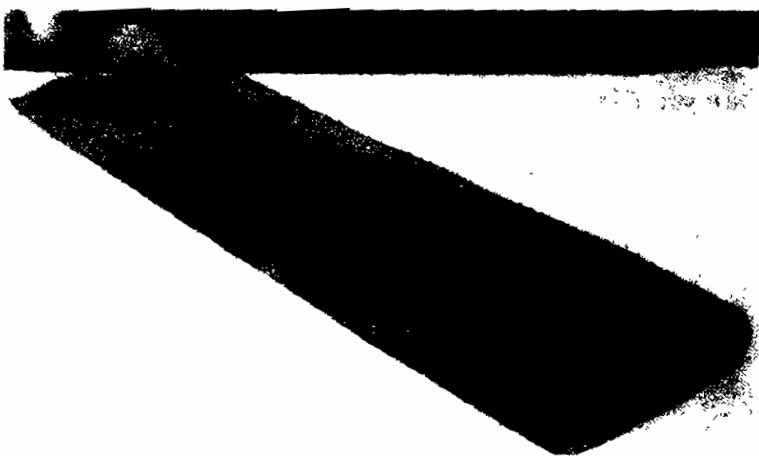
Ngoài ra có hộp đựng ấn chương và hộp đựng mực của ấn chương.



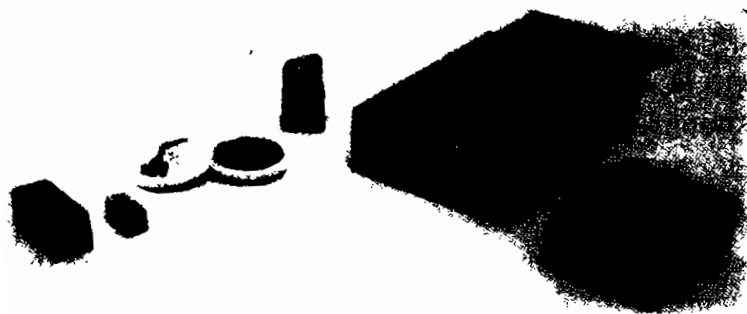
H.3 - Lọ đựng bút,
giá bút hình ngũ nhạc,
cái để giấy



H.4 - Rèm bút



H.5 - Tấm nỉ thấm mực



H.6 - Ấn chương, hộp mực ấn chương
và hộp đựng ấn chương

VI. MÀU SẮC

Các họa sĩ Trung Quốc thường sử dụng 12 màu căn bản sau đây:

- | | |
|-----------------------|----------------|
| 1. Yên chi (Phấn sáp) | 2. Hoàng đằng |
| 3. Hoa thanh | 4. Giả thạch |
| 5. Thạch lục | 6. Dương hồng |
| 7. Châu sa | 8. Thạch thanh |
| 9. Bạch phấn | 10. Châu phiêu |
| 11. Thạch hoàng | 12. Mặc |

Ngoài ra còn sử dụng các màu khác: Ngân châu, thạch hoàng, sa lục, duyên phấn, cấp phấn, kim, giao phàn...

** Ghi chú:*

Mỗi loại màu có cách chế tạo khác biệt, phức tạp.

Việc pha chế 11 màu cơ bản (không kể mực đen), gọi là *đơn sắc*, thành những màu khác cũng phức tạp không kém, phải tuân theo những tỷ lệ nhất định.

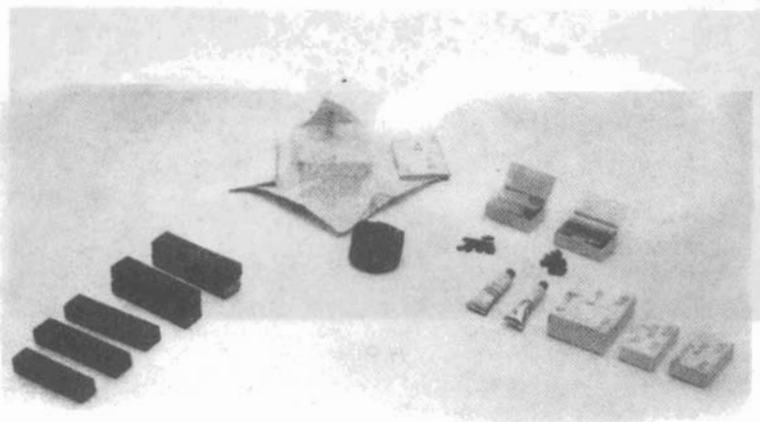
Một màu sắc người ta cũng chia ra nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau, tên gọi khác nhau.

Thạch thanh thì chia ra: đầu thanh, nhị thanh, tam thanh, tứ thanh.

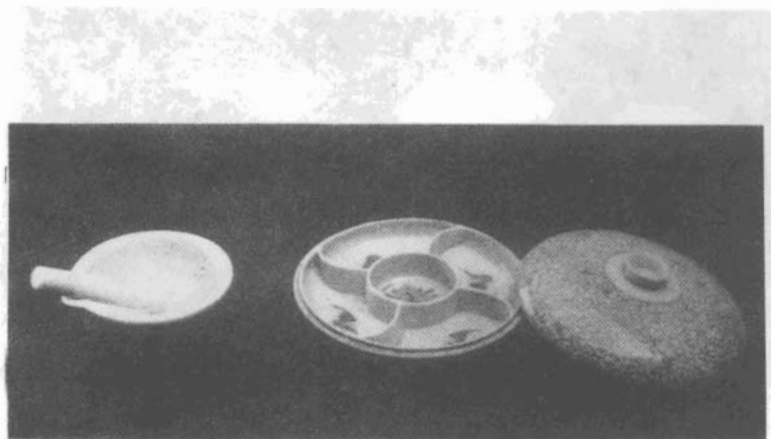
Đầu thanh là đậm nhất, nhị thanh hơi đậm, tam thanh nhạt...

Tương tự, thạch lục cũng chia ra đầu lục, nhị lục, tam lục, tứ lục.

Bảng công thức pha màu gọi là *điều sắc biểu*. (Xin xem ở phần phụ lục).

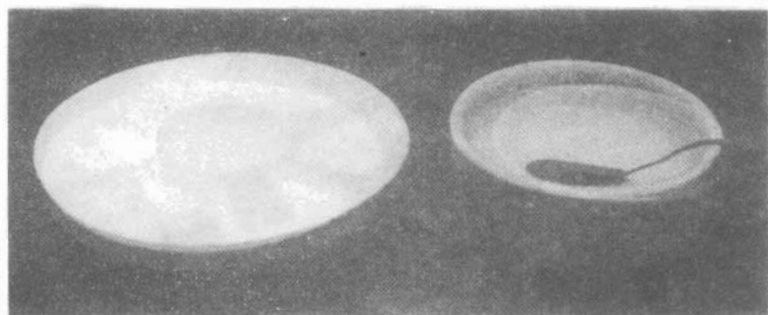


H.7 - Các loại màu



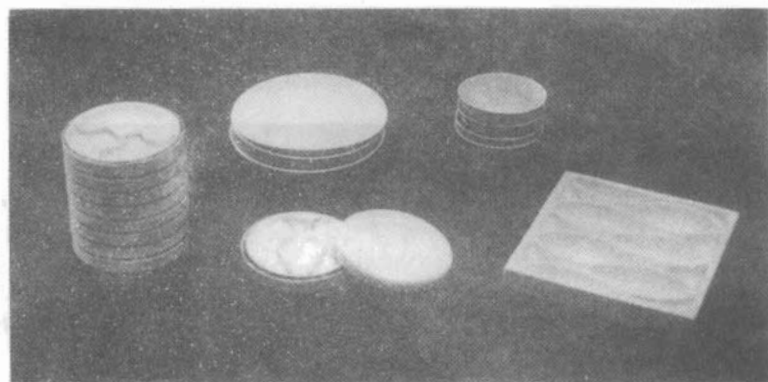
H.8 - Các dụng cụ pha màu

Bảng công thức pha trộn gọi là điển sắc biến. (Xin
xem ở phần trước)



H.9

H.7 - Các loại mìn



H.10

Chương ba

PHƯƠNG PHÁP VẼ SƠN THỦY

Tiết 1

PHƯƠNG PHÁP CHUNG

I. TRƯỜNG PHÁI

Việc quan trọng của người bắt đầu tự học vẽ là xác định đối tượng, phong cách, loại hình, bậc thầy mình sẽ học tập.

Kinh nghiệm của các họa sĩ Trung Quốc, người bắt đầu học nên học theo cách vẽ truyền thống của các họa sĩ đời Thanh như Hề Thiết Sinh, Thang Di Phần, Đãi Hy. Tác phẩm của họ rất đẹp, có đậm có nhạt, tầng thứ rất phân minh nên rất dễ mô phỏng, vẽ theo.

Sau khi đã có căn bản mới học vẽ theo Vương Thời Mẫn, Uẩn Thọ Bình, Đường Diễn, Cừu Anh... Mặc dù cách vẽ của mỗi họa sĩ đều có sự dị biệt, bất đồng nhưng cũng giúp cho người mới học những kinh nghiệm rất quý giá.

Việc học cũng phải tuần tự nhi tiến, trước là học tập những vấn đề đơn giản sau mới học tập những vấn đề phức tạp, từ nông đến sâu cho đến khi tâm và tay hoặc bút là một thì có thể nói là đã tiến bộ.

II. DỤNG BÚT

Như đã nói ở trên, một trong sáu phép vẽ sơn thủy là *cốt pháp dụng bút*. Tức là nói đến bút lực và phương pháp dụng bút. Cốt pháp còn gọi là *cốt khí*.

1. *Cầm bút hoặc chấp bút*

Phương pháp cầm bút, chấp bút còn gọi là *Ác bút pháp* (*Ác là cầm, nắm*)

Theo hình vẽ, ngón cái hướng lên trên, đốt thứ nhất đè (ấn) bên trái quản bút.

Ngón tay trở cong lại, đốt trên cùng áp (áp) vào trước quản bút, cùng hợp tác với ngón cái để giữ quản bút.

Ngón tay giữa, đốt thứ nhất, là chỗ tựa phía trước và bên phải của quản bút.

Ngón tay đeo nhẫn (vô danh chỉ), đốt thứ nhất, là chỗ tựa của bên trong quản bút, có thể nâng bút lên.

Ngón út, cùng phụ trợ với ngón tay đeo nhẫn trong quá trình vận bút.

Tác dụng của ngón cái làm cho bút chuyển động, bút lỏng hay chặt hoặc nâng bút lên.



H.1 - Cầm bút



H.2 - Trung phong

Tác dụng của ngón trỏ và ngón cái là hướng bút vào trong.

Tác dụng của ngón tay đeo nhẫn là hướng bút ra ngoài, còn ngón út phụ trợ cho ngón các đeo nhẫn.

2. Chỉ thực chưởng hư

Khi cầm bút các ngón tay và quấn bút không được chạm vào lòng bàn tay gọi là *chưởng hư*.

Khi vận bút để vẽ, sức lực đều dùng ngón tay và cổ tay, nên gọi là *chỉ thực*.

3. Các thế cầm bút

Trung phong, quấn bút đứng thẳng, đầu bút thẳng vào mặt giấy, kinh lực của thế bút rất mạnh.

Thiên phong còn gọi là *trắc phong*, quấn bút nghiêng về bên phải, đầu bút nghiêng so với mặt giấy ước 30°, nhiều biến hóa, chuyển và thực hiện các đường cong, gãy.

4. Thuận nghịch, quá trình vận bút và án đề

Vận bút từ trái sang phải gọi là *thuận bút*, vận bút từ phải sang trái là *ngịch bút*.

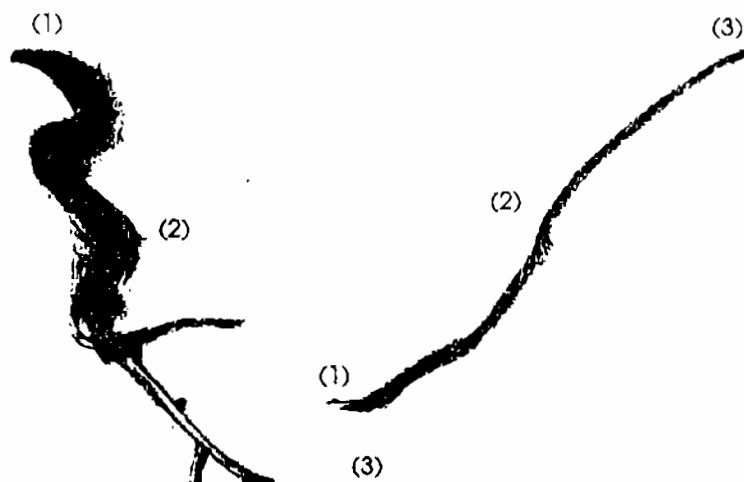
Thông thường quá trình vận bút qua ba giai đoạn là *khởi bút*, *hành bút* và *thu bút*. Khởi bút còn gọi là *lạc bút*.

Khi bắt đầu thực hiện nét vẽ, gọi là *lạc bút*; khi thực hiện nét bút theo quỹ đạo của nét muốn vẽ gọi là *hành bút*; thực hiện xong nét thì thu bút lại, gọi là *thu bút*.

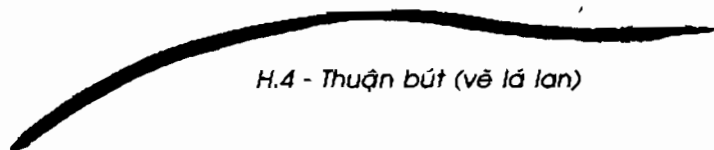
Khi vận bút đè mạnh nét vẽ hiện ra to, gọi là *án*, khi lướt nhẹ bút, nét vẽ hiện ra nhỏ gọi là *đề*.

5. *Lộ phong, tàng phong, chuyển và triết*

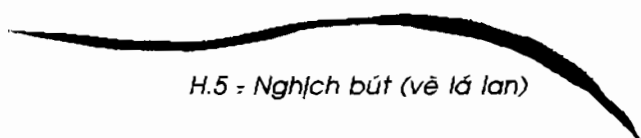
Khi lạc bút, nét nhọn của bút như mũi kim lộ ra trên nét vẽ, gọi là *lộ phong*; nét bút như mũi kim không hiện ra trên nét vẽ, gọi là *tàng phong*.



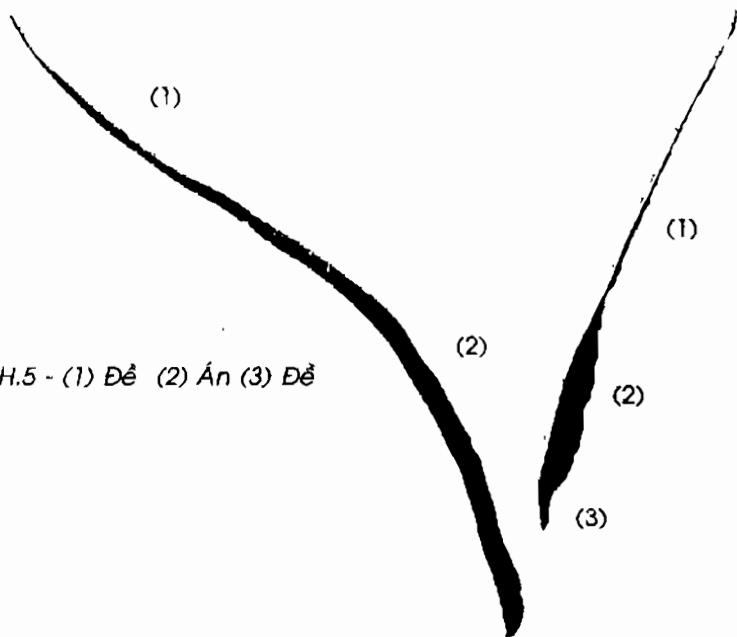
H.3 - Vận bút (vẽ mai) (1) Khởi (2) Hành (3) Thu



H.4 - Thuận bút (vẽ lá lan)



H.5 - Nghịch bút (vẽ lá lan)



H.5 - (1) Đề (2) Ấn (3) Đề

H.6 - Ấn (1) đề (2) ấn (3) (vẽ lá lan)

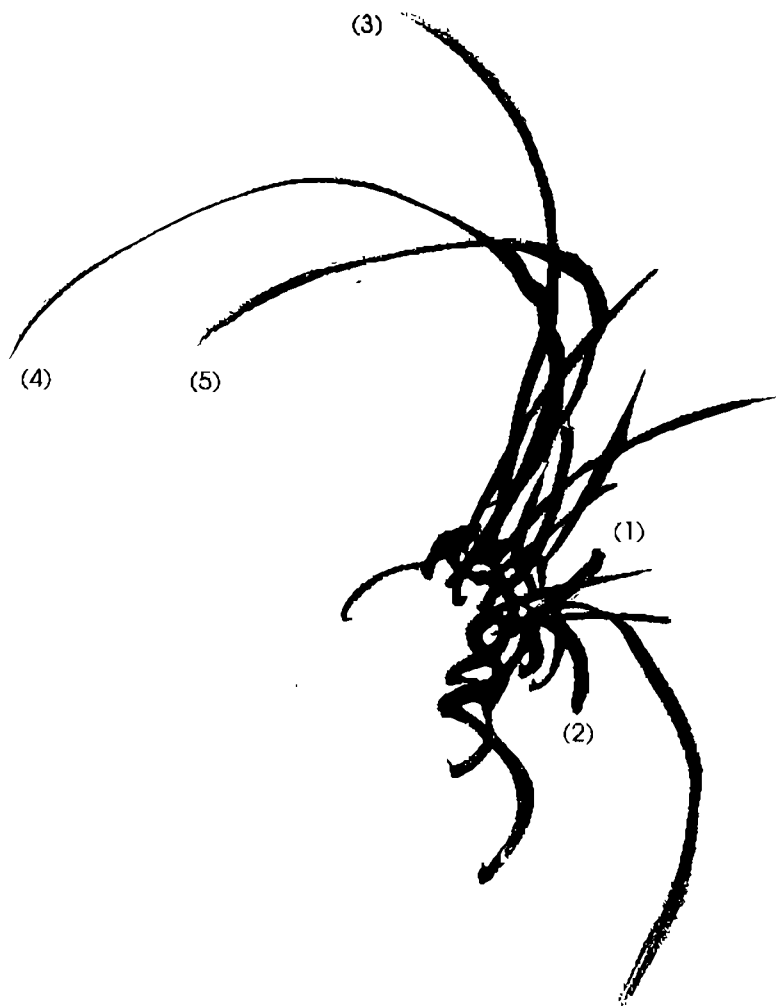
Khi thu bút, nét nhọn của bút lộ trên nét vẽ gọi là *lộ phong thu bút*; nét bút không lộ ra trên nét vẽ gọi là *tàng phong thu bút*.

Quá trình hành bút có thể thực hiện đường thẳng, đường cong hoặc đường gãy. Đường cong gọi là *chuyển*, đường gãy gọi *triết*.

Người xưa cho rằng: Gan dạ khi hạ bút và để tâm khi thu bút, *đại đảm lạc bút, tế tâm thu thập*.

Tức là khi thực hiện một nét vẽ phải toàn tâm toàn ý, là kết quả của công phu luyện tập, không thể tùy tiện.

Kinh nghiệm của các họa sĩ, cho rằng nếu sai mất một nét thì phải tìm cách thay đổi chấn chỉnh, nếu đã sai lạc mà không thay đổi, không chấn chỉnh thì mất cả toàn cục của bức tranh.



H.7 - Lộ phong và tàng phong
(1) (2): Tàng phong
(3) (4) (5): Lộ phong

III. SẮC ĐỘ CỦA MÀU ĐEN

1. Bút là xương, mực là thịt

Các nhà hội họa cho rằng bút là xương, mực là thịt, xương thịt phải liền với nhau thì nét bút mới có thần.

Một bức tranh sơn thủy có nông, có sâu; có đậm có nhạt nên mực phải có độ đậm nhạt khác nhau.

Gồm có 5 sắc độ là: tiêu (than), nông (đậm), trọng (nặng), đậm (nhạt), thanh (nhẹ hoặc trong).

Năm sắc độ này do hòa mực và nước mà thành, mực nhiều nước ít thì đậm, nước nhiều mực ít thì nhạt.

Pha mực là một công phu, phải tự rút kinh nghiệm. Làm thế nào khi pha xong thì mực và nước hài hòa với nhau, không để nước đi đường nước mực đi đường mực. Có khi có ướn tùy theo bút pháp của mình sẽ thực hiện.

Ví dụ: Mực như khô dùng để vẽ cảnh mùa hè nóng nực, mực như ướt dùng để vẽ cây cỏ sau cơn mưa.



(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

Tiêu;

Nông;

Trọng;

Đậm;

Thanh

2. Kẻ keo kiệt và người hào phóng

Nói về việc dùng mực, người ta thường nhớ đến câu: *Lý Thành tiếc mực như vàng, Vương Hiệp thì vẩy mực thành họa.*

Câu nói không phải ám chỉ Lý Thành keo kiệt hoặc Vương Hiệp phung phí mà muốn đề cập đến phương pháp, phong cách và tuyệt kỹ công phu dùng mực của hai họa sĩ lừng danh này.

Qua cách dùng mực thể hiện được phong cách của một trường phái. Nam tông căn bản là *do đậm* (nhật) *nhập thâm* (sâu), tức là từ nhạt mà thấy sâu.

Bắc tông trước là *nồng* (đậm) sau là *đậm* (nhật), *đậm* *nhật* hỗ tương với nhau.

IV. LỤC SẮC VÀ THIỄN RÁNG

Các họa sĩ sơn thủy Trung Quốc thường dùng hai màu thanh lục và thiển ráng (ráng là màu đỏ) để thiết kế màu sắc, gọi là *thiết sắc*.

Thanh lục lấy màu *lục thạch* làm chủ, thiển ráng lấy màu *đỏ đất*, *gạch* làm chủ, gọi là *giả sắc*.

Thiển ráng thì biến hóa vô cùng vô tận còn *thanh lục* biến hóa ít hơn.

Việc thiết kế màu sắc tuân thủ theo nguyên tắc là *tùy loại phú thái*, tức là tùy theo sự vật khách quan mà dùng màu cho thích hợp.

Tả ý mùa xuân, mùa hạ thì dùng màu lục (lục sắc); mùa thu, mùa đông thì dùng màu đỏ đất (giả sắc).

Về bức tranh, trước tiên là xác định sắc chủ, chủ sắc, tiếp theo là xác định sắc phụ (phụ sắc, còn gọi là tông sắc).

Phụ sắc tuy nhiều nhưng không để bức tranh lâm vào thế *khách đoạt chủ*, tức là màu phụ lấn lướt màu chủ.

Để dễ nhớ về những màu chính, màu phụ hoặc trung gian, quan hệ đến việc tả ý của bức tranh, các họa sĩ thời cổ lưu truyền câu ca:

Hồng gian hoàng, thu hiệp trụ
Hồng gian lục, hoa thốc thốc
Thanh gian lục, bất như tử
Phấn lung hoàng, thắng tăng quang

Tạm dịch:

*Màu vàng trung gian-màu hồng, lá thu rơi
Màu lục trung gian màu hồng, hoa sum suê
Lục trung gian của xanh, khác nào đã chết
Phấn thêm cho vàng, sắc màu sáng lên*

V. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ MÀU SẮC

Trong hội họa có nhiều phương pháp thiết kế màu sắc, gọi là *thiết sắc*.

Sau đây là 10 phương pháp chính:

1. *Điểm nhiễm (Nhiễm là nhuộm)*

Là điểm tô điểm cho lá và râu, mực sẽ nhuộm thấm vào đá, trước tiên thấy nét bút, sau khi mực thấm thì không thấy nét bút.

2. *Hồng vân (Hong đốt, sáy, vân là ráng)*

Còn gọi là tuyến nhiễm, *quệt đi quệt lại tạo thành màu nhạt tượng như mây ráng trôi nổi.*

3. *Câu sát (Câu là móc, sát là xoa)*

Sau khi đã vẽ mực, hoặc màu những tối sáng chưa phân biệt rõ thì dùng câu và sát để cho tranh thêm thần thái. Người ta thường dùng màu đỏ đậm hoặc màu lục đậm để câu sát.

4. *Phố để (Phố trải ra, để là dưới)*

Muốn thực hiện mảng màu dày thì dùng mảng màu khác, trải trước ở dưới.

5. *Trạo sắc (Trạo là che đậy)*

Muốn thực hiện mảng màu trầm xuống, thì dùng nước cọ nhẹ ở trên, mà sẽ thấm và trầm xuống.

6. Trát để (Trát là thêu, để là đáy)

Phương pháp này dùng trong công bút, họa những bức họa công phu.

Muốn thực hiện mảng màu dày nhưng không bóng lộn thì người dùng màu để trát, thêu, trước vào giấy vào lụa.

7. Sấm sắc (Sấm là thấm)

Phương pháp này thường dùng trong những bức họa tả ý.

Ví dụ muốn vẽ một nhánh cây khô, sau khi thực hiện xong mảng màu người ta thấm thêm màu ở vị trí khác, để tăng vẻ khô của cành cây.

8. Điền khảm (Điền là thêm vào, khảm là chạm)

Sau khi đã vẽ các mảng màu người ta điền, hoặc khảm màu cần thiết để tăng thêm thần thái của bức tranh.

9. Bồi phu (Bồi là sau, phu là xoa đắp)

Bức tranh lụa hoặc giấy có mặt trước, chính diện và mặt sau, bồi diện. Đôi khi người ta dùng màu xoa đắp vào mặt sau.

10. Phi sắc (Phi là bay)

Sau khi sắp hoàn thành bức tranh, người ta thường thêm màu, hoặc bôi xóa những nét cần bôi xóa, để tăng thêm thần thái của bức tranh.

PHƯƠNG PHÁP VẼ NÚI

I. KHÁI QUÁT

Núi có nhiều loại: thổ sơn (núi đất), thạch sơn (núi đá) hoặc thổ sơn, thạch sơn hỗn hợp (đất và đá hỗn hợp).

Một rặng núi có ngọn thấp, ngọn cao; một trái núi có sườn núi, vách núi, đỉnh, biến hóa vô cùng vô tận nên phương pháp và kỹ thuật vẽ cũng khác nhau.

Cao thấp, khối, các mặt núi là hình thể hoặc xương cốt của núi. Phương pháp chính để vẽ hình thể, xương cốt của núi gọi là *câu lặc*.

Hình trạng núi thật là thiên hình vạn trạng, có núi giống như vẩy rồng, vẩy rắn, có núi nấm mọc nhiều, có núi còn giống như cái sọ người.

Phương pháp chính để vẽ hình trạng, da thịt của núi gọi là *thuần sát*.

1. Câu lặc (*Câu là hình trạng như cái móc, lặc là khắc*)

Như đã nói, câu lặc là phương pháp vẽ vành núi, hình thể của núi, các mặt của núi, xương cốt của núi.

Câu và lặc tuy là một phương pháp nhưng kỹ thuật khác nhau: câu để vẽ những nét chính, lặc là bổ sung cho những nét câu chưa được hoàn chỉnh.

Câu thì có nét dừng, nét chuyển, nét gãy, nét to, nét nhỏ, nét liên tục, nét đứt đoạn.

Lặc thích nghi với những nét ngắn không thích nghi với những nét dài. Theo kinh nghiệm của các họa sĩ khi thực hiện kỹ thuật lặc phải mạnh dạn và tinh tế, *đại đảm tâm tế*.

Nhưng khi những nét câu đã thực hiện hoàn hảo thì không dùng đến lặc.

Về dụng bút thì dùng bút lông chó sói (lang mao) hoặc bút vừa cứng vừa mềm (kiêm bút).

Vận bút có trung phong và thiên phong; linh hoạt trong trung phong có thiên phong, trong thiên phong có trung phong.

Nếu đề mạnh thì nét bút to, nếu ấn nhẹ thì nét bút nhỏ.

2. Thuần sát (*Thuần vết nứt, vẽ hệt như đá lồi lõm; sát là xoa, sát*)

Là phương pháp vẽ hình trạng, da thịt của núi.

Tương tự câu lặc, thuần sát là một phương pháp nhưng kỹ thuật khác nhau: thuần để vẽ hình trạng núi, sát dùng để bổ túc những nét thuần chưa hoàn chỉnh.

3. Mối quan hệ giữa hai phương pháp

Tùy theo hình thể, hình trạng cụ thể của núi, người vẽ dùng phương pháp câu lặc mà không dùng thuần sát.

Ngược lại, có khi chỉ dùng phương pháp thuận sát mà không dùng phương pháp câu lạc.

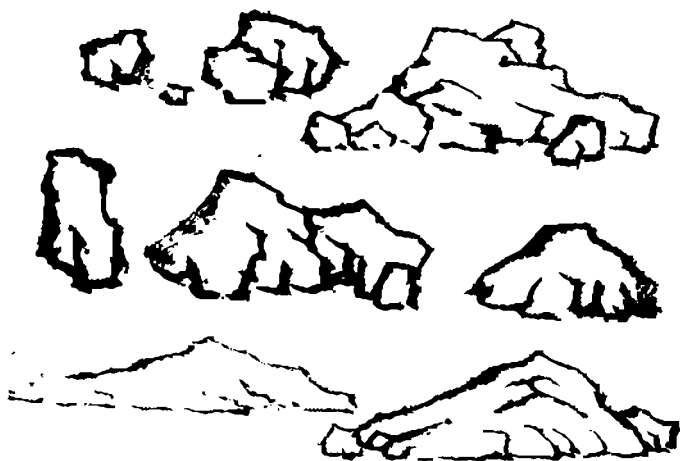
Người ta có thể câu lạc trước và thuận sát sau, tức là vẽ xương cốt của núi trước và vẽ da thịt sau.

Hoặc là dùng phương pháp thuận sát trước và câu lạc sau, tức là vẽ da thịt trước, gân cốt núi sau.

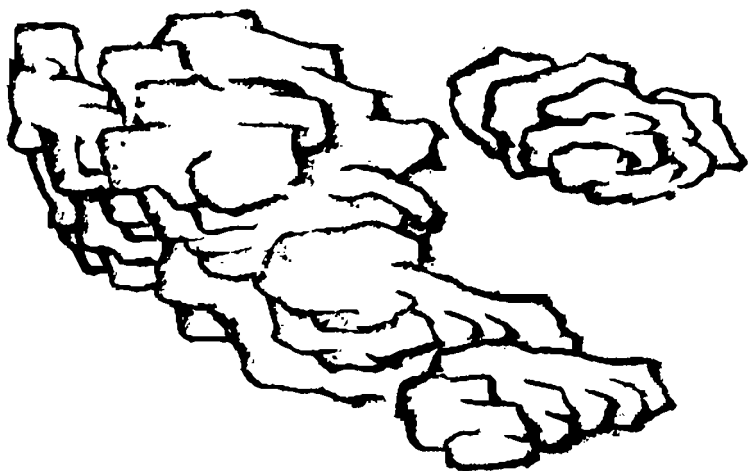
Dùng phương pháp nào trước, phương pháp nào sau là do tình hình thực tế và do thói quen của người vẽ.

*** Lưu ý:** Dù sử dụng phương pháp câu lạc hoặc thuận sát cũng không nên chấm mực quá nhiều và quá đậm.

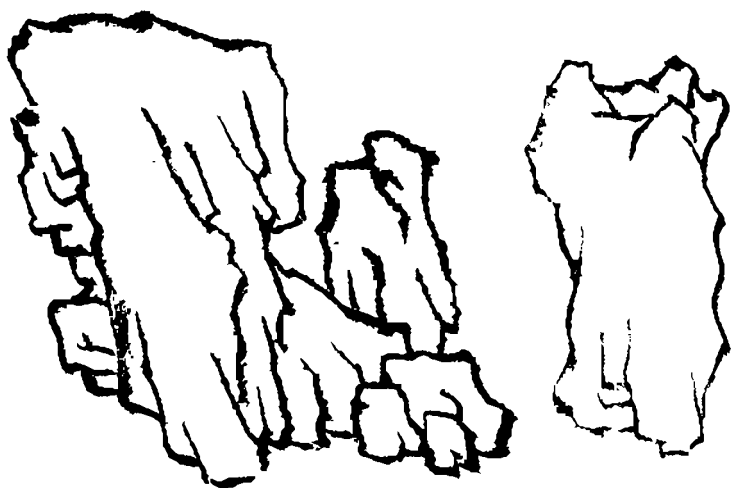
II. PHƯƠNG PHÁP CÂU LẶC



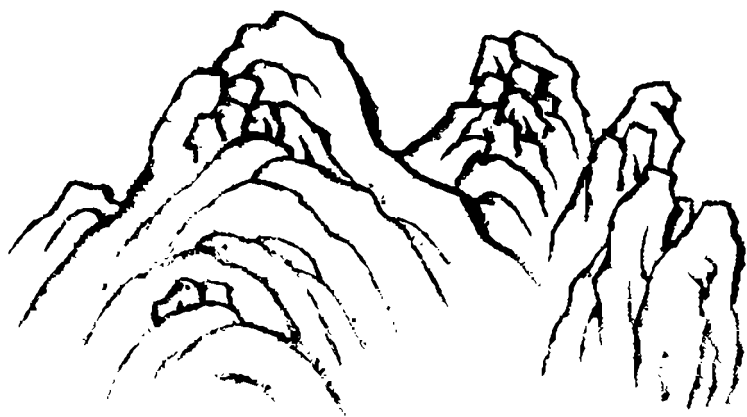
H.1



H.2



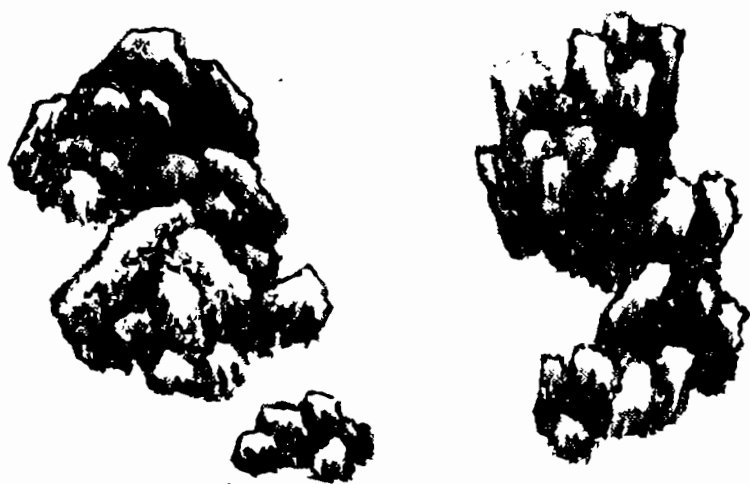
H.3



H.4

III. PHƯƠNG PHÁP THUÂN

1. Đầu như thối phèn (Phàn đầu)

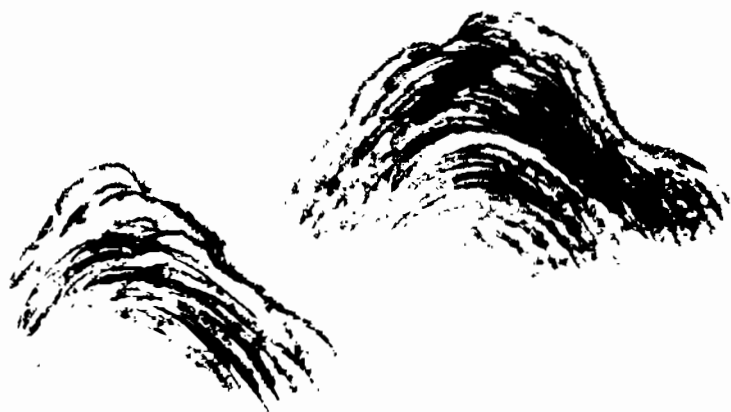


H 5

Trước tiên câu thành vành của núi, sau đó là thuận làm thành các khối.

Chân đá thực hiện nét bút nhẹ, có chỗ rõ, có chỗ mờ.

2. Khoác áo gai (Phi ma)



H.6

Đây là cách vẽ của Nam tông, kỹ pháp tương đối khó.

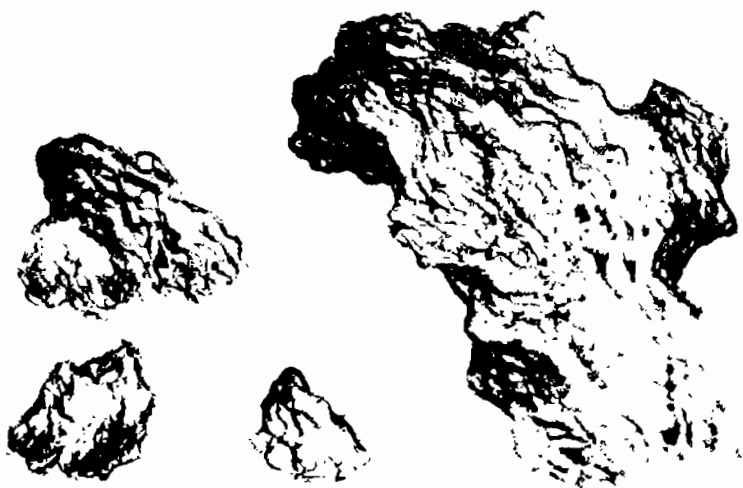
Vận bút chủ yếu là trung phong, không dùng thiên phong.

Sát có tác dụng rất lớn.

Có đường to, có đường nhỏ; có đường dài, có đường ngắn.

Mực không quá đậm cũng không quá nhạt.

3. Dây tơ (Giải sách)



H.7

Phương pháp vẽ núi đá, không có đường gãy khúc, có đường to, có đường nhỏ.

Trước tiên là thuận, vẽ các vết nứt, sau mới vẽ vành núi.

Kết cấu có trước có sau, có hướng có lưng, hô ứng với nhau; tương tự như cách viết thể chữ khải rất thú vị.

4. *Lông trâu (Ngưu mao)*



H.8

Phương pháp vẽ tương tự như giải sách thuần nhưng dụng bút đường ngắn hơn.



H.9

5. *Mây cuộn (Quyển vân)*

Phương pháp vẽ của đời Tống thường dùng.

Ví dụ: bức họa *Thảo xuân hình* của *Quách Hy*.

Khi hạ bút trái, phải hợp lại thành đầu núi nên còn gọi phương pháp này là *vân đầu thuận*.

Trước hết là thuận, thực hiện những vết nứt cục bộ, sau đó mới vẽ vành núi (câu lạc).

Mực trước nhạt, sau đậm hơn.

6. Sóng cuộn (Quyển lãng)

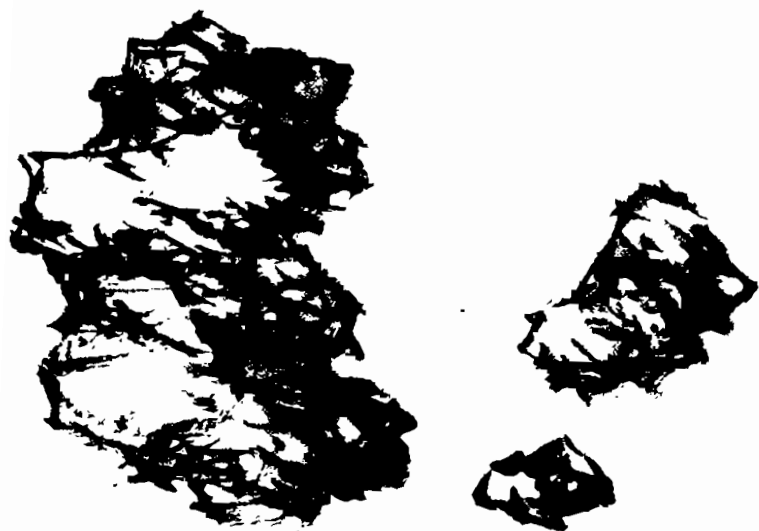


H.10

Triều Mạnh Phủ, đời Nguyên, rất sở trường về cách vẽ này.

Cách vẽ này cũng thường thấy trong hội họa thời Tống.

7. Củi lộn xộn (Loạn sài)



H.11

Dụng bút thoát trái, thoát phải, thoát nằm thoát đứng.

Có trung phong có thiên phong, ngay cả bao tử bút và gốc ngọn bút cũng được vận dụng.

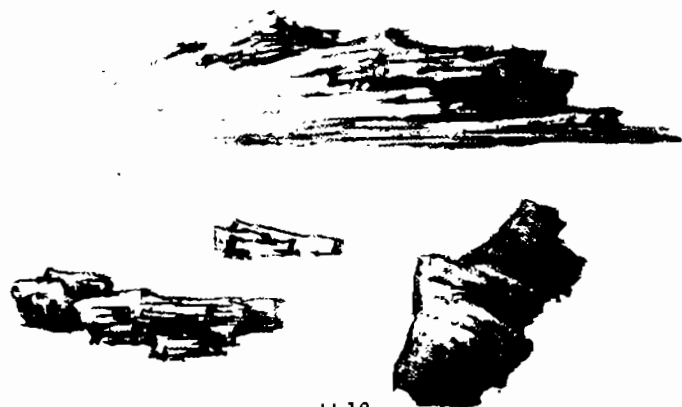
Vận dụng cả thuận sát và câu lạc cùng một lúc.



H.12

Dạng bút tương tự như loạn sai thuận ở trên nhưng đường nét mềm, nhỏ và ngắn hơn.

9. Giải đất gãy (Triết đới)



H.13

Thuần pháp khá đơn giản, quy luật là gãy góc.

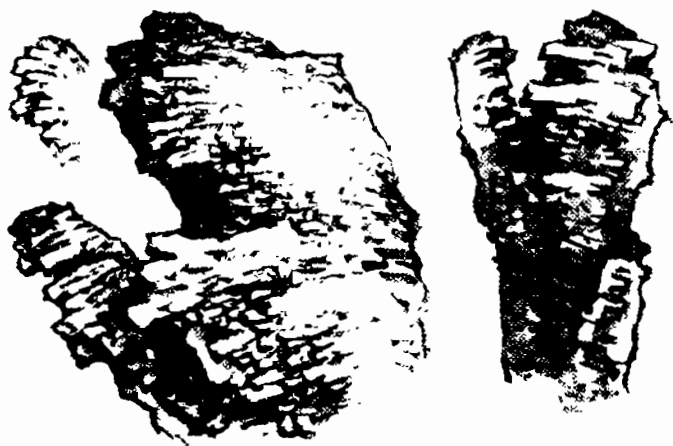
Đơn thuần dùng thiên bút, bút nghiêng so với mặt giấy khoảng 30° .

Bốn ngón tay và ngón cái di động để tạo đường ngắn.

Cổ tay di động để tạo những đường dài.

Câu lạc và thuần sát không rời nhau.

10. Răng ngựa (Mã nha)

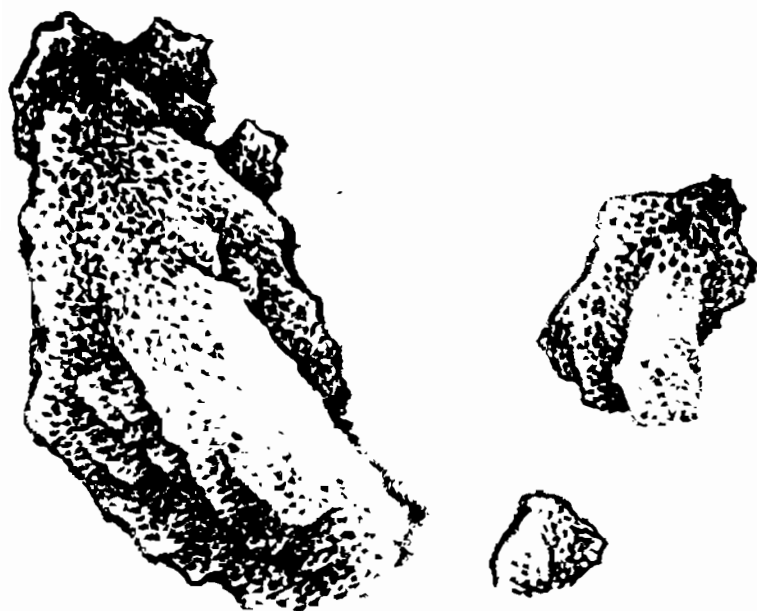


H.14

Thường thấy trong các bức họa đời Tống, đời Nguyên.

Thuần đã tạo thành những phiến đá nhỏ nằm ngang.

11. Gai nấm (Chi ma)



H.15

Phương pháp các họa sĩ đời Tống thường dùng.

Trước tiên, câu để tạo vành núi, sau là phân thành từng loại mặt.

Các điểm đen dày. Mực đậm làm cho những phần trắng sáng lên.

12. Hạt mưa (Vũ điểm)



H.16

Vũ điểm thuận còn có tên là *vũ sương thuận*.

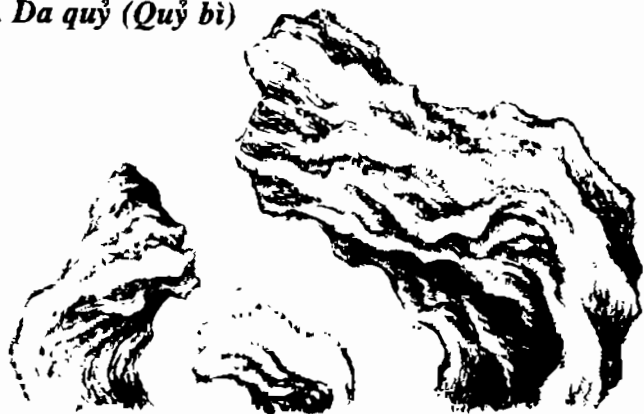
Trước là câu để giảm lực vành núi, sau dùng trung phong, bút pháp là những nét to và ngắn.

Thể hiện như thế nào để trái, phải và trên phải được thế.

Chú ý những chỗ tối và sáng nhưng không nên đều đều.

Không thích nghi với sát.

13. Da quỷ (Quỷ bì)

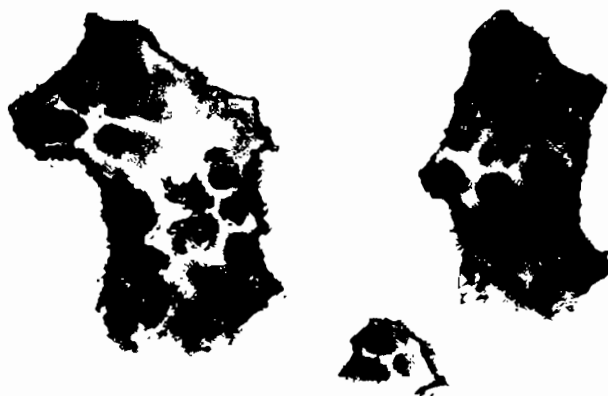


H.17

Dụng thiên bút là chính; những đường thích nghi với những nét sổ mềm.

Trước tiên câu để thực hiện vành núi và thể hiện tầng tầng như bị vỡ ra, tất nhiên gia thêm sát bút.

14. Đầu lâu (Khô lâu)



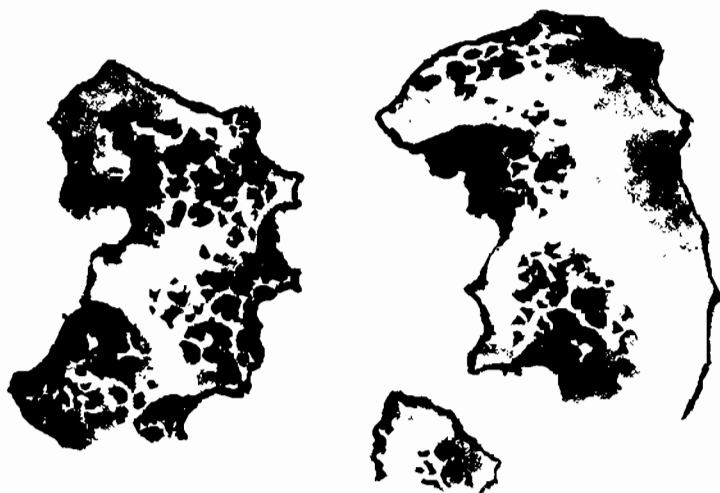
H.18

Thường thấy trong những bức tranh vẽ núi đá của bắc tông.

Vẽ các hang hốc, tượng như đầu lâu nhưng thực hiện thế nào cho tự nhiên, không gây cảm giác sợ hãi.

Không thể vẽ khô lâu thuần đơn độc để thành một bức tranh được.

15. Mặt quỷ (Quỷ diện)



H.19

Mực đậm, nhạt tăng thêm cảm giác về sự lồi lõm của đá.

16. Vết dạn (Đạn qua)



H.20

Không dùng câu để thực hiện vành núi đồng thời cũng không thích nghi sử dụng sát.

Do các điểm tròn to nhỏ hợp thành, có dày, có thưa; có đậm có nhạt; tượng như những hạt mưa chảy vào ao.

17. Dấu tay (Đạn chỉ)



H.21

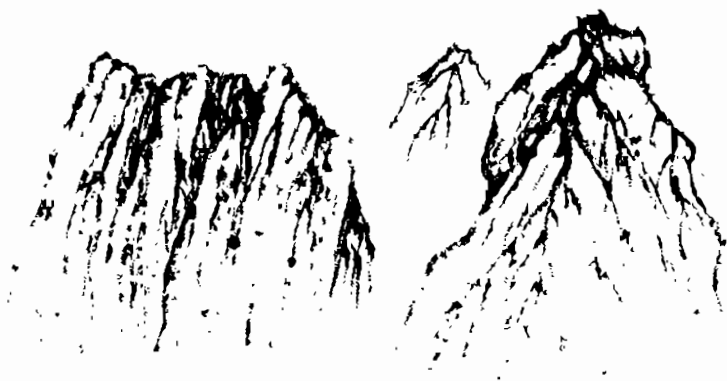
Cầm quản bút dài bằng ba ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa hoặc cầm bút bằng hai ngón: ngón cái và ngón trỏ.

Cầm bút lỏng không nên cầm chặt, sử dụng trung phong hất sang bên phải.

Trước tiên thực hiện các đường vân, sau mới thực hiện vành núi.

Bút lực ở ý không phải ở tay.

18. Lá sen (Hà hiệp)



H 22

Họa sĩ Ngô Trăn, đời Nguyên, thường dùng để vẽ Hoàng sơn.

Vận dụng trung phong để thực hiện đỉnh núi, các vết nứt, sau đó chia ra các nhánh của đường nứt.

19. Đầu cánh hoa (Đậu bọ)

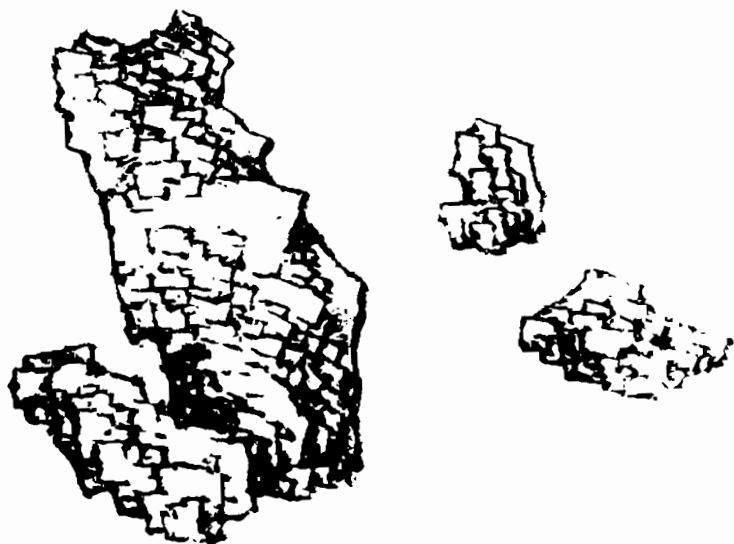


H.23

Phương pháp tương tự vũ điểm thuần nhưng điểm lớn hơn.

Có thêm mặt núi cao tăng thêm khí thế vững chãi ngàn năm của núi.

20. Ngọc vờ (Toái ngọc)



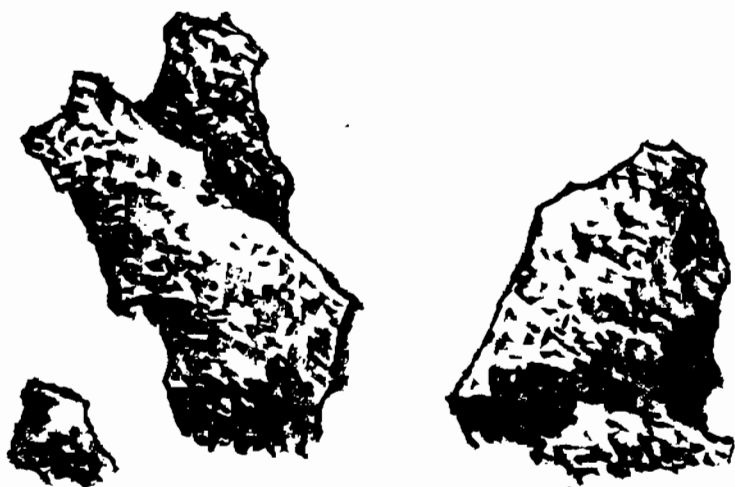
H.24

Đặc điểm chính là dùng câu lặc, rất ít dùng sất.

Những khối lớn nhỏ trùng điệp nhau mà hình thành núi.

Chỗ mờ chỗ sáng khá riêng biệt.

21. Vết chẻ (Khăm đạ)



H.25

Dùng trung phong và thiên phong.

Trước tiên là vẽ vành núi, sau đó thực các nét bút như khắc gọt.

Lưu ý những vùng màu đen và các góc thế nào cho được thế.

22. Vết búa lớn (Đại phủ phách)



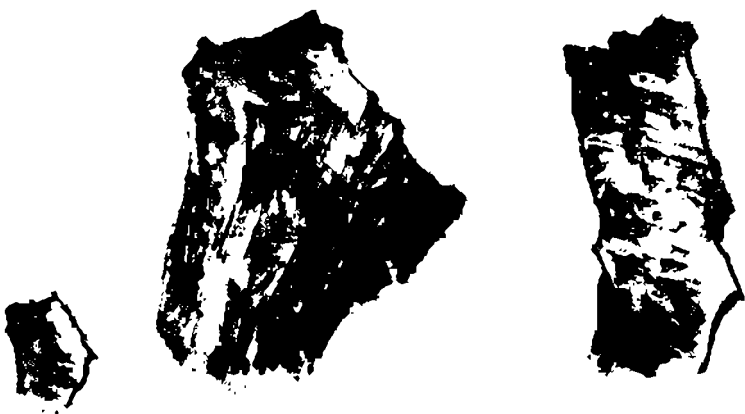
H.26

Đây là cách vẽ đặc sắc của Bắc tông, bên ngoài sáng, bên trong đường nét như những sợi lông.

Dùng trung phong và có sự hỗ trợ của thiên phong, cầm bút theo thế *tải chưởng*, bốn ngón cầm quản bút, nghiêng 30° so với mặt giấy, mũi nhọn bút thực hiện các nét bên ngoài, bao tử bút thực hiện các nét bên trong.

Các đường các khối biến hóa liên tục, mỗi nét bút có tác dụng khác nhau, có nét to nét nhỏ, tạo được sự mạnh mẽ, thẳng và đẹp.

23. Vết chẻ nhỏ (Tiểu phủ phách)



H.27

24. Dấu đinh đóng (Nê lý bạt đính)



H.28

Nê lý bạt đính thuần còn được gọi là đinh đầu thuần.

Phương pháp vẽ tương tự như vẽ chi ma thuần (11).

Có nét to thẳng, có nét nhọn thẳng; trên dưới phải trái hô ứng với nhau; không rời rạc.

Có tán có tụ, phần đen phần trắng phân biệt rõ ràng.

25. Vẩy cá (Ngư lân)



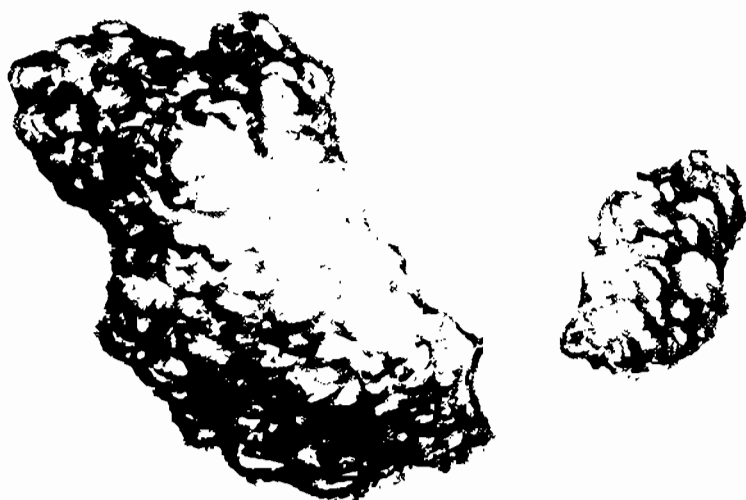
H.29

Đây là cách vẽ của các họa sĩ đời Nguyên, được biến thể.

Đầu tiên là câu, sau là thuận và sát.

Những đường cong hướng xuống dưới.

26. Vẩy rồng (Long lân)



H.30

Đầu tiên là thuận, sau là câu lạc.

Thể hiện được ý vẩy rồng, hình trạng rất phân minh, đen trắng rõ ràng.

Cách vẽ hơi khó, luyện tập nhiều, ngón tay và cổ tay mới linh hoạt.

26. Bùn lẩn nước (Tha nê đáỉ thủy)



H.31

Dùng trung phong.

Trước là câu sau là thuận.

27. Mắt vông (Phá vông)



H.32

Biến thể từ sách thuận (dây tơ).

Trước tiên là câu, sau là thuận.

Hai nét bút giao nhau theo quy luật.

28. Cỏ nước (Thủy thảo)



H.33

Biến thể từ *phần đầu thuần (1)*

Dùng lộ phong bút.

Gốc đá chân thực, tượng cây con mới mọc.

Mực có đậm, nhạt làm tăng thêm vẻ sáng của chỗ trắng.

29. Không xương (Một cốt)



H.34

Không dùng câu lạc.

Những chỗ đậm, nhạt do mực thấm hình thành.

Có lưng có hương, thể hiện được bút ý.

Phương pháp này chỉ có thịt, màu sắc là chính, không có xương cốt.

30. Hạt gạo (Mễ điểm)



H.35

Cách vẽ của các nhà thư họa Bắc tông.

Rất ít dùng câu lặc.

Các điểm nghiêng trùng điệp.

Hình trạng như mây khói, tạo nên sự huyền ảo.

Thích hợp với vẽ cảnh mưa.

Tiết 3

VỀ NÚI CÁT ĐÁ, SƯỜN NÚI, ĐỈNH NÚI VÀ NÚI DẠNG BÌNH PHONG

1. Núi cát đá (Sơn nhâm)



H.1

Thuần là chính.

Đỉnh núi mực đậm.

Dưới núi nhạt, thể hiện mây rắng.

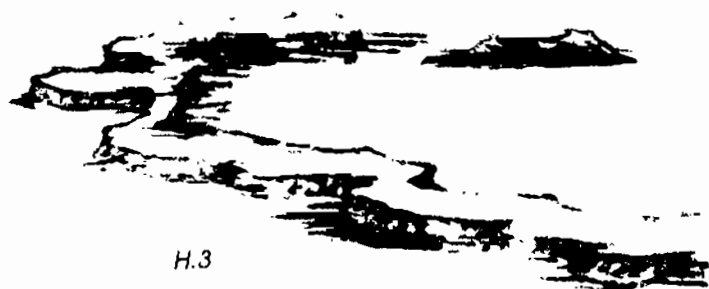
2. Bậc núi (Đặng)



H.2

Trước tiên dùng câu để vẽ vành núi, sau dùng thiên phong để sổ ngang hoặc dọc, nét ngang có ngắn có dài.

3. Sườn núi (Pha phản)



H.3

Vẽ sườn núi tương tự như vẽ bậc núi (2) vừa nêu.
Dùng câu làm vành.

Sau dùng thiên phong sổ thẳng hoặc ngang, các nét dài ngắn của mặt đá.

4. Bờ cát (Sa than)

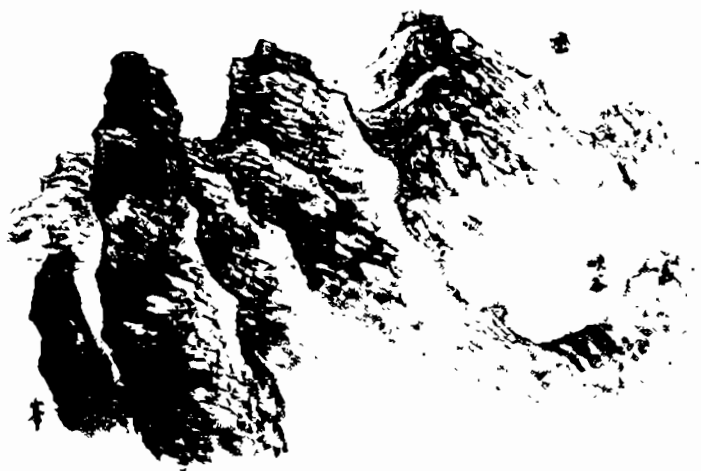


H.4

Dùng thiên phong và *hoành sát* (xoa ngang)

Dùng mực khô để tạo các nét đậm, sau đó là tạo vẽ sâu.

5. Đỉnh núi (Sơn phong, phong loan)



H.5

Các đỉnh có lớn, có nhỏ sừng sững, núi có cao có thấp, có khối có phục, được thối. Đỉnh núi có khách có chủ.

Những mạch đá đỉnh núi tạo thành các hang hốc.

6. Đỉnh núi bình phong (Chương linh)

H.6



Cách vẽ của các họa sĩ đời Thanh.

Ứng dụng các vẽ núi giải tác, dây tơ (2, phần thuận)

Những đường nhỏ ngang tạo thành những tầng cấp, quanh quất ruột dê.

7. Đỉnh núi gân lá sen (Hà hiệp)



H.7

Cách vẽ của họa sĩ đời Thanh.

Đỉnh núi với thuận những nét như gân lá sen để tả ý xa xôi.

PHƯƠNG PHÁP VẼ CÀNH, THÂN VÀ RỄ CÂY

I. PHƯƠNG PHÁP VẼ CÀNH, NHÁNH

Cành cây được quy về hai hình trạng chính là hình chữ y dài (Quốc ngữ) và hình chữ nhân (nhân là người).

Hình chữ (y) có khuynh hướng hướng lên.

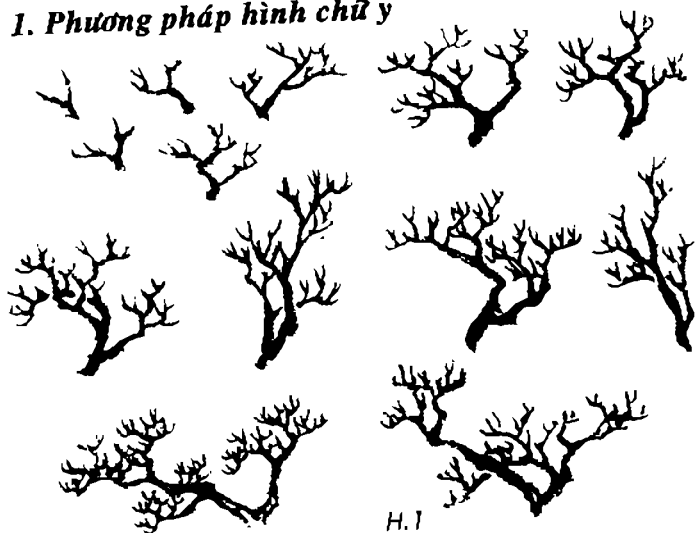
Hình chữ nhân (người) có khuynh hướng hướng xuống dưới.

Vẽ cành nhỏ thì dùng *đơn bút (một nét)*. Vẽ cành to thì dùng *song câu (hai nét)*.

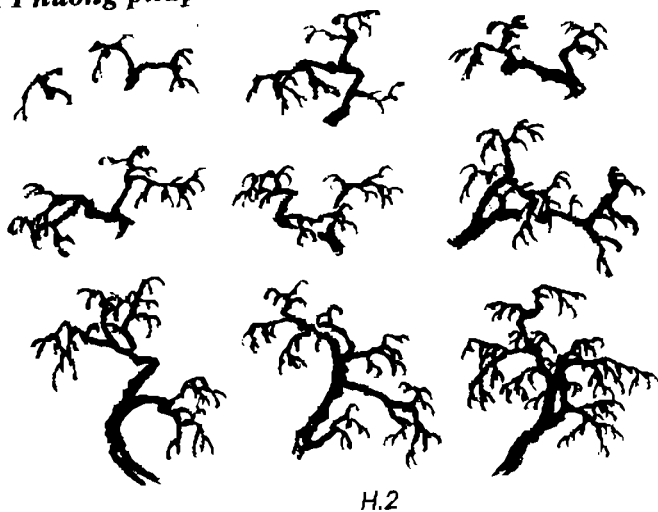
Cách vận bút có thể từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên. Tức là thực hiện cành nhỏ trước, cành to sau; hoặc thực hiện cành to trước, cành nhỏ sau.

Dù cành to hoặc nhỏ, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc chia ra hoặc gặp nhau, hoặc trùng hoặc khuyết, hoặc thưa hoặc dày, hoặc trước hoặc sau phải được *thế* và thể hiện *hình thái* của cành cây. Không nên vẽ tùy tiện.

1. Phương pháp hình chữ y



2. Phương pháp hình chữ nhân



II. PHƯƠNG PHÁP VẼ THÂN CÂY

Có vô số loại cây nhưng các họa sĩ thích vẽ nhất là cây tùng, cây bách, liễu... Mỗi loại cây có cách vẽ khác nhau. Sau đây là một số phương pháp cơ bản:

1. Cây tùng thì dùng *thuần sát*, đơn giản.
2. Cây liễu thì dùng hình chữ *nhân* (nhân).
3. Ngô đồng thì dùng *hoành thuận* (hoành: theo chiều ngang).
4. Cây xuân thì dùng *sổ thuận* (sổ : theo chiều dọc)
5. Cây bá thì dùng *giảo bạch* (xoắn, uốn éo như tấm lụa).



H.3

III. PHƯƠNG PHÁP VẼ GỐC CÂY

Gốc quy về hai loại chính là lộ rễ và không lộ rễ.

Vẽ lộ rễ chủ yếu là dùng câu lặc.



H.4
Không lộ rễ



H.5
Lộ rễ

IV. PHƯƠNG PHÁP VẼ CÂY KHÔ

Cây khô thường xuất hiện trong những bức tranh vẽ về mùa đông.

Cây khô được quy về bốn loại:

1. Nhánh hướng lên trên gọi là sừng hươu (lộc giác)



H.6

2. Nhánh hướng xuống dưới gọi là càn của
(giải cô)



H.7

**3. Nhánh hướng lên trên theo hình vòng cung như
trăng non (nguyệt nha)**



H.8

4. Nhánh hướng lên trên, biến thể của sừng hươu, như vết rạn, nứt của băng giá (băng văn)



H.9

V. PHƯƠNG PHÁP VẼ CÂY LIỄU

Khó vẽ nhất là cây liễu nhánh rũ xuống. Vì thế, các họa sĩ Trung Quốc thường nói: *Vẽ người khó vẽ tay, vẽ cây khó vẽ liễu.*

Muốn vẽ cảnh liễu rũ xuống, khởi bút hướng lên trên, sau đó là hướng xuống dưới, quan trọng nhất là thu bút lộ phong nhanh.

Nếu muốn thể hiện liễu mùa xuân hoặc mùa hạ thì vẽ bằng màu lục.



H.10

PHƯƠNG PHÁP VẼ LÁ CÂY

I. KHÁI QUÁT

1. Thông thường vẽ cảnh cây xong mới vẽ lá.

2. Vẽ chỗ thân cây chia nhánh có hai cách: một là nét bút sâu vào thân cây hoặc nét bút dính với đường thân cây.

3. Vẽ lá, mực có đậm có nhạt, có khô có ướt; có nét to nét nhỏ; có trước có sau.

Vẽ lá ở ngọn (đỉnh) cây, thích nghi với mực đậm và vẽ thế nào thể hiện được sắc thái và tư thế của cây.

4. Phương pháp vẽ lá được quy về hai loại: điểm hiệp (lá được thực hiện bằng điểm) và giáp hiệp (lá kép, thực hiện bằng những đường nét).

II. PHƯƠNG PHÁP VẼ LÁ BẰNG ĐIỂM

Các điểm hỗn hợp thể hiện lá phải hô ứng với nhau, có trước có sau, được thế, không nên vẽ rời rạc.

Có 33 cách thức vẽ lá bằng điểm.

1. Điểm hình chữ cá (Cá tự điểm)



H.1

2. Điểm hình chữ giới (Giới tự điểm)



H.2

3. Điểm hình hạt tiêu (Hồ tiêu điểm)



H.3

4. Điểm hình hoa mai (Mai hoa điểm)



H.4

5. Điểm hình chân chuột (Thử túc điểm)



H.5

6. Điểm hình lá cây bá (Bá hiệp điểm)



H.6

7. Điểm hình hoa cúc (Cúc hoa điểm)



H.7

8. Điểm hình rồng biển (Thủy tảo điểm) gồm đầu
nhọn và đầu ngang



H.8

9. *Điểm nhỏ hỗn hợp (Tiểu hỗn điểm)*



H.9

10. Diểm lớn hỗn hợp (Đại hỗn diểm)



H. 10

11. Điểm số thẳng hỗn hợp (Thùy hỗn điểm)



H. 11

12. Đỉm giấy rong biển (Tảo tòng đỉm).



H. 12

13. Điểm hình lá cây Ngô đồng (Ngô đồng điểm).



H. 13

14. Điểm hình lá cây xuân (Xuân thụ điểm)



H. 14

15. Điểm hình lá cây du (Du thụ điểm)



H.15

16. Diêm bằng dầu (Bằng dầu diêm)



H. 16

17. Ba điểm gộp lại (Tán tam điểm)



H.17

18. Điểm bút phân tán hỗn hợp (Bút tán hỗn điểm)



H.18

**19. Điểm tùm năm, tùm ba
(Tán tam tụ ngũ điểm)**



H.19

**20. Điểm lá cây xuân,
do tán bút mà thành
(Tán bút xuân hiệp điểm)**



H.20

21. Điểm ngẩng lên (Ngưỡng đầu điểm)



**22. Điểm hình lá cây sam
(Sam hiệp điểm)**



23. Điểm phá bút (Phá bút điểm)



H.23

**24. Điểm lá ngưỡng lên
(Ngưỡng hiệp điểm)**



H.24

25. Điểm hình lá quế (Quế hiệp điểm)



H.25

**26. Điểm rũ xuống như dây leo
(Thùy dăng điểm)**



H.26

27. Điểm hình lá tròn (Viên hiệp điểm)



H.27

28. Điểm biến đổi (Biến điểm)



H.28

29. *Điểm số* (*Số điểm*)



H.29

30. Điểm hình lá rũ xuống (Thùy hiệp điểm)



H.30a

**31. Điểm chữ giới nhỏ
(Tế bút giới điểm)**



H.30b

32. *Tông đồng (Tông đồng)*



H.32

33. *Cây chuối (Ba tiêu)*



H.33

VỀ LÁ TRÚC, LÁ TÙNG, LÁ DƯƠNG VÀ LÁ LIÊU

1. Lá trúc

1. Thông thường vẽ trúc, trước tiên là thân, vẽ các lóng (đốt), các nhánh, sau đó mới vẽ lá. Gốc cây trúc lóng (đốt) dày, trên ngọn lóng (đốt) thưa hơn.

Nhưng tranh sơn thủy thì người ta lại vẽ lá trúc trước, sau đó mới vẽ cành, thân... Trúc thường được vẽ gần núi hoặc gần tảng đá.

2. Lá trúc có lá hướng lên (*triều thiên trúc*); có lá hướng xuống (*phách trúc hiệp*)

Vẽ trúc trong tranh sơn thủy thích nghi với lá dày, nhiều lá.

Mực đậm, nhạt không cách biệt quá xa, thì trông mới có sinh khí.



H.1

2. Lá tùng

Tùng có nhiều loại, lá đuôi ngựa, mã vĩ; lá như đồng tiền, kim tiền tùng... Mỗi loại tùng có cách vẽ khác nhau.

Thông thường, thực hiện ba nét nhọn như cây kim, tụ thành một tam giác.



H.2



H.3



H.4

3. Lá dương



H.5

4. Lá liễu



H.6

PHƯƠNG PHÁP VẼ LÁ KÉP

Có gần 40 cách vẽ lá kép.

1. Lá ngân hạnh



H. 1

2. Lá ngọc lan và lá phong



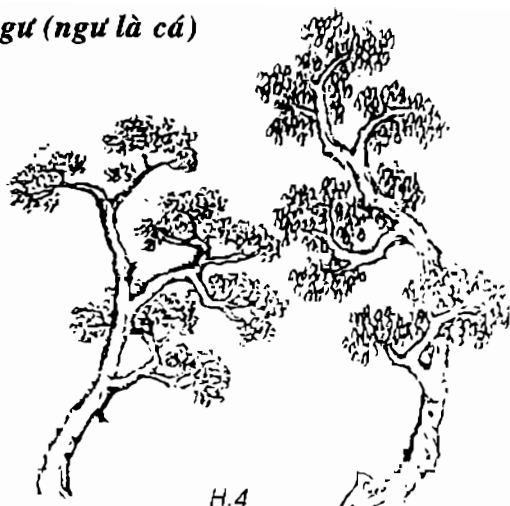
H.2

3. Lá phong



H.3

4. Hình chữ ngư (ngư là cá)



H.4

5. Lá có gân

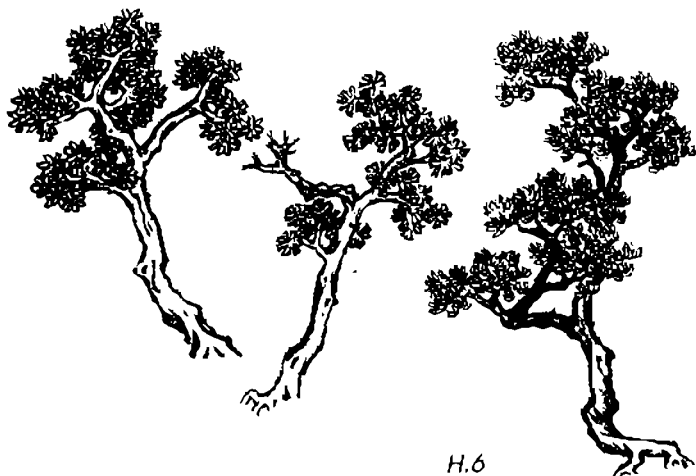


H.5

Không nên vẽ tròn trịa, không đẹp.

Dùng hai nét bút trên và dưới hợp thành.

6. Lá hình hoa cúc (3 cách)



H.6

7. Lá tròn



H.7

8. Lá hình chữ cá và chữ giới



9. Lá hình hoa cúc trùng điệp



10. Lá hình con nghêu



H.10

11. Lá cây xuân lá cây đồng



H.11

12. Lá hình hoa mai



H.12

13. Lá cây quế



H.13

14. Lá có hình răng



H.14

15. Lá tùng



H.15

16. Lá tạo thành tàng



H.16

17. Hình lá từng lớp, không góc



H. 17

18. Hình lá trúc



H. 18

19. Anh đào và lim như lá trúc



H.19

20. Thiết thụ



**Chú ý:* Vẽ lá anh đào nhỏ hơn lá tròn (khuyên hiệp, cách thứ 5, bên trên)

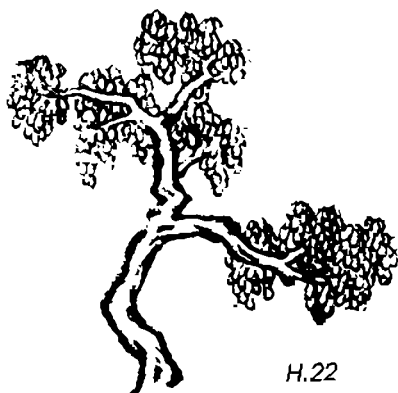
H.20

21. Tường vi



H.21

22. Anh lạc



H.22

23. Lá hình hạt nếp



H.23

24. Lá dài



H.24

25. Liễu



H.25

26. *Tông lư*



H.26

27. Cây chuối



H.27

28. Những hình thức khác



H.28

NHỮNG CÁCH VẼ CÂY VÀ LÁ KHÁC



H.1



H.2



H.3



H.4



H.5



H.6

PHƯƠNG PHÁP VẼ RÊU

I. KHÁI QUÁT

Tương tự cây, lá; rêu có tác dụng rất lớn đối với tranh sơn thủy. Rêu được xem là một bộ phận cấu thành một bức tranh.

Phương pháp căn bản vẽ núi đá có rêu là thuận.

Phương pháp vẽ rêu cũng có rất nhiều cách thức.

Sau đây là những cách chính.

II. PHƯƠNG PHÁP VẼ CÁC ĐIỂM

1. Vẽ biến điểm, có hai cách

Cách thứ nhất: Trước hết là vẽ cây, tiếp đến là dùng mực nhạt theo phương pháp câu lạc, thuận sát để vẽ núi đá; sau là dùng phương pháp thuận sát để vẽ biến điểm bằng mực đậm.

Tạo nên vẽ xa gần, hồn hậu của bức tranh.

Cách thứ hai: Trước hết là vẽ cây, tiếp là dùng phương pháp thuận sát để hình thành núi đá, sau là dùng mực nồng độ đậm nhạt khác để thực hiện các biến điểm, bao quát cả mặt đá, gốc đá.

Cách cầm bút: Trước khi hạ bút, khoảng cách mặt giấy khoảng từ một đến hai phân (thốn). Nhất khí trong khi vận bút. Khi thu bút tăng độ đậm của mực.

2. Vẽ điểm tròn, điểm sổ thẳng, điểm đầu nhọn do mực đậm nhạt mà thành

Vẽ điểm thẳng, sổ điểm thì nên dùng bút cũ, cùn (thốc bút), nếu bút mới thì nên đốt bớt đầu bút.

Vẽ điểm đầu nhọn thì nên dùng bút mới.

3. Điểm hình chữ giới, điểm hình hạt tiêu cũng do các điểm đậm nhạt mà thành

Trên mặt đá thẳng nên vẽ nhiều điểm.

Điểm lớn hỗn hợp, đại hỗn điểm, thì nên vẽ nhạt trước, đậm sau.

4. Điểm hỗn hợp nhỏ (tiểu hỗn điểm), nét bút nhỏ biến thành điểm (tế bút biến điểm), bút trung phong biến phân tán biến thành điểm (trung phong tán bút điểm)

Khi thực hiện, trung phong chấm mực đậm, nhìn kỹ phạm vi cần điểm xuyên, bất kể là mặt đá, gốc đá, thân cây hoặc thành cây, khi thực hiện phải tập trung tinh lực.

Không dùng cổ tay nhưng đầu bút phải chấn động mạnh khi thực hiện các điểm.

5. Điểm nghiêng (tà điểm) mỗi điểm nên vẽ một lần.

Điểm xuyên cho núi, có cân nhắc, chọn lựa, không nên điểm xuyên tràn lan.

6. Điểm bay (phi điểm), tuy điểm như bay ra khỏi núi nhưng không có nghĩa thoát ly ra khỏi núi

Nói cách khác, bút ý không xa rời giữa điểm và núi.

Người ta cho rằng phi điểm là *họa long điểm nhãn*, tức làm cho bức tranh sinh động, rất khó vẽ.

Tranh sơn thủy không thích hợp khi vẽ quá nhiều phi điểm.

7. Điểm chữ cá. điểm hoa mai, điểm lá bá nên vẽ một lần

Cách vẽ điểm nghiêng hỗn hợp (tà điểm hỗn hợp), trước tiên là thực hiện nét nhọn, sau là thực hiện nét nghiêng.

8. Điểm nạm ngọc, điểm châu sa và điểm đá màu lục

Cách vẽ: Trước hết là vẽ núi đổ khô, sau đó mới vẽ các điểm.

III. TÁC DỤNG

Vẽ rêu bằng những phương pháp trên có 4 tác dụng:

1. Che bớt những chỗ vẽ chưa đạt (Yểm xuy)

Điểm xuyết thêm rêu phong sẽ che bớt những chỗ thuần sát chưa đạt.

2. Tăng thêm vẻ đẹp (Tăng nghiên)

Điểm xuyết thêm rêu cảnh sẽ đẹp hơn.

3. Thêm thần thái (Đề thần)

Điểm xuyết thêm rêu làm tăng thần thái của bức tranh.

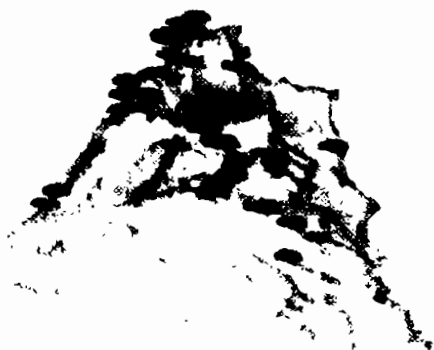
4. Làm cho tranh tươi nhuận (Đắc nhuận)

Thêm rêu, tranh sẽ có cây to, cây vừa, cây nhỏ (rêu), thể hiện được sự tự nhiên, bình đạm, tươi nhuận, của bức tranh.

IV. CÁC LOẠI ĐIỂM

Có 18 loại điểm sau :

1. Điểm biến (Biến điểm)



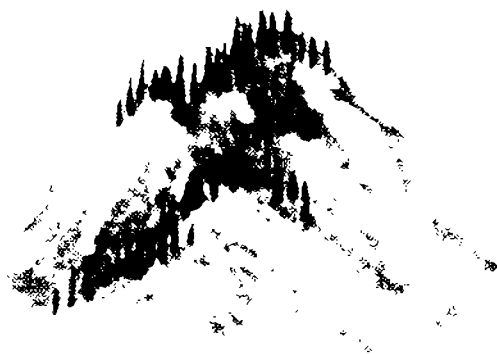
H.1

2. Điểm thẳng (Sổ điểm)



H.2

3. Điểm đầu nhọn (Tiềm đầu điểm)



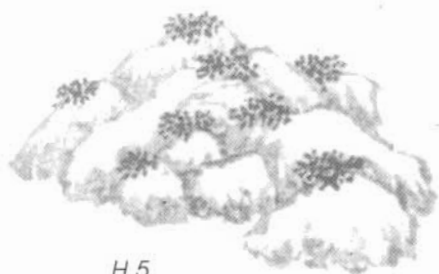
H.3

4. Điểm hình chữ giới (Giới tư điểm)



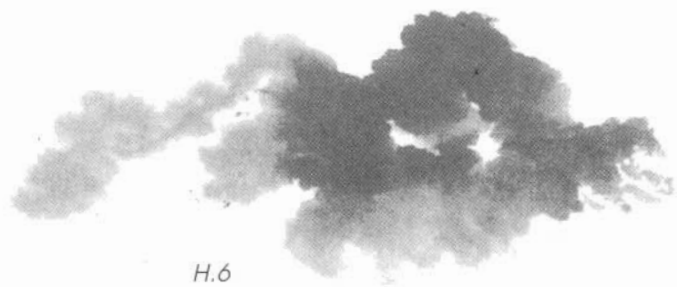
H.4

5. Điểm hình hạt tiêu (Hồ tiêu điểm)



H.5

6. Điểm lớn hỗn hợp (Đại hỗn điểm)



H.6

7. Điểm nhỏ hỗn hợp (Tiểu hỗn điểm)



H.7

8. Nét bút nhỏ biến thành điểm (Tế bút biến điểm)



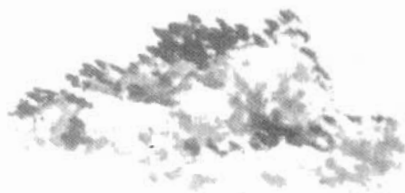
H.8

**9. Nét bút trung phong phân tán thành điểm
(Trung phong tán bút điểm)**



H.9

10. Điểm nghiêng (Tà điểm)



H.10

11. Điểm như bay lên (Phi điểm)



H.11

12. Điểm hình chữ cá (Cá tự điểm)



H.12

13. Điểm hình hoa mai (Mai hoa điểm)



H. 13

14. Điểm hình lá cây bá (Bá hiệp điểm)



H. 14

**15. Điểm đầu nhọn nghiêng hỗn hợp
(Tà tiêm hỗn hợp điểm)**



H. 15

16. Nạm ngọc điểm
(Khảm ngọc điểm)



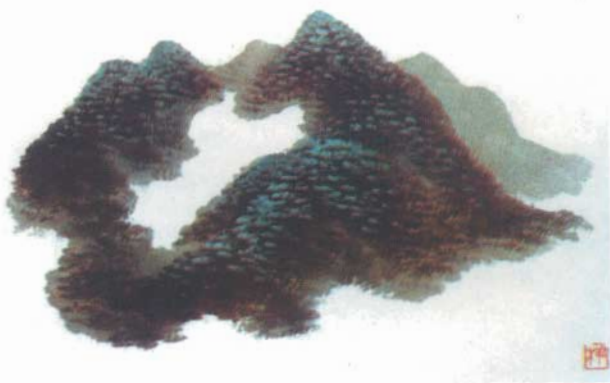
H.16

17. Điểm châu sa
(Châu sa điểm)



H.17

18. Điểm đá màu lục (Thạch lục điểm)



H.18

**PHƯƠNG PHÁP VẼ MÂY, NƯỚC, SUỐI
VÀ THÁC NƯỚC**

I. MÂY

Tranh sơn thủy nhất định phải có hư có thực.

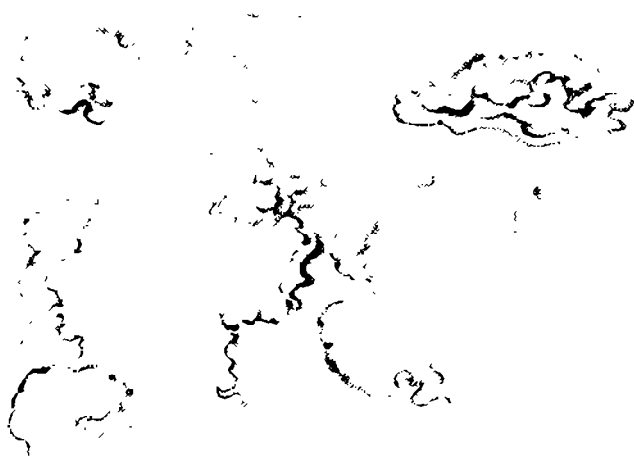
Thực là núi non, cây cỏ; hư là mây, là một phần quan trọng của tranh. Có hư mới làm tăng vẻ thực của tranh và tạo không gian của tranh.

Mây quy về hai loại chính: Mây núi và mây trên biển.

Cách vẽ: Dùng mực đậm câu thành hình trạng của mây.



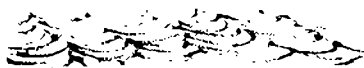
H.1



H.2



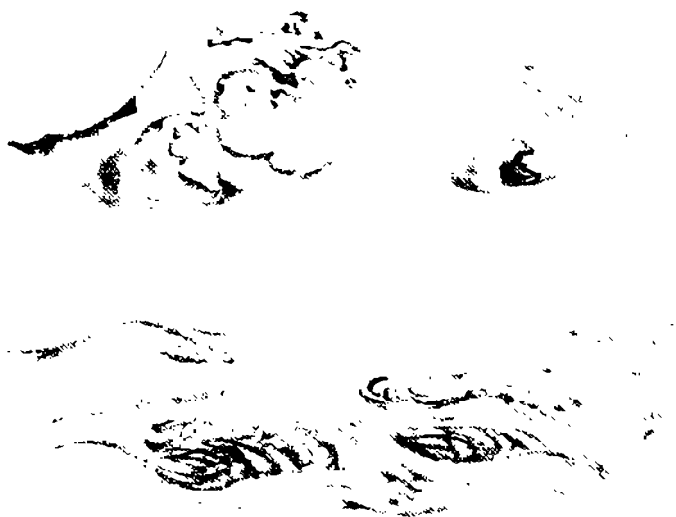
H.3



H.4



H.5



H.6

II. NƯỚC CHẢY

Đối với tranh hoa điều vẽ nước chảy có một vị trí khá quan trọng, với mục đích tả ý qua các nét tả nước chảy.



H.7

Những đường thể hiện ý nước chảy cuộn cuộn ra hai bên, ở khoảng giữa có những đường người ta gọi là *thủy hoa*.

Lối vẽ này thích hợp với những bức họa lớn.



H.8

Lối vẽ này thích hợp với những bức họa nhỏ hoặc cỡ vừa.

III. SUỐI VÀ THÁC

Suối và thác có sự khác biệt. Nhỏ là suối, lớn là thác. Nhưng sự phân biệt này cũng không tuyệt đối lắm.

Nguyên tắc vẽ suối và thác: Hai bên mực đậm, tức nhiên suối và thác sẽ lộ ra.

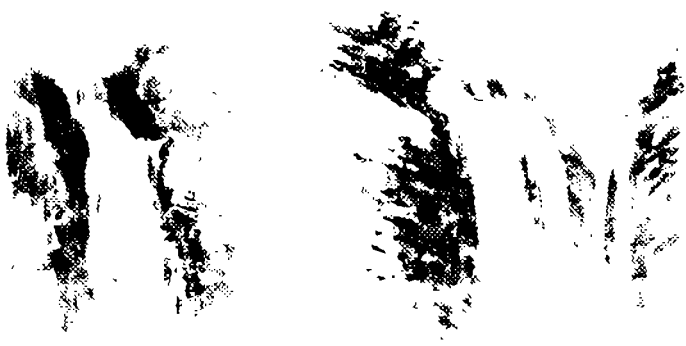
Vẽ suối hoặc thác phải có nơi nước đổ xuống (thủy khẩu), thích nghi với rộng lớn, không thích nghi với nhỏ hẹp.

Nước ở hai bên, trái phải, gần bờ thác hoặc suối phải xung động.

Núi có nhiều thác lưu ý vẽ chỗ nước đổ ra, *thủy khẩu*.



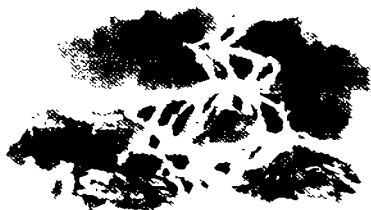
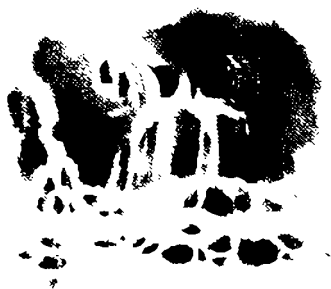
H.9



H.10



H.11



H. 12

PHƯƠNG PHÁP VẼ MÂY MỜ VÀ SƯƠNG MỜ

I. MÂY MỜ

Muốn vẽ mây mờ, nhẹ trôi nổi trên đỉnh núi, không thể dùng phương pháp câu lạc.

Vì vậy, phải dùng phương pháp *hồng nhiễm* (*hồng* là sáy, *nhiễm* là nhuộm): Mực đậm và nước để thấm vào giấy, khi khô sẽ xuất hiện chỗ trắng chỗ mờ như mây mờ.



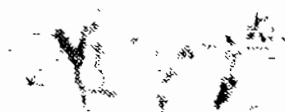
H.1

II. SƯƠNG MỜ

Cách vẽ sương mờ tương tự như vẽ mây mờ.

Lưu ý vẽ sương mờ là không nên theo phép khởi phục, cao thấp, nghĩa là không tuân thủ nguyên tắc có cao, có thấp; có khởi có phục.

Màu sắc giữa mây mờ và sương mờ có sự khác biệt: Mây mờ dùng mực nhạt nhưng sương mờ thì mực càng nhạt hơn.



H.2

PHƯƠNG PHÁP VẼ NÚI XA

I. NÚI XA

Muốn vẽ cảnh núi xa và gần trong trời tối hoặc ánh nắng chiều tà: Gần thì vẽ mực đậm, xa thì mực nhạt.



H.1

II. NÚI XA NHIỀU TẦNG

Đây là cách vẽ của các họa sĩ đời Tống, Nguyên.

Núi xa có từng tầng, thể hiện một phần cảnh sắc của đất trời:

Trước tiên là thuận tạo hình như lá sen, sau dùng bút lớn để vẽ chỗ đậm.

Xa đậm, gần nhạt.



H.2

III. HỒNG VIỄN SƠN

1. Cách vẽ núi xa sau đây gọi là hồng viễn sơn

Trước tiên dùng bút lớn chấm no mực, thấm mực nhạt lên giấy, sau mới dùng mực đậm hơn để vẽ núi.

Lối vẽ này phải thực hiện nhanh, các họa sĩ vẽ thành thạo, có thể cầm hai cây bút một lúc theo hình chữ bát để vẽ.

2. Cầm bút, mũi bút hướng ra ngoài, bao tử bút hướng vào trong

Dùng bút, mực đậm, quét hai bên tạo thành núi.

Giữa núi, dưới chân núi mực nhạt hơn.

Có thể cầm hai cây bút theo hình chữ bát và quét nhanh.

Không nên để bao tử bút khô mực, khi thực hiện màu sắc sẽ không được tươi tắn.

Lối vẽ này phải luyện tập rất công phu mới thành công.



H.3



H.4

Tiết 13

VỀ THUYỀN, CẦU, THÀNH QUÁCH, ĐỀN ĐÀI

Để bức tranh sơn thủy thêm sinh động, các họa sĩ Trung Quốc thường điểm xuyết thêm hình ảnh con thuyền, cây cầu, thành quách, tháp v.v...

Nhưng quan trọng là vẽ các hình ảnh này lớn, nhỏ cho thích hợp, hài hòa với toàn cảnh.

Cách vẽ, các đường nét phải liên tục có to có nhỏ, đơn giản nhưng phải sinh động.

Về dùng bút nên dùng bút nhỏ và nhọn.

** Ghi chú:*

Khi vẽ thuyền có buồm thì nhớ là gió thổi theo hướng nào để thể hiện cho hợp lý, tức là thuận buồm xuôi gió.

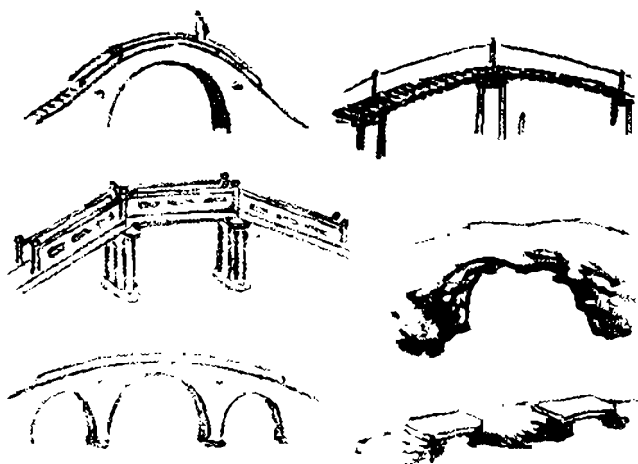
Nếu vẽ nhân vật trên thuyền thì lưu ý miêu tả động tác của nhân vật; nếu ngược dòng thì ra sức chèo chống, nếu xuôi dòng thì thư thả, thả thuyền trôi v.v.



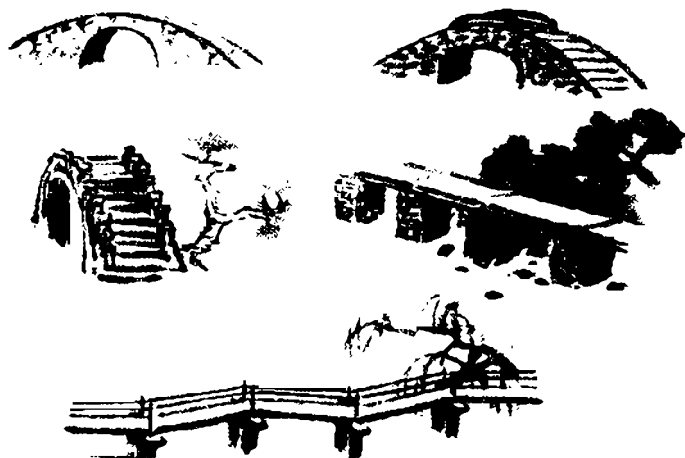
H.1



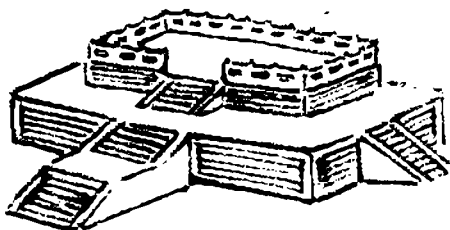
H.2



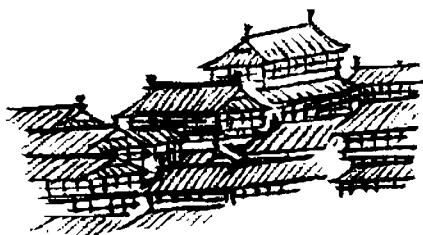
H.3



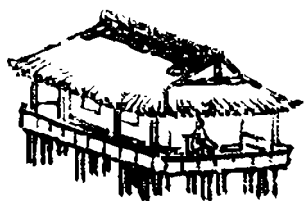
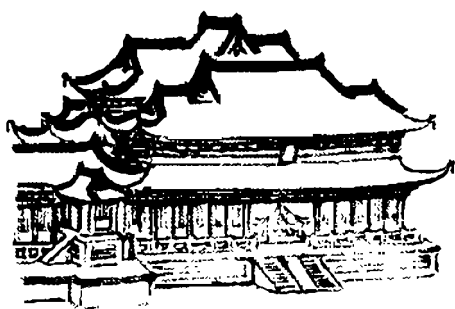
H.4



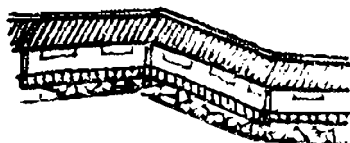
H.5



H.6



H.7

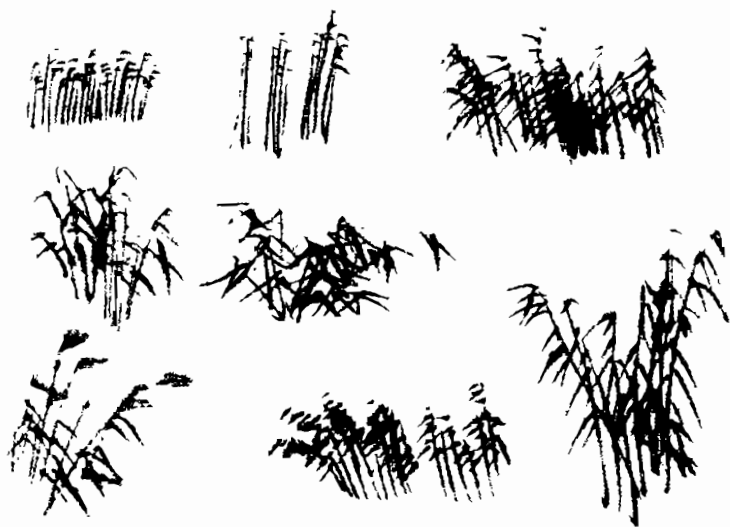


H.8

Tiết 14

PHƯƠNG PHÁP VẼ LAU, CỎ, BÈO, DÂY LEO, SEN VÀ RONG

I. LAU



H.1

Bút pháp của Nam tông.

Dùng bút cứng, ngọn bút hướng ra ngoài.

II. CỎ VÀ BÈO



H.2 - Cách vẽ hai hàng cỏ



H.3

* Lưu ý :

Những điểm giữa mực đậm.

Có thể dùng phấn sắc vàng để điểm.

III. DÂY LEO



H.4

Có nét to nét nhỏ, có dày có thưa.

Nét chuyển mềm mại rủ xuống vừa phải.

IV. SEN



H.5

** Lưu ý:*

Lá trước, hoa sau, có gần có xa, biến hóa thích hợp với cảnh muốn tả.

Khi vẽ lá sen hoa sen, không nên quá nghiêng, gân lá sen không nên vẽ quá rõ.

Về dụng bút có thể dùng song câu.

Về màu sắc có thể dùng phương pháp điển sắc.

V. RONG



H.6

Cách vẽ tương tự vẽ hoa sen.

Do các điểm dài hình thành; có đậm, có nhạt; có tụ có tán.

Tiết 15

PHƯƠNG PHÁP VỀ NHÂN VẬT SƠN THỦY

Trong tranh sơn thủy các họa sĩ thường điểm xuyết các nhân vật, gọi là nhân vật sơn thủy. Khi vẽ người ta rất chú ý đến râu, tóc, tay chân, nếp gấp của y phục để nêu bật đặc điểm tính cách nhân vật.



H.1



H.2

Trọng điểm của cách vẽ hai nhân vật này là nếp gấp của áo.

Người đi ngược gió có vẽ tự nhiên phong phiêu.



H.3

Cách vẽ nhân vật của Trần Lão Liên.

Hình em bé vẽ khá công phu.



H.4

Họa sĩ thể hiện được những nét căn bản nhất về hình thái của các nhân vật sơn thủy.



PHƯƠNG PHÁP VẼ CẢNH

I. CẢNH MƯA GIÓ

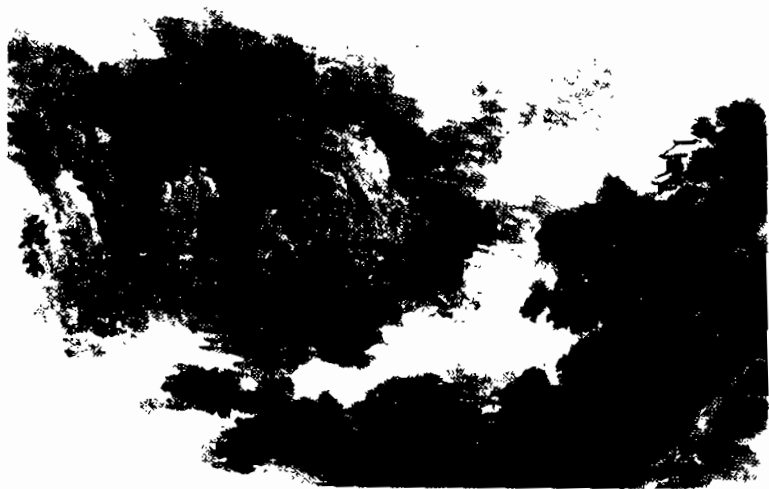
Có thể quy về hai cảnh là cảnh mưa gió đùng đùng, cuồng phong bạo vũ và sáu khi cơn mưa tạnh.

Cách vẽ theo bức tranh sau đây, trước tiên dùng bút cỡ lớn thực hiện các nét ngang nghiêng xuống, có dài có ngắn; sau khi đã hơi khô dùng bút quét bên ngoài, nét bút nghiêng để tả cây cối nghiêng ngã theo hướng gió.

Ngoài ra còn áp dụng cách vẽ rêu, gọi là *mễ điểm*, có những điểm to nhỏ như hạt gạo để hoàn chỉnh bức tranh.

** Lưu ý:*

Dùng bút mực phải ẩm, không để bút khô mực, tạo sự ẩm ướt của cơn mưa.



H.1

II. CẢNH ĐÊM

Đề tài các họa sĩ thích vẽ là cảnh đêm trăng.

Hai bức họa sau đây thể hiện hai cách vẽ trực tiếp, có mặt trăng và gián tiếp, không vẽ mặt trăng.

1. Cảnh đêm trăng tròn



H.2

Sau khi vẽ tùng, đá và suối, họa sĩ chỉ cần câu để vẽ trăng tròn lơ lửng trên không trung, màu mây nhạt, người thưởng ngoạn cũng có thể nhận biết là cảnh đêm trăng sáng.

Trong họa có thơ thể hiện chủ đề:

Minh nguyệt tùng gian chiếu
Thanh tuyến thạch thượng lưu

Tạm dịch:

Trăng sáng chiếu trên tùng
Suối trong chảy trên đá

* Ghi chú:

Đây là hai câu thơ của Vương Duy, trong thơ có họa, trong họa có thơ, *thi trung hữu họa, họa trung hữu thi*.

Nếu tách thơ, đọc riêng, ta cũng hình dung được cảnh.

Nếu tranh không đề thơ ta cũng liên tưởng đến ý, tình của cảnh.

2. Cảnh đêm trăng sáng



H.3

Bức tranh, trên vách đá, suối bờ cát... xuất hiện vùng đen trắng; mực nhạt tạo không gian mờ ảo.

Họa sĩ không trực tiếp vẽ mặt trăng nhưng đã thể hiện được đêm trăng sáng.

III. CẢNH TUYẾT

Bút ý các họa sĩ thích thể hiện là trời đất tối tăm, hoa tuyết bay bời bời, *thiên địa âm ám, tuyết hoa phân phi*.

Đặc điểm chung vẽ cảnh tuyết là cây khô, đá để trắng (thể hiện tuyết phủ dày), bầu trời u ám, cây cỏ hoặc rêu lưa thưa để tăng vẻ tiêu sơ.

Vẽ cảnh tuyết, Nam tông dùng cây khô đứt đoạn, để làm biểu tượng; Bắc tông dùng đá, với mảng trắng để làm biểu tượng.

* Ghi chú:

Nếu vẽ cây khô nên dùng mực đậm, các khoảng không gian hoặc khe suối, núi thì dùng mực nhạt.

Nếu vẽ đá chỉ dùng câu lạc, với nét bút nhỏ, mực nhạt để viền đá, không dùng câu lạc để viền các mảng, các bộ phận khác.

1. Phương pháp vẽ tuyết của Nam tông

Những nét vẽ cây khô đậm, bị đứt đoạn, cùng với các vùng đen trắng và mờ nhạt.

Điểm tuyệt thêm là người cưỡi lừa đi trong tuyết, tạo vẻ mênh mang.



H 4

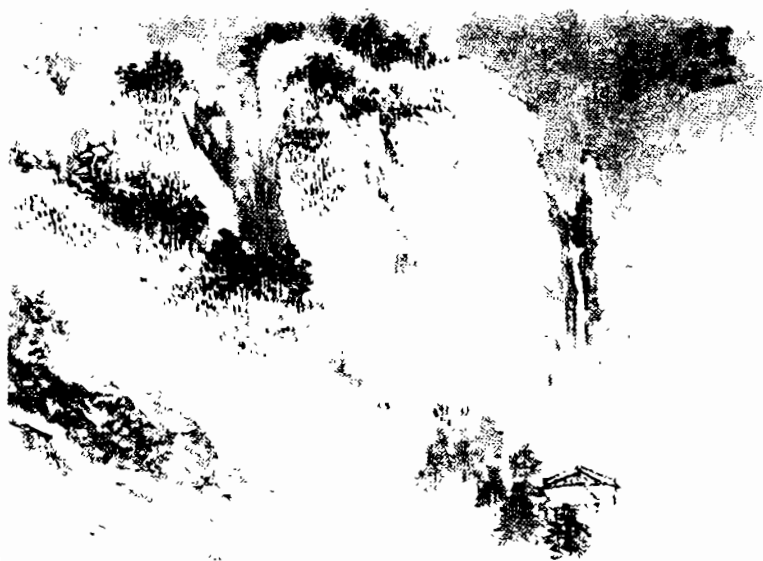
2. Phương pháp vẽ tuyết của Bắc tông

Bắc tông không vẽ cây khô mà dùng núi đá trắng xoá, bầu trời mờ mờ có vẽ u ám, cây cối, rêu lưa thưa.

Các mảng đen trắng phân minh rõ ràng.

Các núi đá đều có tầng lớp, cao thấp.

Điểm xuyết thêm là nhà, chùa, cây cối... tất cả đều chìm trong bao la của tuyết.



H 5

IV. CẢNH ĐẢO

1. Ly giang sơn thủy, cách vẽ hiện đại

Bức tranh cổ tên *Ly giang sơn thủy*. *Ly giang* tên một con sông ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Người ta vẽ núi, sau đó dùng bút quét bóng núi, núi và bóng núi đậm nhạt khác nhau, thể hiện cảnh đảo.

Đây là cách vẽ hiện đại.



H.5

2. Cách vẽ truyền thống

Dùng mực đậm nhạt để kết cấu hình dáng, bóng của núi; vẽ thêm cây cối, thuyền để thể hiện cảnh đảo.



H.6

CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT

Tiết này giới thiệu 6 phương pháp đặc biệt là:

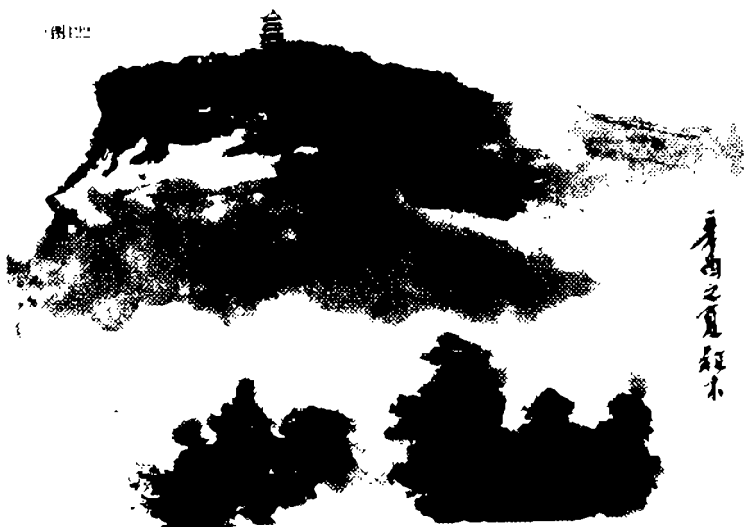
- | | |
|------------------|--------------------------|
| 1. Phát mực pháp | 2. Tiêu mực pháp |
| 3. Giảm bút pháp | 4. Khoát bút pháp |
| 5. Can bút pháp | 6. Kiềm công đái tả pháp |

I. PHÁT MẶC PHÁP

Phát mực là *vẩy mực*, các họa sĩ xưa nay rất thích dùng phương pháp này. Chủ yếu dùng đậm nhạt để thể hiện chiều sâu của bức tranh.

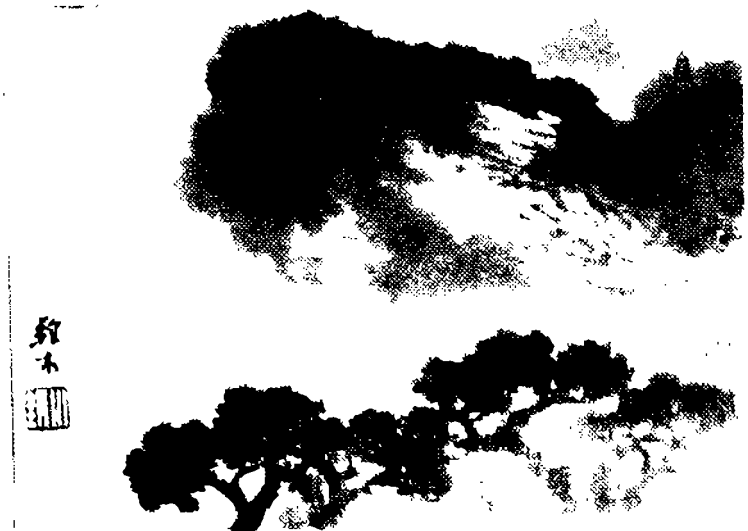
Dùng nghiên để pha trộn mực, tùy theo ý tưởng mà rảy lên giấy, tạo thành những mảng đen đậm, nhạt khác nhau. Sau đó mới dùng bút điểm xuyết thêm hình tháp, ẩn hiện trong mây trong núi.

图122



身由之有經木

H.1



經木



H.2

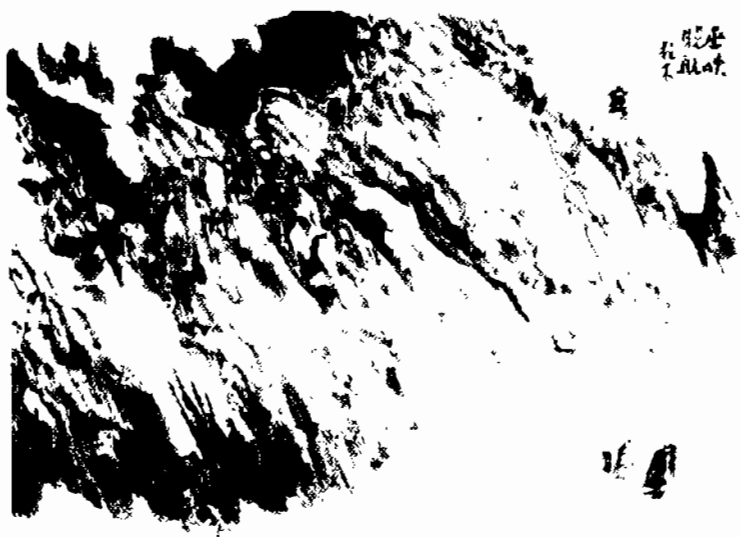
II. TIÊU MẶC PHÁP

Tiêu mặc là mực than đen.

Bức tranh hình thành do mực đen như than thếp bút nhanh và phóng túng; đá, cây, rêu đều nhất khí với nhau.

Thường dùng bút cũ, cùn, để vẽ.

Cách vẽ này thích hợp với những bức tranh lớn.



H.3

III. GIẢM BÚT PHÁP

1. Lấy nhiều thắng ít

Giảm bút là giảm các nét, tức là lấy nhiều thắng ít; một trong những phương pháp của Bắc tông.

Bức tranh miêu tả khe nước chảy bằng một khoảng không gian rộng, điểm xuyết hình con thuyền và người chèo chong.

Chỉ vài nét nhưng thể hiện được bút ý.



H.4

2. Cảnh sắc Giang Nam

Bức tranh có tên *Cảnh sắc Giang Nam*.

Dưới chân núi là khoảng rộng lớn miêu tả mặt nước
Thái Hồ.

Người ta cho rằng, bức họa tuy rất ít nét nhưng không thể thêm một nét nào khác. Chứng tỏ người vẽ bức tranh có kỹ thuật rất cao thâm.



真在將及空湖傳一
三保也先王色信傳
身一以要事而毒致不

H.5

IV. KHOÁT BÚT PHÁP

Khoát (rộng) bút pháp không kể nhiều nét hay ít nét miễn sao tả được khoảng không gian rộng. Dùng nét bút thô và có lực.

1. Ít nét

Nét bút rất ít. Không gian của tranh rất là rộng, khoáng đãng.



H.6

2. Nhiều nét



H.7

Bức tranh do nhiều nét thô mạnh mẽ hình thành, có nhiều tầng, nhiều bậc, đỉnh núi cao trùng điệp; không gian rộng.

Phương pháp này còn được gọi là thô trầm (thô là to, trầm là chìm) bút pháp.

V. CAN BÚT PHÁP

Can là khô, tức là dùng rất ít mực để vẽ cảnh khô khan, nóng bức.



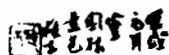
H.8

Đá và cây biến rất nhiều.

Dùng cả thuận, sát và câu lạc để thực hiện.



H.9



Chương pháp và nét vẽ đều khác với bức tranh (H.8) trên.

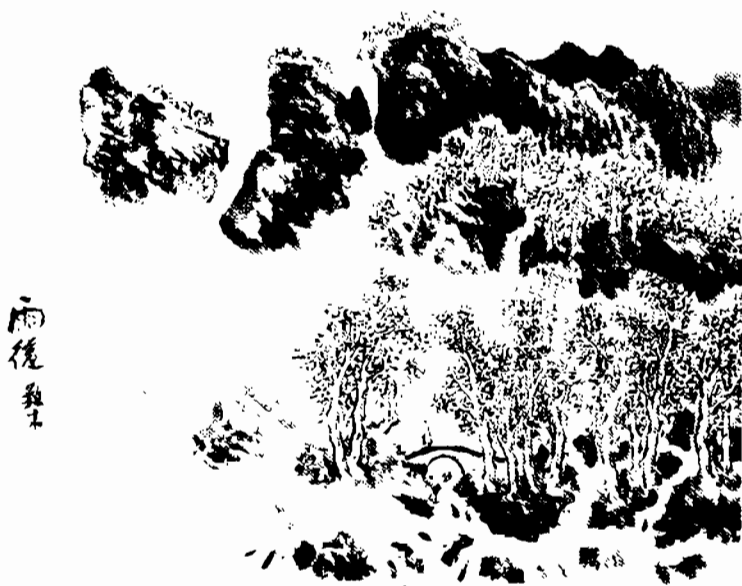
VI. KIÊM CÔNG ĐÁI TẢ PHÁP

Phương pháp miêu tả trong to có nhỏ, trong nhỏ có to, rất công phu nên gọi là kiêm công đại tả pháp.



H. 10

Mái đình rộng dùng nét nhỏ, cây và đá (nhỏ hơn đình) dùng nét to.



H.11

Cây cối dùng hồ tiêu điểm (điểm giống hạt tiêu);
núi đá dùng câu sất của Nam tông để thực hiện.

PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG MÀU SẮC

I. THIỄN RÁNG PHÁP

Phương pháp có tên là *thiến rắng pháp*, phương pháp này tuân theo nguyên tắc *tùy loại phú thái*, tùy theo sự vật, cảnh hoặc mùa, thời gian, mà chọn lựa màu sắc cho hòa hợp và thích hợp. Rắng là màu đỏ.

Đề tài các họa sĩ sơn thủy ưa thích là mùa thu, hai màu dùng để tả mùa thu là màu xanh, gọi là *thanh hoa* và màu đất đỏ, gọi là *giả* (giả: sắc đỏ màu đất).

Hai màu này gọi là màu chủ, chủ sắc; ngoài ra còn dùng các màu trung gian khác, gọi là *phụ sắc*.

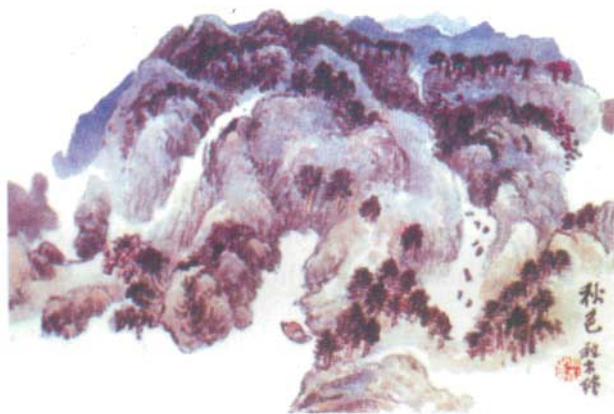
Mùa thu thì có bắt đầu mùa thu, sơ thu; giữa mùa thu, *trung thu*; và cuối thu, *thâm thu*.

Cách biểu hiện màu sắc của từng thời điểm mùa cũng khác nhau.

Các họa sĩ cho rằng, nói đến màu sắc là nói đến sự biến hóa đến vô cùng vô tận, người mới học nên luyện tập thuần thục sử dụng các màu chính, sau đó mới dùng các màu phụ trung gian.



H.1



H.2 - Sắc mùa thu

Màu xanh hoa (hoa thanh) và màu đất đỏ (giả) là sắc chính, chủ sắc; các sắc khác là phụ, phụ sắc.

Núi xa, trên đỉnh là màu xanh, dưới là màu đỏ, tạo cảnh trời chiều xanh rộng.



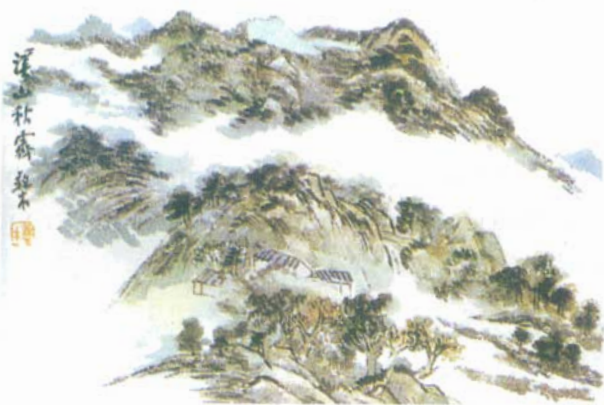
H.3

Mặt núi đá màu xanh hoa (hoa thanh), chân núi màu đất đỏ. Cảnh mới đầu thu, thu sơ.



H.4

Màu xanh hoa và màu đất đỏ là chủ sắc.
Hai mảng màu tạo ra hai khối của bức tranh.



H.5

Màu xanh lục và màu đất đỏ là chủ sắc.

Mặt đá, gốc đá hai màu hỗ tương với nhau.

Bên trái màu xanh lục nhiều, bên phải mà đất đỏ nhiều, ngoài ra có nhiều màu trung gian khác.



H.6

Màu xanh lục là chủ sắc, tuy ít nhưng không bị chìm vì đất đỏ nhiều hơn. Nhằm miêu tả cuối thu, trong màu sắc như báo hiệu mùa đông đã sắp về.

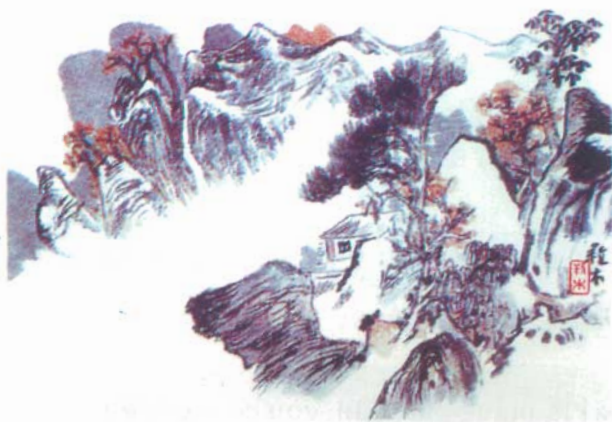
Khi vẽ, người ta vẽ hình ảnh có màu xanh trước, sau mới vẽ hình ảnh màu đất đỏ.

II. BÁN MỘT SẮC PHÁP

Thông thường một bức tranh sơn thủy do bút mực hình thành nhưng qua bức tranh cho ta cảm giác họa sĩ lo bút mực bị che đi, vì vậy phải dùng phương pháp *bán một sắc*.

Hiểu nôm na, mục đích của phương pháp bán một sắc là điểm xuyết thêm màu sắc để làm nổi bật bút ý của tranh.

Hai bức tranh sau đây giúp chúng ta hiểu thêm về phương pháp này.



H.7

Núi xa, cây cối, cửa được điểm thêm màu đỏ đất.



H.8

Trên các núi đá được điểm thêm màu xanh (thanh hoa). Mực đích tãng thêm ý mùa đông.

III. ĐẠI THANH LỤC VÀ TIỂU THANH LỤC

Thanh (xanh) hoặc là thạch thanh, lục hoặc thạch lục.

Đại là mảng màu lớn, còn có thể hiểu là cùng một lúc dùng hai mảng màu xanh và lục; tiểu là mảng màu nhỏ.

Các họa sĩ vẽ tranh sơn thủy, đời Tống, hay dùng hai màu xanh và lục để vẽ đá, cây, rêu.

Dùng màu lục để điểm rêu; đá thì có thể dùng màu xanh hoặc màu lục, gốc đá thì dùng màu đỏ đất.

Trước tiên người ta vẽ cây, đá sau đó mới điểm rêu.

* *Lưu ý:*

1. Trong cùng một bức tranh, đã vẽ đá màu xanh, tất nhiên không dùng màu lục để vẽ đá.

2. Khi vẽ một bức tranh sơn thủy bằng màu xanh lục chưa hoàn chỉnh hoặc thiếu sót thì tìm các bổ cứu. Khi bổ cứu nên dùng màu đất đỏ, không dùng màu đen.

3. Khi bổ cứu màu lục, lục thạch, chỉ bổ cứu nhiều nhất là hai lần.



H.9

Dùng cả hai màu xanh và lục để vẽ.



H.10

Vẽ núi đá bằng màu xanh.



H.11

Dùng mảng màu nhỏ thanh lục để tả cảnh mùa xuân.



H.12

Dùng các mảng nhỏ tiểu thanh lục, chân núi, gốc đá được dùng màu tím nhạt.

PHÂN ĐỊNH RANH GIỚI

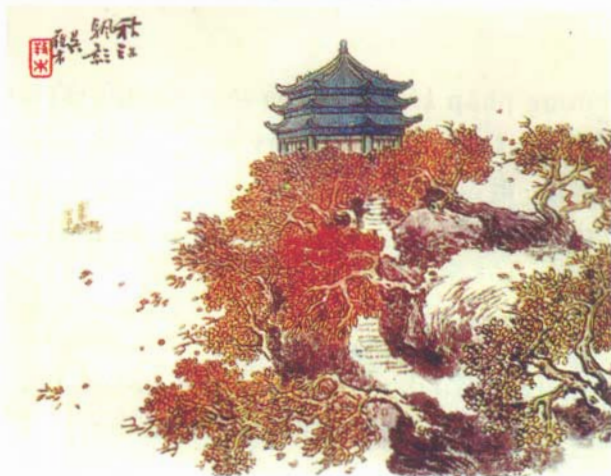
Phương pháp có tên là *giới hoạch công bút pháp*, là dùng thước lớn, nhỏ và bút để đo đạc, đánh dấu ... trên tấm giấy hoặc lụa trước khi vẽ.

Người ta dự định bố cục bức tranh: bên nào hư bên nào thực; bên hư vẽ gì, bên thực vẽ gì; hình thể màu sắc của sự vật, cự ly của các sự vật, nơi đề khoản, đóng ấn chương.

Việc chữa lẽ bốn bên bức tranh cũng được tính trước, nhìn cho thuận mắt, chật quá thấy bức bối, rộng quá xem trống vắng.

Bức tranh chiều ngang dài hoặc chiều dọc dài thì cách chữa lẽ cũng khác biệt.

Nói chung, là một mẫu thiết kế về bức tranh sắp vẽ.



H.1

Nhìn vào bức tranh chúng ta cảm nhận được sự phân chia, tính toán rất chuẩn xác của họa sĩ.

Đề khoản ở góc trái bức tranh rất nhỏ, cách đề khoản này rất thịnh hành ở đời Tống.

KIM BÍCH SƠN THỦY

Phương pháp *kim bích sơn thủy* ra đời rất sớm, Lý Tư Huấn và Lý Chiêu Đạo hay vẽ.

Kim là chỉ màu kim, *bích* là chỉ màu lục, là dùng hai màu kim và lục để vẽ tranh sơn thủy. Phương pháp có hai cách.

1. Cách thứ nhất

Dùng hai màu đại thanh và thanh lục để vẽ, sau đó câu lạc bằng màu kim phấn để hoàn thiện.

Thường là câu lạc bằng kim phấn ở đỉnh núi, thân cây hoặc câu những nét tả dòng nước chảy.

Nếu câu lạc kim phấn có màu đỏ, bức tranh sẽ toát lên vẻ rực rỡ.

2. Cách thứ hai

Dùng hai màu đại thanh và đại lục để vẽ, sau dùng kim phấn để câu lạc (viền) vành núi và thuân (bôi) lên núi, để màu sẽ thấm vào mặt đá.



H.1

MỘT CỐT PHÁP

Một cốt pháp có hai phương pháp là tả ý và công bút.

1. Tả ý



H.1

Đặc điểm của phương pháp tả ý, tương tự cách vẽ sơn thủy, chủ yếu dùng màu đen và một số màu đơn giản khác để vẽ.

2. Công bút



H.2

Công là công phu, khéo léo, dụng bút rất công phu, khéo léo.

Phương pháp công bút tương tự với phương pháp thanh lục.

Đặc điểm là không dùng mực đen, không câu những mảng màu.

Dùng thuân sát, phân định rõ các khối đá, thậm chí thấy rõ cả cánh hoa.

Màu sắc rực rỡ.

Phương pháp công bút một cốt, thích hợp với lụa.

Nếu dùng giấy sinh xuyên thì rất khó vẽ.

THỊ HỌC

Thị học, hiện tại gọi là *thấu thị học* (*thấu thị học là nhìn xuyên thấu*). Nét đặc sắc của hội họa sơn thủy Trung Quốc là dùng những điểm phân tán nhằm thể hiện được cái nhìn xuyên thấu này.

Với bức tranh sơn thủy bên, chúng ta không chỉ thấy một rặng núi, sau rặng núi này sẽ thấy được rặng núi khác. Sau núi chúng ta có thể nhìn thấy nhà cửa, cây cối.

Người thưởng ngoạn một phần của bức tranh hoặc có thể thưởng thức toàn bộ bức tranh.



H.1

Bức tranh được kiến trúc theo chiều ngang. Chúng ta có thể thưởng thức theo chiều ngang xa, theo chiều cao chót vót, hoặc nhìn xuống.

Dù thưởng thức bức tranh theo cách nào cũng tạo được một xúc cảm thẩm mỹ chân thực.



CHƯƠNG PHÁP

I. CHƯƠNG PHÁP

Chương pháp hoặc *kình doanh vị trí*, tức là bố cục, kết cấu, của một bức tranh sơn thủy.

Chương pháp tranh sơn thủy không thể thoát ly khỏi nguyên tắc, gọi là *tam viễn*, ba loại xa: *bình viễn*, *thâm viễn* và *cao viễn*.

1. Bình viễn



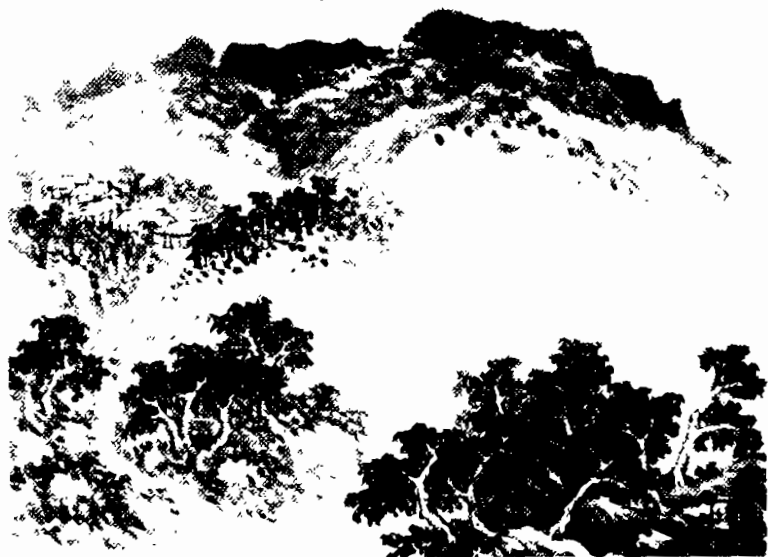
H 1

Bình viễn là ngang và xa.

Đặc điểm của cách kết cấu này là phải có phục có khởi, có đi có lại, có trước có sau, nhìn vào gợi được cảm giác là rất xa.

Thích hợp với vẽ cảnh sông nước, núi xa.

2. Thâm viễn



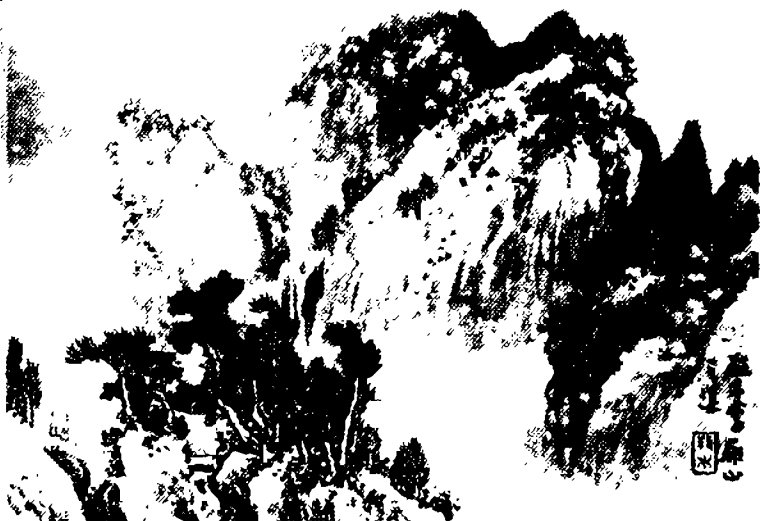
H.2

Thâm viễn là sâu và xa.

Đặc điểm cách bố cục này rất biến hóa, cách vẽ khúc triết.

Gợi cảm giác sâu và xa.

3. Cao viễn



H.3

Cao viễn là cao và xa.

Núi non trùng điệp, ngoài núi có núi; đỉnh núi cao,
có đỉnh cao hơn.

Gợi cảm giác cao và xa.

II. NHỮNG CÁCH KẾT CẤU KHÁC

Ngoài ba cách phân tích về kết cấu cơ bản trên còn có 12 cách phân tích về kết cấu như sau:

1. Nhìn thấy trên, không nhìn thấy dưới (Kiến kỳ thượng, bất kiến kỳ hạ)



H.1

2. Nhìn thấy dưới, không nhìn thấy trên
(Kiến kỳ hạ, bất kiến kỳ thượng)



H 2

3. Nặng bên trái (Trọng tả biên)



H 3

4. Hai bên nặng, giữa nhẹ
(Trọng tại nhị biên nhi trung khinh)



H.4

*5. Trên dưới, trái phải, giữa đều đầy đủ
(Thượng hạ, tả hữu, trung toàn mãn)*



H.5

6. Trên nặng dưới nhẹ (Thượng trọng hạ khinh)



H 6

7. Dưới nặng trên nhẹ (Hạ trọng thượng khinh)



H 7

8. Trên nạng (Thượng trọng)



10
11



9. Dưới nắng (Hạ trọng)



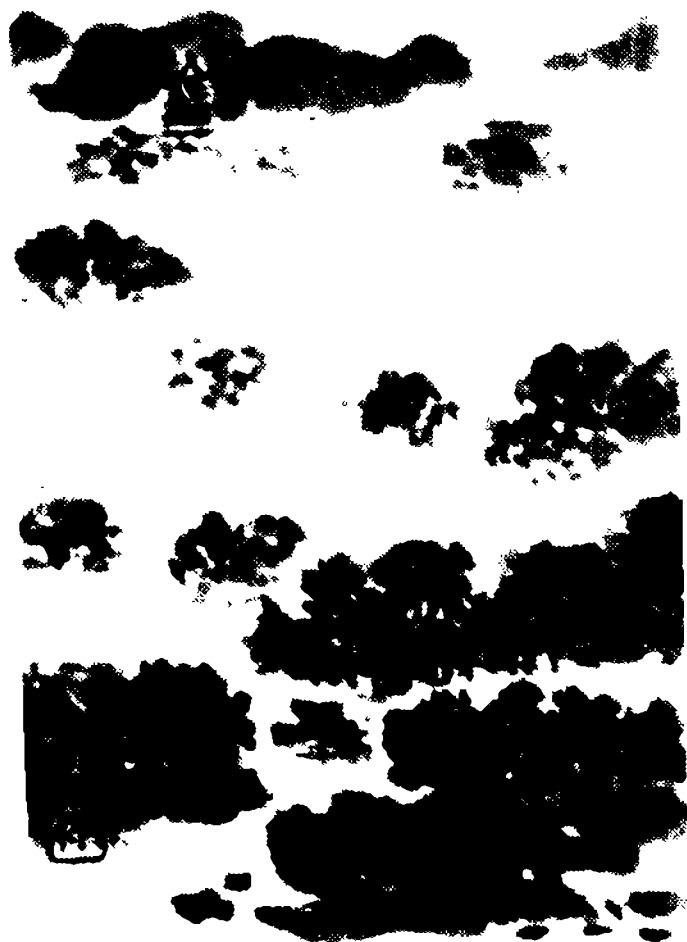
H 9

10. Nặng bên trái (Tả trọng)



H 10

11. Phân tán những không vụn vặt (Tán nhi bất toái)



H.11

*12. Trái phải, nặng nhẹ hồ tương nhau
(Tả hữu khinh trọng tương)*



H. 12

III. HÌNH THỨC

Xét về hình thức, hội họa Trung Quốc thường chia làm 5 loại chính là *bình*, *sách*, *quyển*, *trục* và *phiến*.

1. *Bình*

Là 4 hoặc 6 bức tranh treo dọc (trục), thường được treo trên tường hoặc làm bình phong.

Các bức tranh cùng vẽ một đề tài hoặc liên tục hoặc tương phản.

Ví dụ: Mai, lan, cúc, trúc hoặc xuân, hạ, thu, đông.

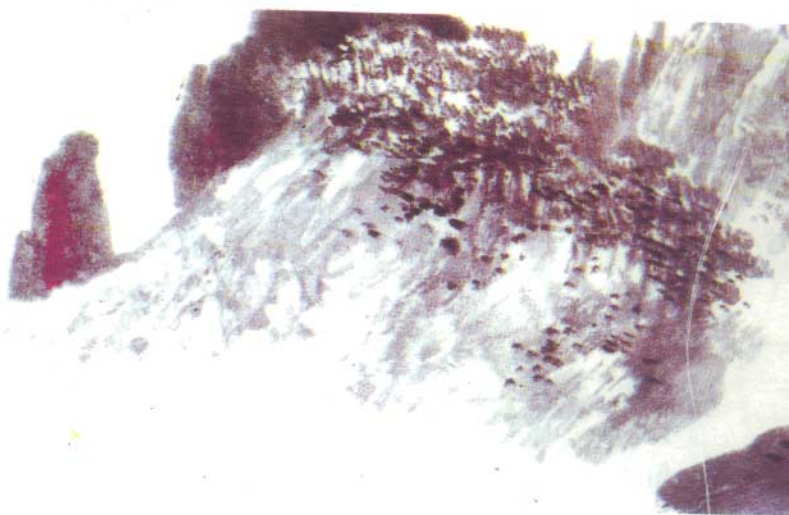
2. *Sách*

Là nhiều bức tranh của một họa sĩ vẽ về một đề tài, hoặc nhiều đề tài, được đóng thành một tập.

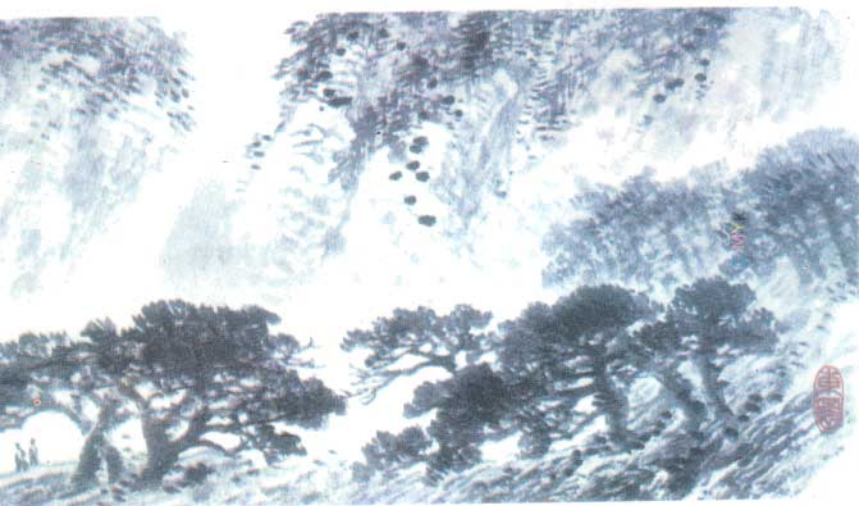
3. *Quyển*

Là tranh được cuộn theo chiều ngang và xem từ phải sang trái, theo cách đọc của chữ Hán.

Chiều dài của quyển không giới hạn, có khi dài cả trăm thước. Là một bức tranh hoặc nhiều bức tranh về một đề tài do nhiều họa sĩ vẽ.



Hoàng Sơn Thế Tín Phó





H. 14

Cấu hình của bức tranh hai bên nghiêng xuống, hình vành khăn



H. 15

Cấu hình của bức tranh theo hình vòng cung, vành khăn.



H. 16

Cấu hình theo vòng tròn, mực có đậm có nhạt, có khô có ẩm ướt.

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

I. TRƯỜNG PHÁI

Ở trên chúng ta đã nói đến sự khác biệt giữa Nam tông và Bắc tông.

Mục này nhắc lại vài nét và bổ sung thêm để tiện trong việc học tập và khi phân tích tranh sơn thủy.

Vương Ma Cật (Vương Duy) được xem là ty tổ của Nam tông.

Lý Tư Huấn là người khai sinh ra Bắc tông.

Cách vẽ của Nam tông, nét như sợi thẳng như *hạt nếp*, nét như sợi tơ; nét vẽ hàm ý biến khúc.

Câu lạc thì hai bên xuất hiện những nét nhỏ như sợi lông.

Cách vẽ của Bắc tông thì bên ngoài sáng, bên trong lộ nét nhỏ như sợi lông.

Có người cho rằng lối vẽ của Nam tông *phiêu hốt*, còn lối vẽ của Bắc tông rất *mạnh mẽ*.

II HIỆN ĐẠI

Để tạo cảm giác về không gian, cách vẽ thông thường có sự khác biệt nhỏ về các dùng màu :

Thông thường : Gần thì mực than, đậm (tiêu, nồng), trung cảnh giảm dần và hậu cảnh thì nhạt (đạm); đỉnh núi thì than, đậm.

Hiện đại : Trước rất đậm (nồng), sau rất nhạt (đạm).

III MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP

1. *Vẽ điểm gần nhau*, không nên vẽ hình trạng như dấu á (dấu thanh Tiếng Việt), dính liền nhau như răng cưa.

2. *Đỉnh núi có gân*, điểm rêu tuy có tụ có tán nhưng phải theo một đường làm chủ.

3. *Vẽ sườn dề* không vẽ thẳng tuột, nên theo đường song song, bình hành.

4. *Khi ngồi đứng sẽ thấy thế núi khác nhau*, cho nên vẽ bức tranh lớn, phải vẽ đỉnh núi hơi nghiêng.

5. *Vẽ những hình có dạng hình tứ giác* thích hợp với hư, thể hiện sự tập trung, không thích hợp với thực.

IV. SƠN THỦY VÀ HOA ĐIỀU

Học vẽ sơn thủy nên học vẽ hoa điều, hai phương pháp sẽ hỗ trợ đắc lực cho nhau.

V. CẤU TỬ VÀ HẠ BÚT

Khi vẽ phải nghĩ cấu tử thật kỹ, khi hạ bút thì không nên do dự.

Người ta cho rằng hạ bút phải như hạ *cái chày bằng kim cương*, hạ bút như *kim cương xử*, tức là phải tập trung hết tinh lực.

Tiết 25

MÔ PHỎNG - VẬT THỰC - SÁNG TÁC

Người học hội họa trải qua quá trình: mô phỏng, vẽ vật thực, sau đó mới sáng tạo.

I. MÔ PHỎNG

Mô phỏng là xem các bức họa của người xưa để mô phỏng, học tập họa pháp.

Sau một thời gian học tập, mô phỏng ta sẽ rút tỉa được nhiều kinh nghiệm quý giá.

Ví dụ, học tập cách vẽ lấy thực làm hư sau:



H.1

Họa pháp chủ yếu là lấy thực làm hư.

Chỉ vẽ cây cối, nhà cửa, nhân vật, chim chóc (thực).

Phần còn lại bức tranh là khoảng trống (hư).

Khoảng không gian trắng (hư) được xem như là nền của bức tranh là nhờ cây cối, nhà cửa, nhân vật (thực).

Tức là lấy thực làm hư.

II. VẼ VẬT THỰC

Sau khi đã nắm vững họa pháp, chúng ta bắt đầu nhìn cảnh thực để vẽ, có nghĩa là tập vẽ với những cảnh thực.

Vẽ cảnh thực buộc ta phải tìm tòi, học hỏi thêm về phương pháp, kỹ năng và kỹ xảo để vẽ bằng được vật hay cảnh muốn vẽ.

Những bản thảo được xem như những tác phẩm sáng tác ban đầu của người học vẽ.

Ví dụ, bạn vẽ được các bản thảo sau, thử tập phân tích bút họa, kết cấu...



H.2

III. SÁNG TÁC

Qua thực tế mô phỏng và vẽ vật thực, trí tưởng tượng sẽ phong phú hẳn lên, những kinh nghiệm về họa pháp chương pháp cũng sẽ trở nên già dặn và có thể sáng tác.

Chúng ta có thể quan sát, nhận xét các bức tranh sau để tìm ra những phương pháp chính, thủ pháp, bút ý, cách dùng màu sắc, chương pháp... của họa sĩ.

Sau đây là gợi ý thực hành phân tích tranh.

1. Thuần sát và bán một sắc



H.3

Hai phương pháp chính là dùng *thuần sát* và *pháp bán một sắc* (điểm thêm màu đỏ để làm rõ bút ý và cảnh).

Không điểm xuyên điểm rêu.

2. Truyền thống và sáng tạo.

Những tranh sau các tác giả kế thừa truyền thống và sáng tạo để chúng ta tham khảo.



H.4



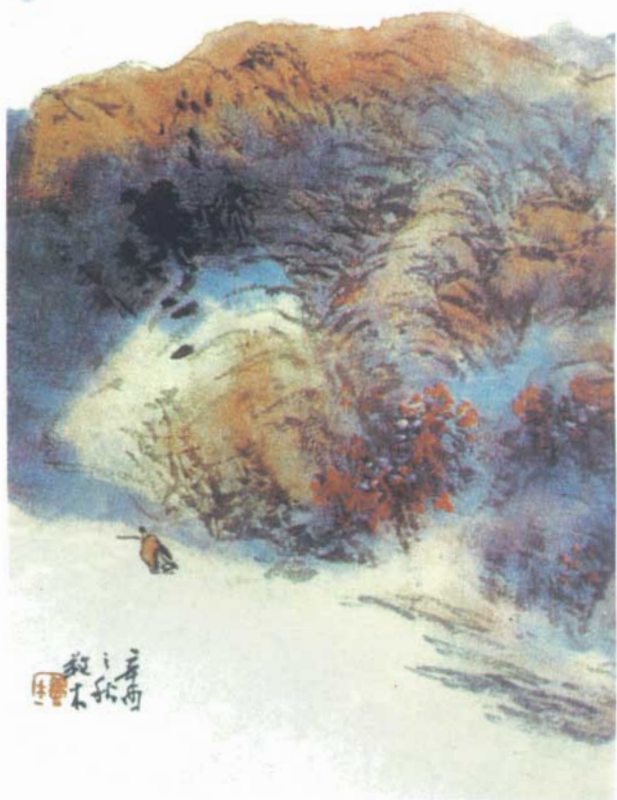
H.5



H.6



H.7



H. 6

3. Nửa thực, nửa hư



H.9

Bút ý bức tranh có hư có thực

Hư là phần trắng. Thực là núi, cây, chùa.

4. Điểm tuyết



H. 10

Bức tranh được dùng châu sa để điểm tuyết rêu.

Lá cây được điểm màu hồng.

Lá cây hồng, rêu màu châu sa tạo vẽ rực rỡ của cảnh vật.

5. Dụng bút

Về dụng bút, phương pháp chính là câu lặc, rất ít dùng thuân sát.

Về màu sắc, dùng phương pháp thiển rắng, chọn màu thích hợp với sự vật miêu tả.



6. Phát mặc



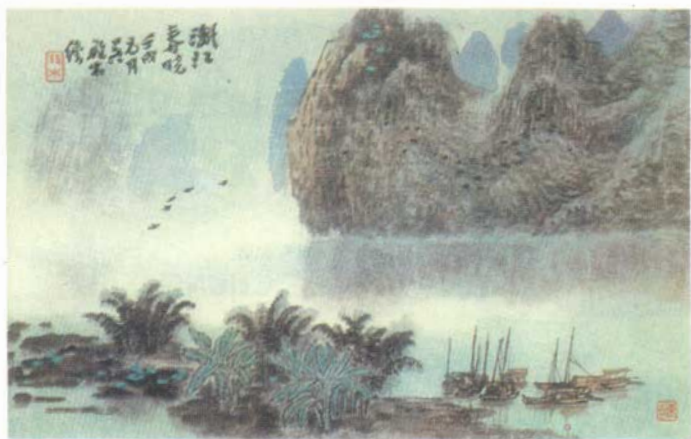
H. 12 - Mưa núi

Phương pháp chính là vẩy mực, phát mặc.

Dùng cả hai phương pháp của Nam tông và Bắc tông.

Nhưng ảnh hưởng Nam tông nhiều hơn ý của Bắc tông.

7. Quế Lâm sơn thủy



H.13

Bức tranh tả sông núi Quế Lâm.

Bên trái hư, bên phải tập trung sắc đậm, sau là màu nhạt.

Tả cảnh mưa núi, sơn vũ.

Chương bốn

PHƯƠNG PHÁP VẼ HOA ĐIỀU

Tiết 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. TRƯỜNG PHÁI

Từ trước đến nay có rất nhiều trường phái vẽ hoa điều.

Thời Ngũ Đại, có Từ Hy và Hoàng Cự Thái là một trường phái.

Sau này, Từ Sùng, cháu của Từ Hy, đã sáng tạo lối vẽ *một cốt hoa*; Hoàng Thuyên, con của Hoàng Cự Thái, đã thừa kế lối vẽ của cha, chỉnh tề và hồn hậu.

Cũng từ Ngũ Đại đến nay, nhiều trường phái vẽ hoa điều đã lần lượt ra đời.

Để tiện lợi cho việc học tập, trong sách này đã chọn lựa một số trường phái nổi tiếng:

Phương pháp vẽ hoa điều của Lữ Kỷ, đời Minh.

Một cốt pháp của Uẩn Nam Điền, đời Thanh.

Phương pháp kiêm công đái tả của Thẩm Chu và Hoa Nham, đời Minh.

Cách vẽ rất hình đậm thanh nhã của Lâm Lương, đời Minh.

Phương pháp tả ý của Dương Châu bát quái, đời Thanh.

Đại tả ý và giám bút của Bát Đại Tiên Nhân.

Cách vẽ của Ngô Xương Thạc cận đại.

II. DÙNG BÚT, DÙNG MỰC VÀ MÀU SẮC

1. Chọn bút và dụng bút

Thông thường, vẽ cảnh và nhánh dùng *kiêm bút* (vừa cứng, vừa mềm: hỗn hợp lông dê, lông chó); vẽ hoa và lá dùng bút lông dê.

Để *câu tả*, theo phương pháp công bút, dùng bút lông chó, lông tía (thỏ tía).

Phương pháp vận bút có *trung phong*, *biến phong*, *ngịch phong*, *lộ phong* và *tàng phong* như cách vẽ sơn thủy nhưng tùy theo trường hợp, sự vật muốn vẽ mà vận dụng như thế nào cho thích hợp.

2. Mực

Mực có đậm có nhạt.

Khi chấm mực, bao tử bút nên no mực nhưng đầu bút phải được khai thông, nói cách khác không để mực đọng đầu bút.

3. Có bốn cách dùng màu sắc

Điền sắc: Tức dùng song câu để thực hiện (trọng sắc).

Nhiễm sắc: Dùng một cốt (không xương) và song câu để thực hiện (thiến sắc).

Câu sắc: Là sắc dùng để câu trong cách vẽ hoa.

Đơn sắc: Tức là dùng một sắc để hoàn thành cái được vẽ.

PHƯƠNG PHÁP VỀ HOA LÁ

Các bộ phận hoa lá: có cao, có thấp; có hướng có lưng; nhìn nhau, chiều cổ nhau; có ngó lên, có nhìn xuống.



H 1



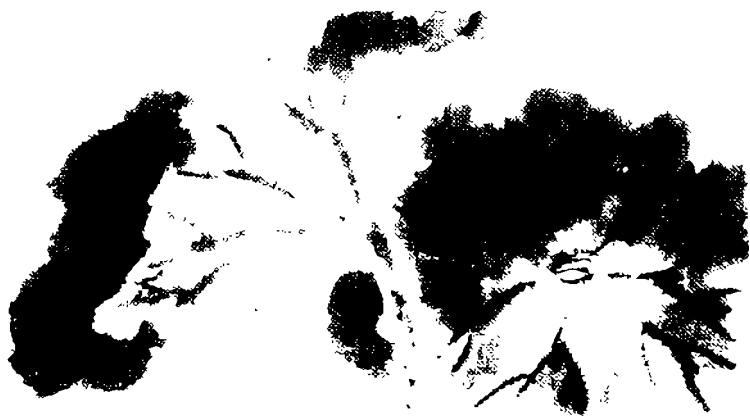
H.2



H.3



H.4



H.5

2. Phương pháp song câu hoặc bạch miêu (miêu tả)



H.6

3. Tả ý bằng phương pháp sắp xếp màu sắc



H.7

Tức là dùng hai hoặc ba màu để vẽ lá, hoa.

Nguyên tắc là vẽ màu nhạt trước, màu đậm sau, vẽ tổng quát trước vẽ chi tiết sau, vẽ phản diện trước vẽ chính diện sau.

Trước dùng màu lục để vẽ lá.

Sau dùng mực đen để vẽ gân lá, cành lá.

Trước dùng màu vàng để vẽ lá.

Sau dùng màu đen để vẽ cành và gân lá.



五

Trước dùng màu vàng để vẽ lá.

Sau dùng màu đen để vẽ thêm cành và gân lá.

Dùng màu hồng đậm, nhạt để vẽ hoa; sau đó dùng phấn trắng để điểm phần hoa.

Vẽ cành hoa và cánh hoa trước.

Sau điểm xuyết thêm nhị hoa.

Vẽ khối hoa trước, viền cánh hoa và cuống hoa sau.

4. Phương pháp song câu và thiết sắc

Phương pháp này kết hợp hai phương pháp cùng một lúc, bố trí sắp xếp màu sắc và dùng song câu để thực hiện các chi tiết.



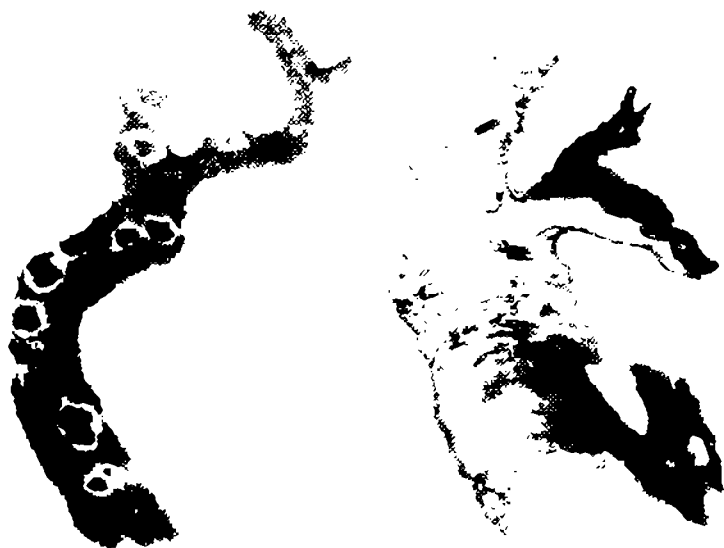
H.9

VẼ THÂN, CÀNH, DÂY LEO, CỎ

1. Thân cây

Vẽ dụng màu sắc, vẽ thân cây có hai phương pháp cơ bản là vẽ bằng mực và vẽ bằng màu, hai màu cơ bản là thạch lục và màu đất đỏ.

a. Vẽ đen trắng



H.1
Vẽ của thân cây



Ngô đồng



Tùng

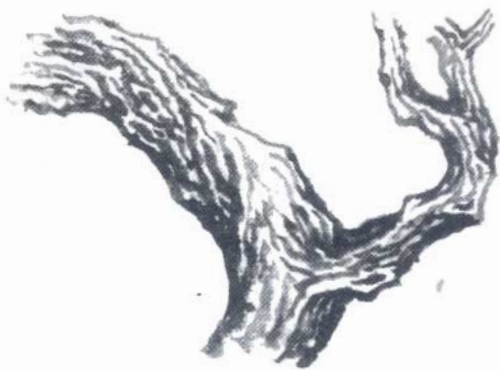
H.2



H.3

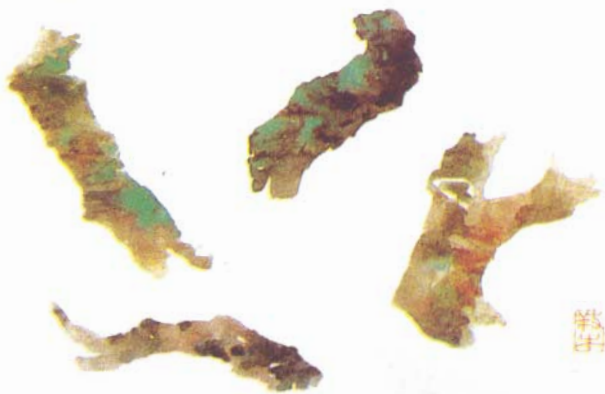
Mai





H.4
Liễu

b. Vẽ màu



H.5

Phương pháp gọi là *tích thủy*, thích nghi với việc dùng giấy *thực xuyên*.

Nếu dùng loại giấy khác thì căn cứ vào từng loại giấy mà pha màu có độ ẩm khác nhau.

Trước tiên người ta vẽ màu đậm, sau đó dùng màu thích hợp, thường là màu thạch lục và màu đất đỏ, tạo vẻ ẩm ướt của thân cây.

Các mảng màu vẽ thân cây có tụ có tán biến hóa, không nên vẽ đơn điệu như da trống.

2. Cành cây



H.6

Phương pháp chính là dùng song câu.

Có thể vẽ cành nghiêng về bên phải hoặc cành nghiêng về bên trái.

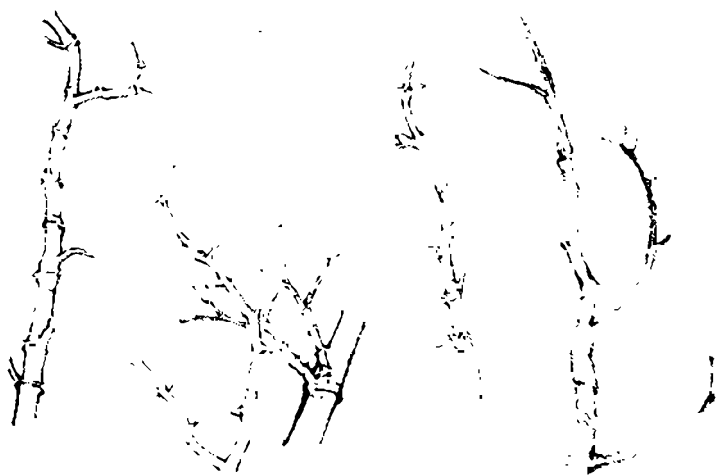
Nhưng nghiêng về bên nào khi vẽ chú ý đến chỗ cành nảy lộc đơm hoa.

Các cành, nhánh hô ứng với nhau, có trước có sau, có lưng có hướng, không nên vẽ tùy tiện.



H.9

Dùng phương pháp song câu để vẽ, sau là điểm râu.



H 10

Vẽ nét nhỏ, tả cảnh cây khô.

Dùng thun sắt để tạo thịt cho cây.

3. Dây leo và cỏ

a. Dây leo

Chủ yếu là thể hiện được sắc thái, tư thế của dây leo, cỏ và tả được ý.

Không nên dùng màu trơn sáng.



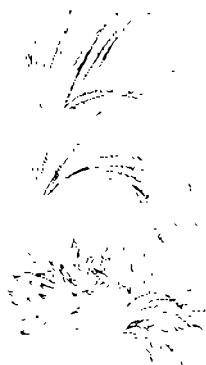
Phương pháp song câu

H.11



Vẽ dây leo để tả ý

b. Có



H.12

Dùng song câu và một nét để vẽ cỏ.

Tiết 4

VỀ ĐÁ KIM LONG VÀ THÁI HỒ

Một trong những loại đá mà những họa sĩ thích vẽ là những khối đá màu vàng ở núi Kim Long hoặc đá Thái Hồ, Trung Quốc.

Tả ý, những khoảng trắng muốn thể hiện tú khí của đất trời tích tụ qua những tầng đá hoặc đá nhẵn do tác dụng của khí.



H 7



H.2



H.3



H.4



H.5

Phương pháp chính là thuần.

Vẽ những tảng đá có hang hốc, ở Thái Hồ.

VẼ NƯỚC CHẢY

Đối với tranh hoa điều vẽ nước chảy có một vị trí khá quan trọng, với mục đích tả ý qua các nét tả nước chảy.



H.1

Những đường thể hiện ý nước chảy cuộn cuộn ra hai bên, ở khoảng giữa có những đường người ta gọi là thủy hoa.

Lối vẽ này thích hợp với những bức họa lớn.



H.2

Lối vẽ này thích hợp với những bức họa nhỏ hoặc cỡ vừa.

Tiết 6

VẼ THẢO TRÙNG

Thảo trùng là bướm, chuồn chuồn, họ ngựa, ve... nhằm điểm xuyết cho tranh hoa điều thêm sinh động.

Vẽ thảo trùng cũng là cách điểm mắt cho bức tranh, tương tự *họa long điểm nhãn*.

Đặc biệt hoa và bướm nhiều khi còn tượng trưng cho những ý tưởng mà họa sĩ muốn thể hiện.

Ví dụ: Bài thơ đời Tống viết:

Tiểu hà tài lộ tiêm giác
Thảo hữu thanh đình lập thượng đầu
Nhi đồng cấp tẩu truy hoàng điệp
Phi nhập vịnh hoa vô xứ tầm.

Phỏng dịch:

*Hồ sen búp mới như
Cỏ xanh chuồn chuồn đậu
Bé mê đuổi bắt con bướm bướm
Bướm lẫn vào hoa biết tìm đâu.*

Bài thơ có hoa sen, có cỏ, có hoa, có bướm bướm, chuồn chuồn.

Chú bé đuổi bướm, bướm lẩn vào hoa, đâm ra ngỡ ngác, hụt hẫng.

Câu cuối bài thơ, với từ vinh hoa, gợi nhiều ý tưởng:

Hăm hở tìm vinh hoa nhưng tìm nơi đâu?

Hoặc vinh hoa cũng chỉ là giấc mơ hóa bướm!

1. Ngựa nhà trời, nhái bén, ong ngài, dế

Gọi là con *thiên nga*, trâu nhà trời, ta thường gọi ngựa nhà trời.

Vẽ bằng mực đen đậm, trên lưng điểm phấn trắng.

Chú ý vẽ râu và chân tạo nên sức lực của con vật.



H.1

Con nhái bén, ong, ngài, chú ý vẽ chân vẽ râu, tạo nên sức lực của con vật.

2. Bướm



H.2

Độ thắm đậm, nhạt của màu đen và các mảng màu khác, tạo rãnh của cánh bướm, diễn đạt được thể bay hoặc đậu của bướm.

3. Bộ ngựa



H.3

Con vật sinh động vì họa sĩ chú ý vẽ đầu hình tam giác hướng lên, chân và hai càng (song đao) ngo ngoậy.

4. Chuồn chuồn, châu chấu và ve



H.4

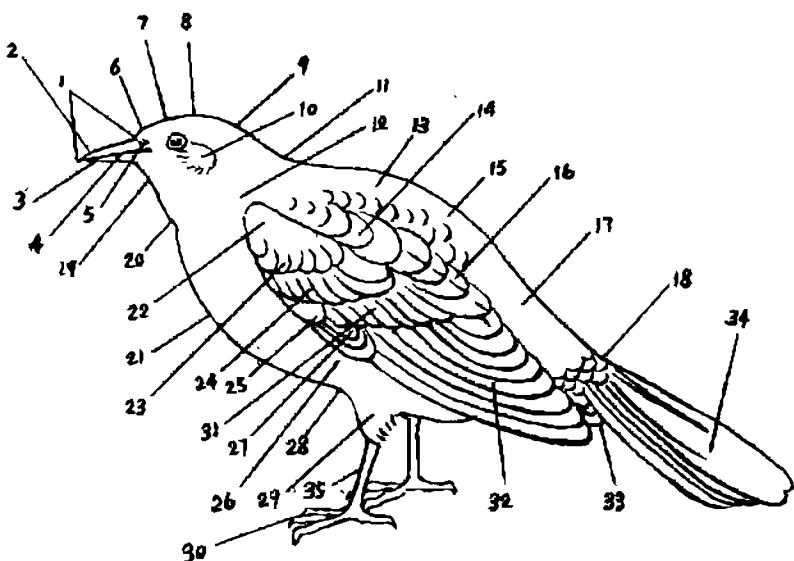
Do những mảng màu và điểm xuyết một số nét hình thành.

Cách vẽ những con vật này tương tự nhau.

VỀ LINH ĐIẾU

Tranh hoa điếu, tức là có hoa và có chim. Loại chim lông vũ, người Trung Quốc gọi là linh điếu.

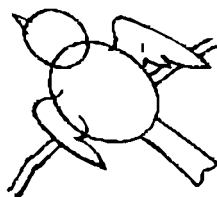
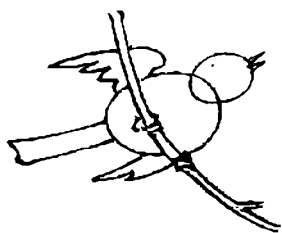
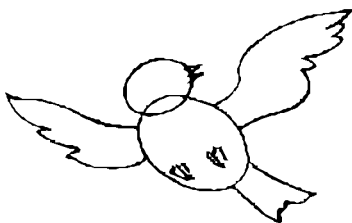
1. Các bộ phận của linh điếu

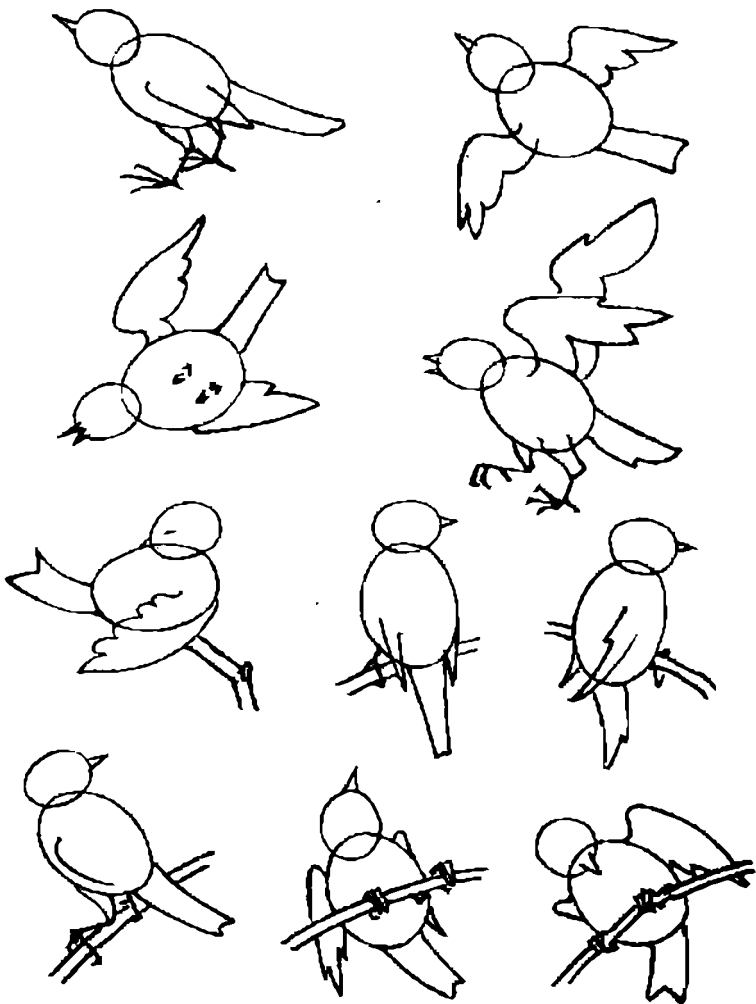


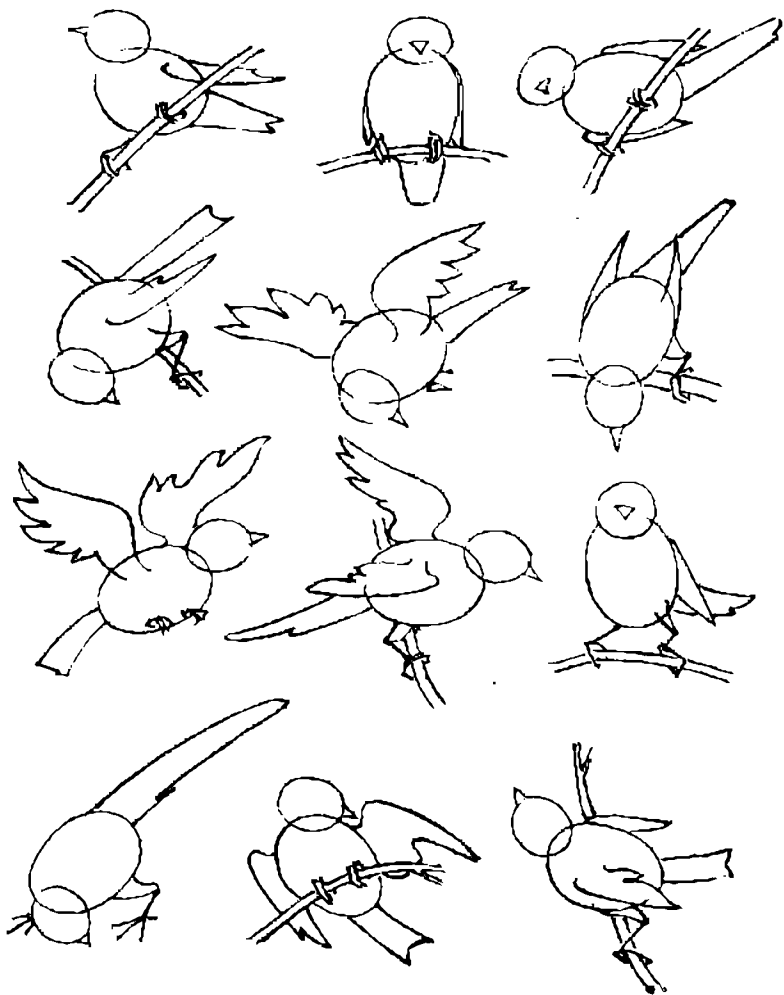
H.3

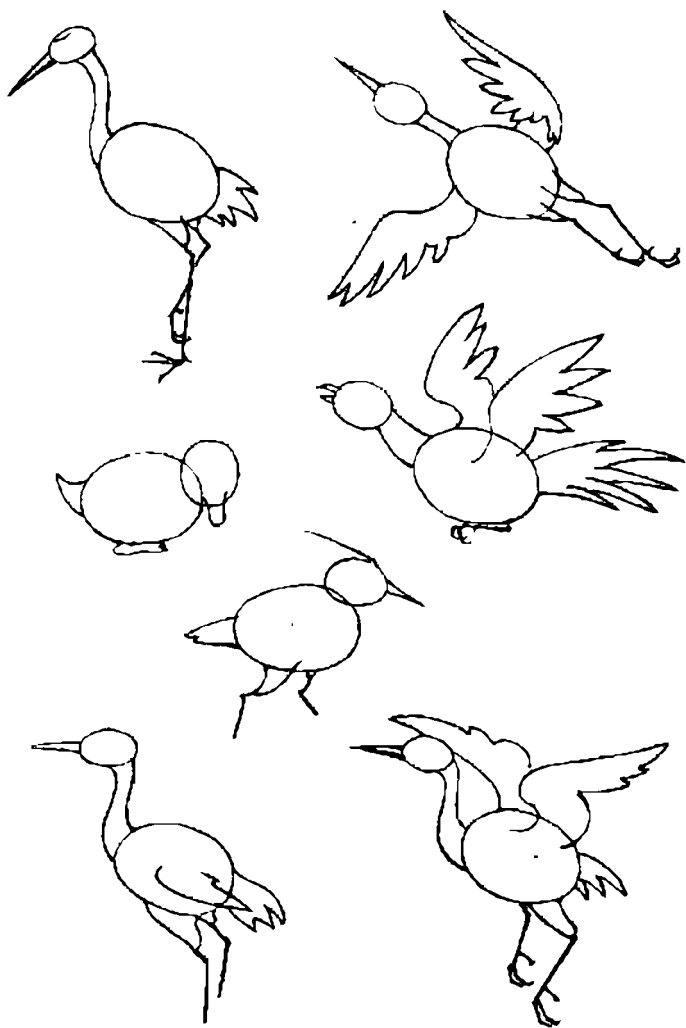
- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Mỏ | 2. Mỏ trên |
| 3. Mỏ dưới | 4. Đường hai mỏ gặp nhau |
| 5. Lỗ mũi | 6. Trán |
| 7. Trước đầu | 8. Đỉnh đầu |
| 9. Sau đầu | 10. Lông tai |
| 11. Cổ trên | 12. Cổ dưới |
| 13. Vai giữa | 14. Lông vai |
| 15. Vai dưới | 16. Ba đường cánh để hay |
| 17. Lưng | 18. Lông che đuôi trên |
| 19. Cổ | 20. Hầu |
| 21. Ngực | 22. Lông vũ (che) nhỏ |
| 23. Lông vũ (che) vừa | 24. Lông vũ (che) lớn |
| 25. Cánh lông vũ nhỏ | 26. Xương sườn |
| 27. Lông vũ che sơ cấp | 28. Bụng |
| 29. Gối | 30. Móng |
| 31. Lông vũ che thứ cấp | 32. Lông vũ hay sơ cấp |
| 33. Lông che dưới đuôi | 34. Đuôi |
| 35. Ống chân | |

2. Các tư thế của linh điêu

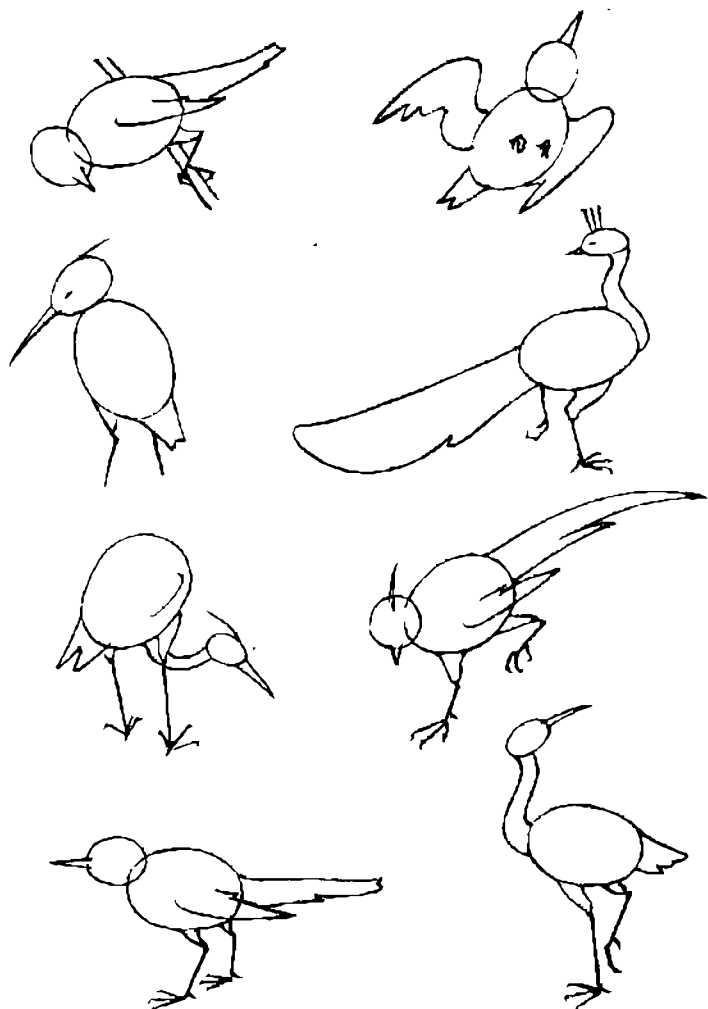








H5



Tiết 8

CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT

Phần này giới thiệu 8 phương pháp đặc biệt vẽ hoa điệu:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 1. Bạch miêu | 2. Thiển sắc công bút |
| 3. Giảm bút | 4. Trùng thải công bút |
| 5. Tả ý | 6. Một cốt pháp |
| 7. Kiêm công đại tả | 8. Tính trang trí |

I. BẠCH MIÊU

Bạch miêu, mắng hoặc những nét màu trắng để tăng thêm việc miêu tả. Có hai phương pháp.

1. Phương pháp thứ nhất

Dùng bút lông tía (tử hào) hoặc lông sồi (lang hào) nét nhọn để vẽ các nét có hình cang cua hoặc gân lá hiện lên trên giấy *thực xuyên*.

Dùng bút chủ yếu là nét thẳng, dùng mực hoặc là màu thường là nhạt, có khi rất nhạt, người nhìn bức tranh có cảm giác như không để ý đến các nét vẽ.

Để tạo những nét nhọn của gân lá hoặc hoa người ta khởi bút rất nhanh và dừng bút cũng rất nhanh, chú ý là thực hiện các nét phải ăn khớp với nhau; tựa như những sợi lông thưa.

Không nên vẽ nét phân tán và rời rạc.

Vẽ chim thì dùng *phục bút*, tức là chìm ẩn vào trong khóm hoa lá, chỉ hiện một phần nào đó như mỏ cánh. Ví dụ (H.2).

2. Phương pháp thứ hai

Muốn miêu tả lá lan hoặc lá liễu người ta chú trọng vẽ các nếp gấp, tương tự nếp áo mà sĩ nữ thường mặc (Xem phần vẽ nhân vật).

II. THIỄN SẮC CÔNG BÚT

Thiến sắc là màu nhạt, công bút là nét vẽ công phu.

Phương pháp thiến sắc tương tự như phương pháp bạch miêu.

Dùng màu nhạt, mềm. Không nên dùng những màu sáng bóng.



H.1

Lăng có nhiều hoa, lá, màu sắc hài hòa nên không rối mắt.

Trước lăng hoa là hình quả dưa, *thu quả*, màu đỏ nhạt, điểm xuyết bằng những sọc trắng.

Tất cả tạo hòa hợp tạo nên một bức tranh thanh nhã, đẹp.

III. TRÙNG THẢI CÔNG BÚT

Trùng là trùng điệp, *thải* là rục rỡ, với màu sắc trùng điệp để tạo vẻ rục rỡ hoa, lá.

Công bút dùng để chỉ một bức tranh vẽ rất công phu.

Phương pháp hình thành bởi kỹ thuật song câu và điền sắc.

Bức tranh có tên *Sơn lý thủy tiên*, là một ví dụ về phương pháp trùng thải công bút.

1. Vẽ hoa: Có tầng lớp, cánh hoa màu trắng xanh tạo vẽ thanh nhã, thanh cao, chú ý điểm xuyết nhụy hoa, tạo nên vẻ rực rỡ.

Lá có lá non, lá già. Vành lá, dùng màu đen, thực hiện bằng kỹ thuật song câu.

2. Vẽ linh điểu: Chỉ vẽ một số bộ phận, tạo vẻ ẩn hiện của chim sau cụm hoa.

Câu để vẽ mỏ chim, điểm mắt chim, chú ý đến vẽ cánh chim, đuôi chim.

Tư thế như vừa bay vụt ra khỏi cụm thủy tiên.

Cách vẽ chim ẩn sau hoa còn gọi là *phục bút*.



H.2

IV. GIẢM BÚT

Muốn áp dụng phương pháp này, trước tiên phải lập ý, sau đó mới hạ bút.

Ý đi trước bút theo sau sẽ tạo nên bức tranh đẹp.

Yêu cầu của cách vẽ này là bút phải lột tả được ý.

Tất nhiên phải luyện tập công phu, có cảm hứng sáng tạo mới vẽ được.

Người ta gọi cảm hứng sáng tạo là *thần lai chi bút*, thần đến với cây bút.



H.3

一鳥不鳴山更幽
癸卯年



H.4



春江晚照
壬戌二月
癸卯



H.5



H.6



H.7



H.8

V. TẢ Ý

1. Tả chim ưng hung hãn với tùng xanh

(Hùng ưng, thương tùng)



H.9

Dùng nét bút to nhỏ để vẽ lá tùng.

Chỉ vẽ nửa thân chim ưng ẩn hiện trong tùng.

Tư thế chúa loài chim, dũng dạc và đường hoàng.

2. Tả khổng tước



H. 10

Đầu cổ màu than, đuôi màu nhạt.

Dáng đi tha thướt như cô gái.

3. Lá thủy tiên



H.11

Lá thủy tiên màu đen.

Dùng câu lặc đở vẽ hoa.

Bức tranh kết hợp giữa các nét to nhỏ và hai màu đen trắng.

4. Tả liễu mùa thu và chú ve



H.12

Cách dùng bút rất đơn giản để tả mùa thu, liễu và chú ve sầu.

5. Hoa đào và chim nhỏ



H.13

Trước tiên dùng màu đen để vẽ đầu chim.
Sau dùng màu vàng quét bụng và đuôi.

6. Tường vi và bướm



H.14

Trước hết là vẽ tường vi, lá màu lục với màu đất đỏ.

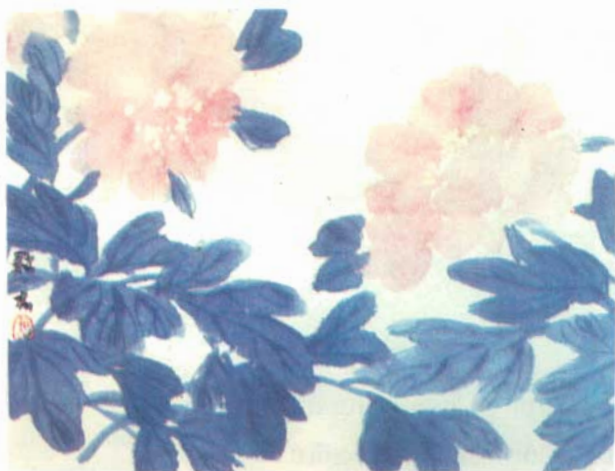
Sau là vẽ bướm.

Trước tiên là vẽ cây, sau là vẽ hoa, cuối cùng là điểm lá.

Không dùng câu lặc để viền hoa.

Dùng mảng màu đen, gần như bao quanh để tả ý, tăng thêm vẻ rực rỡ của cụm hoa lớn.

VI. MỘT CỐT PHÁP



H.16

1. Phong các của Uẩn Nam Điền



H. 17

Vẽ bướm và hoa cùng một màu.
Gọi là đơn sắc (một màu)

2. Khô mà tươi



H. 18

Điều đáng chú ý là dùng bút khô (khô bút) để vẽ rắng và màu xanh lá chuối nhưng lại tạo vẻ tươi của cành lá.

3. Thúy trúc và chim



H.19

Trúc màu xanh nhạt, gọi là thúy trúc.

Chim màu đỏ lửng (hách), dùng màu đen điểm mỏ và mắt

Là một trong những cách vẽ của một cốt pháp.

4. Đen và đỏ lửng



H.20

Hoa và lá do hai màu đen và đỏ lửng hình thành.

Cách vẽ này còn gọi là đơn sắc (chắc là không kể màu đen) một trong những kỹ thuật của một cốt pháp.

VII. KIÊM CÔNG ĐÁI TẢ



H.21

Phương pháp này tương tự như phương pháp tả ý, chỉ khác biệt là vẽ chim, linh diệu, rất công phu tinh tế.

Tiết 9

TÍNH TRANG TRÍ

Muốn nâng cao *tính khoa trương*, phô trương của một bức họa người ta dùng song câu để viền lên các vật được vẽ. Gọi là tính trang trí.

Người ta có thể trang trí thân cây, tảng đá, linh điều...

Đây là một bức họa tiêu biểu cho phương pháp trang trí.



H.1

Thân từng uốn lượn rõ nét, có vẩy, tạo hình ảnh rỗng rần.

Không những vậy, họa sĩ còn điểm thêm những điểm như châu ngọc.

Chim hạc như nổi lên giữa châu ngọc và đám rỗng rần.

**PHƯƠNG PHÁP VẼ
MAI, LAN, CÚC, TÙNG**

Mai, lan, cúc, trúc được gọi là tứ quân tử, bốn loại hoa tượng trưng cho người quân tử. là những đề tài truyền thống của Trung Quốc, sau đó là tùng.

I. MAI

Hoa mai tượng trưng cho mùa xuân.

Mai có nhiều loại: Bạch mai, hắc mai, hồng mai, lục mai. Ngoài ra còn có mai ngũ sắc...

Để vẽ mai, các họa sĩ dùng nhiều màu: giả sắc, thu hương sắc, lục sắc, thậm chí là hoa thanh sắc.

Vẽ mai ngũ sắc người ta không dùng màu vàng.

Vẽ thân, cành mai, người ta dùng đơn bút (một cây bút) hoặc song bút (hai cây bút một lúc), có bút khô và bút ướt. Bút khô để thuôn những nét nhỏ. Bút ướt điểm rêu, hoặc tạo những thớ nhỏ như sợi lông, tạo vẻ ẩm ướt sù sù của thân và cành.

Dùng mực đen tạo những chỗ lồi lõm của thân mai để tả ý: chịu đựng, già dặn tuyệt vời...

Cành mai thường nghiêng ngang, có thẳng, có uốn khúc.

Chú ý vẽ những đoá hoa, có hướng lên, có nhìn xuống (hô ứng nhau), có dày, có thưa; có chính diện (mặt trước), có phản diện (mặt sau).

Mặt trước thì điểm nhụy hoa, mặt sau thêm đài hoa.

Ít khi người ta vẽ hoa trên thân cây hoặc trên những cành lớn.

Muốn vẽ mai, trước tiên người ta vẽ thân, cành lớn, sau đó mới vẽ hoa, đài hoa, nhụy hoa, phấn hoa.



H. 1

Theo bút pháp vẽ mai của đời Minh.



H.2
Hồng mai

II. LAN

Loại cây thuộc thân thảo, xanh tươi, đầy sức sống nên được các họa sĩ rất ưa chuộng.

Các họa sĩ vẽ lan chia làm hai loại, lan và huệ lan

Người ta dùng các phương pháp như song câu bạch miêu (miêu tả) hoặc đơn bút (tức là chỉ dùng bút và mực) để vẽ.

Chủ yếu vẽ lan là vẽ lá.

Song câu bạch miêu.

Lá có lớn có nhỏ; lá lớn thuộc chính diện, lá nhỏ thuộc bề nghiêng; có dài, có ngắn; hồ tương, hồ ứng lẫn nhau.

Muốn lá đạt được những đặc điểm trên, khi vẽ gốc lá phải hết sức chú ý điểm xuất phát, để lá được thế.

Màu có đậm có nhạt, có tụ có tán, nhưng không quá đậm hoặc quá nhạt.

Thông thường vẽ lá gần gốc ngắn, gần ngọn thì dài.

Hoa thường có năm cánh, khi vẽ hoa chú ý đến tư thế và trạng thái của hoa.



H.3



H.4

Lá lan nhỏ, hoa tâm có đậm có nhạt, mục đích để tả ý.

III. TRÚC

Có vô số loại trúc nhưng vẽ trúc chủ yếu là vẽ được sự biến hóa của lá trúc.

Tùy theo tư thế và hình dạng của lá trúc người ta gọi tên loại trúc:

Về tư thế, lá trúc hướng lên trời gọi là *triều thiên trúc*, lá trúc chế ra gọi là *phách hiệp trúc* (phách là chế ra).

Về hình dạng, có lá hình chữ cá () lá hình chữ giới ().

Vẽ trúc phải biết rõ cây trúc đang ở tư thế nào để định hình phương pháp vẽ cho đúng, tự nhiên và sinh động.

Cách vẽ lá phách hiệp trúc, gọi là *yển thức* (yển là nằm).

Cách vẽ triều thiên trúc, gọi là *ngưỡng thức* (ngưỡng là nhìn lên).

1. Vẽ thân trúc, lóng trúc, chỗ phân lóng

Thân trúc to khỏe, lóng trúc thẳng. Màu sắc có đậm có nhạt.

Chỗ phân lóng được vẽ bằng mực đậm, với nét hình dấu ngã ngược (theo dấu thanh của Việt Nam).

2. Vẽ lá phách hiệp trúc (yến thức)

Khi vẽ phách hiệp trúc, người ta ít dụng bút lực khi khởi bút.

Lá hầu hết như hướng xuống dưới.

Cách vẽ lá trúc hình chữ cá hoặc chữ giới đều giống nhau.

Màu sắc lá trúc có đậm có nhạt.

Nhưng khi thực hiện các mảng màu, lá dày, như thấm vào nhau, bóng hình của nhau.

Không thích nghi với việc tách bạch ra từng lá.

Để dễ nhớ cách vẽ lá phách hiệp trúc các họa sĩ thường nói:

Nét thứ nhất như chiếc lông vũ, nét thứ hai như đuôi chim yến, nét thứ ba như chữ cá, nét thứ tư như con nhận sà xuống (Nhất bút phiến vũ, nhị bút yến vĩ, tam bút cá tự, tứ bút lạc nhận)



H.5

3. Vẽ lá triều thiên trúc (ngưỡng thức)

Các lá trúc hình chữ cá hoặc chữ giới có xu hướng đều hướng lên trời.

Màu sắc có đậm nhạt, nhưng sự phân biệt các lá rõ ràng.

Khi vẽ, ta nhớ câu:

Nét thứ nhất như con thuyền nằm ngang, nét thứ hai như đuôi cá, nét thứ ba, như con nhạn bay lên (Nhất bút hoành chu, nhị bút ngư vĩ, tam bút phi nhạn).



H.6

Chú ý thân trúc, họa sĩ đã thêm những điểm sáng, tả ánh trắng hoặc đốm lửa chiếu vào thân trúc.

* *Ghi chú:*

Vẽ trúc bộ phận nào trước, bộ phận nào sau đều theo thói quen của họa sĩ. Nhưng kinh nghiệm của một số họa sĩ thì nên vẽ lá trước, sau là vẽ thân, sau đó là vẽ các nhánh, liên kết các lá.

Màu thường dùng để vẽ trúc là hoa thanh hoặc châu sa. Nếu vẽ bằng châu sa thì gọi *sa châu trúc*.

IV. CÚC

Mùa thu hoa cúc là đẹp nhất, không sợ phong sương, nên được mọi người quý trọng. Có hai phương pháp cơ bản:

1. Bút mực



H.7

Dùng mực đen để vẽ cúc.

2. Thiết sắc hoặc câu hoa điểm hiệp pháp



H.8

Theo phương pháp *thiết sắc* (bố trí màu sắc) hoặc còn có tên là *câu hoa điểm hiệp pháp* (phương pháp câu hoa, điểm lá), một phương pháp của Ngô Xương Thạc, cận đại.

Trước là câu để cho cánh hoa xuất hiện.

Sau là vẽ lá.

Điểm hồng để tả sự rực rỡ của cúc.

* *Ghi chú:*

Để hiểu thêm về phương pháp vẽ mai, lan, cúc, trúc, xin xem thêm phần phụ lục trong sách này.

V. TÙNG

Tùng là loại cây rất đẹp trong các loại cây, thân thẳng cành ngang, hiên ngang bất khuất.

Thân sù sì như vẩy rồng, những vết sẹo, điểm rêu, tăng thêm ý già dặn của tùng (lão tùng).

Các mảng màu đen trắng rõ ràng phân minh.

Lá tùng như những cây kim lớn hợp thành.

Có hai phương pháp tiêu biểu là mặc tùng và song câu tùng.

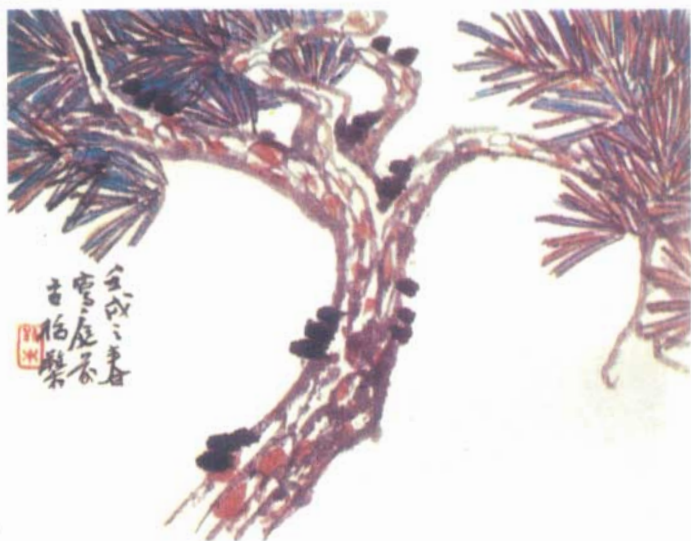
a. Mặc tùng



H 9

Mặc tùng, chỉ dùng màu đen để vẽ.

b. Song câu tùng



H.10

Dùng phương pháp song câu.

Điểm bằng hai màu là hoa thanh và giả thạch.

VẼ QUẢ

Khi đã biết các phương pháp vẽ núi, vẽ hoa... dễ dàng ứng dụng vào việc vẽ quả.

1. Quả cây leo



H.1

Cách vẽ của Ngô Xương Thạc

Tương tự cách vẽ hoa cúc, trước là bố trí màu sắc.

Sau dùng mực đen để vẽ.

2. Những phiến ngó sen



H.2

Khi vẽ chú ý phân bố các lỗ nhỏ đều đặn, hợp lý.

Nhìn tranh có thể liên tưởng: *Từ ngày sen ngó
đào tơ (?)*

3. Quả na



H.3

Phương pháp vẽ như vẽ núi vẩy rồng.



H.6

Vẽ bình, ly và hoa theo kỹ pháp của người xưa.

Dùng sứt tạo nên sự lồi lõm, những vùng tối sáng của bình và ly.

Trên tối dưới sáng.

Màu lục sa, tạo thêm màu thời gian và cảm giác xa xưa.



H.2

Cách vẽ tương tự (H.1)

3. Khoảng cách



44

Hoa trong bồn gọi là *vũ hoa thạch*.

Màu sắc gợi cảm giác đầm đìa ướt át.

Trong chum là ngọc lan.

Cách vẽ bồn, phần trên xuất hiện màu nhạt để phân biệt được trước sau của bồn; khoảng cách giữa bồn và chum.

VẼ THÚ VẬT

Muốn vẽ thú vật phải quan sát và nhận ra đặc trưng của từng con vật và khi vẽ thể hiện được thần thái con vật.

1. Chó ngủ



H.1

2. Khỉ lão liêng



H.2

2. Thấy dưới không thấy trên
(Hiển kỳ hạ nhi bất kiến kỳ thượng)



H.2

3. Nặng một bên (Trọng tại nhất biên)



H.3

4. *Nặng hai bên, giữa nhẹ*
(*Trọng tại nhị biên trung khinh*)



H.4

5. Trái phải, trên dưới, giữa đều đầy
(Tả hữu, thượng hạ, trung toàn mãn)



H.5

6. Trên nặng dưới nhẹ (Thượng trọng hạ khinh)



H.6

7. Trên nhẹ dưới nặng (Thượng khinh hạ trọng)



H.7

10. *Giũa nặng (Trọng tại trung)*



H.10

11. Phân tán nhưng không bị phá vỡ
(Tự tán nhi bất toái)



H.11

*12. Trái, phải nặng nhẹ tương đương
(Tả hữu khinh trọng tương khổ)*



H.12

NHỮNG ĐIỀU GHI NHỚ

Tương tự vẽ tranh sơn thủy, vẽ hoa điều chúng ta nên nhớ một số vấn đề căn bản để việc học tập tiến bộ và vẽ ngày càng đẹp hơn.

1. Thiên chùy bách luyện

Mới tập vẽ hoa điều thực, gọi là *tả sinh*, nên lấy viết chì *phác thảo* trước: khối hoa lá; hình dạng lá, hoa, các chi tiết ... ; tương tự vẽ chim thì phác thảo hình dạng, tư thế, các chi tiết ... sau đó mới dùng màu để vẽ.

Khi nào vẽ thành thạo thì không cần phác thảo.

Về luyện tập như đã nói là phải kiên nhẫn, *thiên chùy bách luyện*, luyện hàng trăm, ngàn lần, kiên nhẫn, tuần tự nhi tiến.

2. Sáng tạo trên căn bản kế thừa truyền thống

Khi sáng tác cần lấy một trong những phương pháp truyền thống, một trường phái hoặc hai trường phái hoặc một họa sĩ bậc thầy, làm căn bản. Tương tự, cây phải có gốc.

3. Hoa, lá và tả ý

Ví dụ, mùa xuân là mùa hoa nở, vẽ hoa tức là muốn tả ý xuân.

Vì vậy vẽ hoa phải lưu ý đến việc tả ý.

Mỗi mùa có loại hoa khác nhau, việc tả ý của mỗi mùa khác nhau.

Cách dùng bút hoặc màu để vẽ hoa, lá cũng thể hiện được khoảnh khắc, thời tiết khác nhau.

Bút khô, vẽ cành khô, tả ý khô nóng.

Màu ướt át của hoa, lá, tả ý sau cơn mưa hoặc sương.

Vài điểm sáng trên thân trúc, tả ý trắng sáng.

4. Loài chim không tên

Không mấy ai biết hết tên các loài chim, khi vẽ chim không nên vẽ loài chim ta chưa từng thấy.

Bức tranh hoa điếu vẽ chim lạ, ta chưa thấy, nhiều người chưa biết gọi là *sơn điếu bất tri danh*, chim không tên.

5. Chương pháp thủ thế

Chương pháp hay kết cấu rất quan trọng đối với tranh hoa điếu.

Các họa sĩ cho rằng chương pháp nhất định phải có *thủ thế*.

Tức là bố cục kết cấu theo *thế nào*: trên nặng dưới nhẹ, trái nặng phải nhẹ v.v.

Không thể kết cấu tùy tiện.

6. Đề thư bố cục

Khi vẽ xong bức tranh các họa sĩ cảm thấy chưa hoàn thiện thì đề thư, có thể là bài thơ, một lời văn để thêm vào chỗ trống, gọi là đề *thư bố cục*; sau đó trịnh trọng đóng ấn chương (con dấu).

Đa số tranh sơn thủy, hoa điều của Trung Quốc đều đề thơ.

Thơ không phải là trang trí, giải thích, ghi chú cho tranh mà tạo thêm chiều thời gian cho bức tranh.

7. Tâm khỉ, ý ngựa

Vẽ tranh là cũng cách luyện tâm, tu tâm dưỡng tính, lắng trong thanh tẩy tâm hồn.

Người ta thường nói *viên tâm mã ý*, tâm nháy nhót như con khỉ, ý tưởng lồng lộn như con ngựa, nói cách khác suy nghĩ lung tung, mưu cầu đủ thứ, tham muốn đủ điều thì không nên cầm bút vẽ tranh.

MÔ PHỎNG - TẢ SINH - SÁNG TÁC

Như đã nói ở phần vẽ tranh sơn thủy, người bắt đầu học vẽ trước hết là mô phỏng những danh họa để vẽ, học tập phương pháp, kỹ năng, kỹ xảo.

Sau khi đã thu đắc được phương pháp, kỹ năng kỹ xảo thì tả sinh, vẽ hoa, lá, chim thực.

Tập luyện thành công, tự phát hiện ra cấu tứ và năng lực của mình mới sáng tác.

Sau đây là một số bức vẽ mà tác giả đã tập sáng tác, để chúng ta tham khảo và tập phân tích bút hoa, bút ý, cách dùng màu...

** Lưu ý:*

Gọi là câu sắc pháp: Dùng màu đen *câu lặc* thể hiện hoa và lá sau dùng giả sắc, màu đỏ gạch, để điểm xuyết.



H.1



H.2



H.3



H.4

Chương năm

PHỤ LỤC

I. TỨ QUÂN TỬ

Các họa sĩ gọi mai, lan, cúc, trúc là tứ quân tử; tượng trưng cho người có đức độ khí tiết thanh cao vừa là những đề tài cao nhã, truyền thống, của hội họa Trung Quốc.

Có người cả đời chỉ thích vẽ tranh trúc, cũng có người chỉ chuyên vẽ mai... vì vậy cũng có nhiều cuốn sách chuyên viết về phương pháp vẽ một loại cây.

Nhưng quan trọng khi vẽ đừng phạm vào những điều truyền thống cho là cấm kỵ.

Để các bạn tham khảo thêm, chúng tôi giới thiệu một số phương pháp cơ bản về vẽ mai, lan, cúc, trúc và nêu những điều cấm kỵ khi vẽ những loại cây quân tử này.

1. Mai

Trong cuốn *Mặc mai họa phổ* của Lưu Phúc Lâm, hướng dẫn rất chi tiết về phương pháp vẽ mai, xin được tóm tắt như sau:

Khởi kết

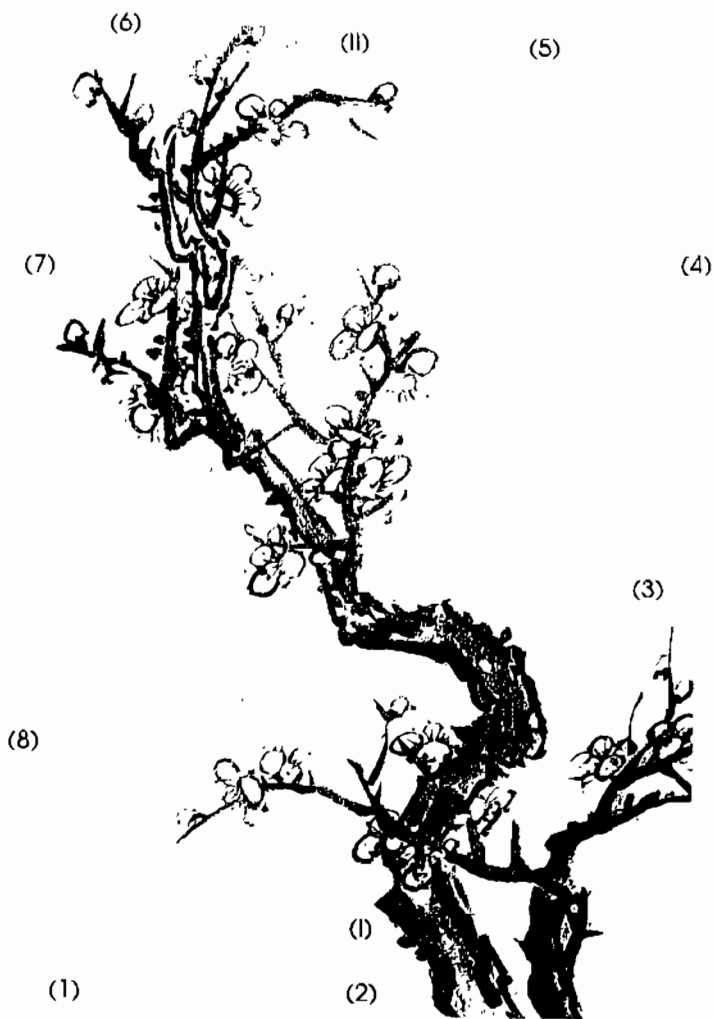
Vẽ cây mai, tương tự như làm một bài văn, có *khởi* có *kết*; khởi bắt đầu là gốc hoặc thân mai, kết là ngọn mai, thường có hoa.

Nếu tờ giấy được phân làm tám hướng, đánh số từ 1 đến 8, thì khởi từ hướng số lẻ, kết cũng là góc số lẻ đối diện, nếu khởi bắt đầu từ góc số chẵn thì kết cũng thuộc góc đối diện là số chẵn.

Thừa là chỗ gồ của thân cây, cành cây, chuyển là có chỗ uốn cong, thừa chuyển hô ứng với nhau, không nên tùy tiện. (H.1)



H.1 - (1) Khởi (2) Đại khởi (3) Đại Thừa (4) Thừa
(5) Kết (6) Chuyển (7) Đại chuyển (8) Đại kết



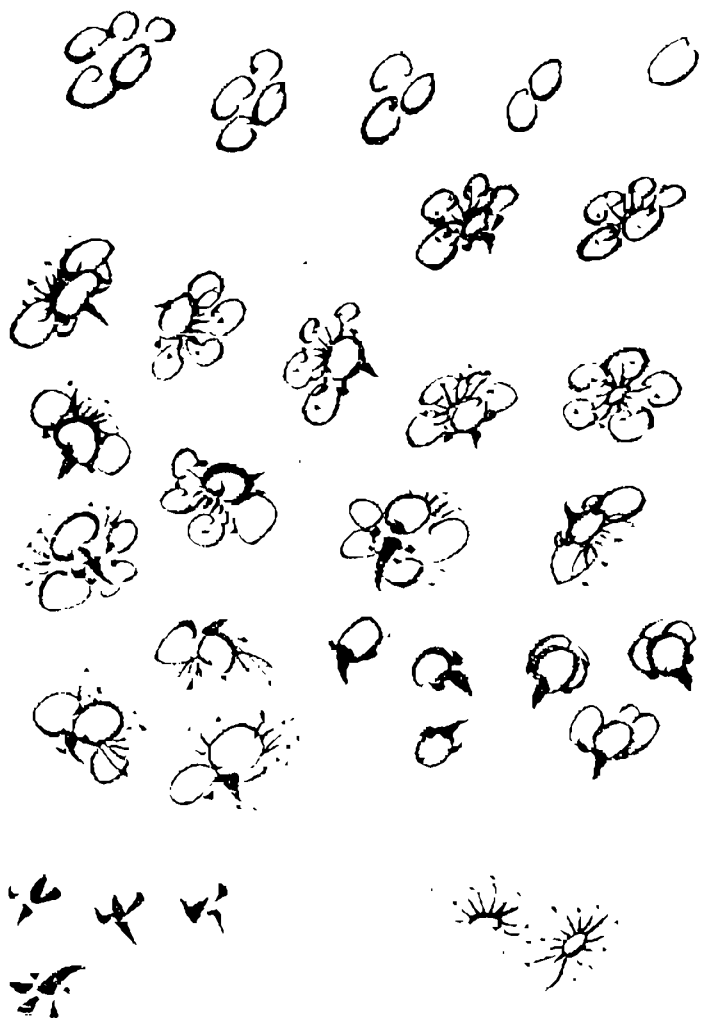
H.2 - i. Khởi, II. Kết ; Khởi số (2) ; Kết ở số (6)

Vô nữ bất thành mai

Vẽ nhánh cây thì có nhánh già nhánh trẻ, nhánh trước, nhánh sau; nhánh phải, nhánh trái, đặc biệt các nhánh đứng xa thấy giao nhau như hình chữ nữ, vì vô nữ bất thành mai, không có chữ nữ thì không thể thành cây mai được.



H.3 - Các cành mai giao nhau nhìn như hình chữ nữ vô nữ bất thành mai



H.4 - Cách vẽ hoa, đài hoa và nhụy hoa



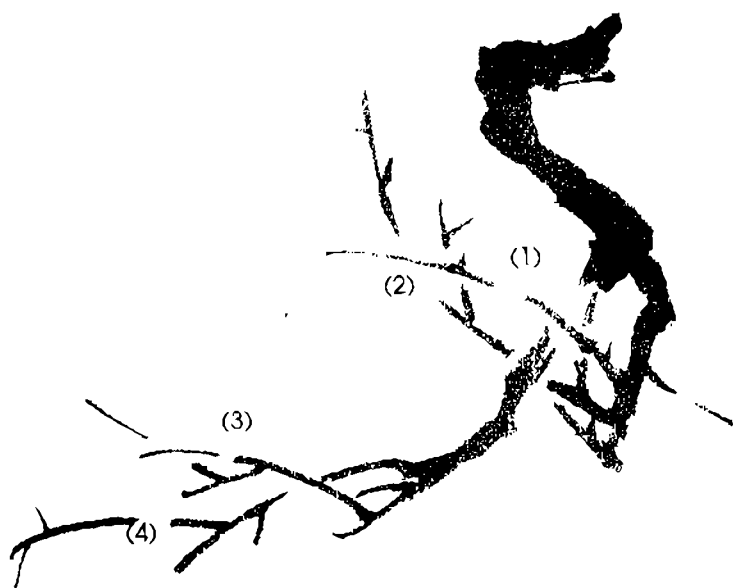
H.5 - Cách điểm hoa mai



H 6 - Thân, cành, nhánh và hoa mai

Bút đoạn ý liên

Khi vẽ nhánh mai có chứa những khoảng trống để sau này vẽ hoa, phải tuân theo nguyên tắc *bút đoạn ý liên*, nét đứt nhưng ý liên tục, không nên hai nét đứt rời rạc nhau.

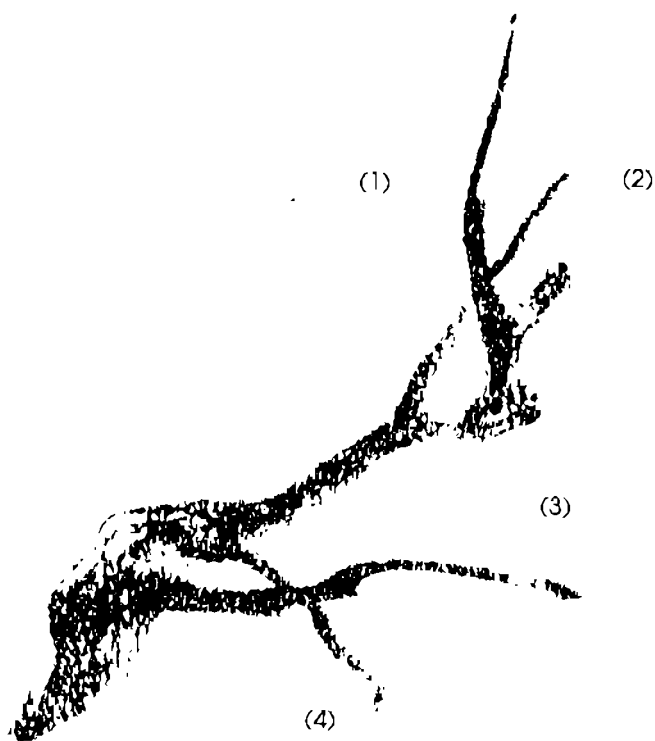


H.7 - (1), (2), (3), (4) - chỗ đứt đoạn

Nếu một bức tranh chỉ vẽ mai hăng mực thì khoảng trống gọi là hư, cây mai gọi là thực.



H B - Hư và thực
(Vùng trắng của bức tranh là hư)



H.9 - (1) Trái (2) Sau (3) Trước (4) Phải
Vẽ cành có trước, có sau, có phải, có trái

Dụng bút, dụng mực

Về dụng bút, vẽ thân mai thì dùng cả thiên phong và trung phong.

Vẽ nhánh mai thì dùng trung phong.

Vẽ cánh hoa thì dùng câu.

Điểm nhị hoa nên điểm thưa không nên điểm dày với dụng ý là tả cái lạnh mùa đông.

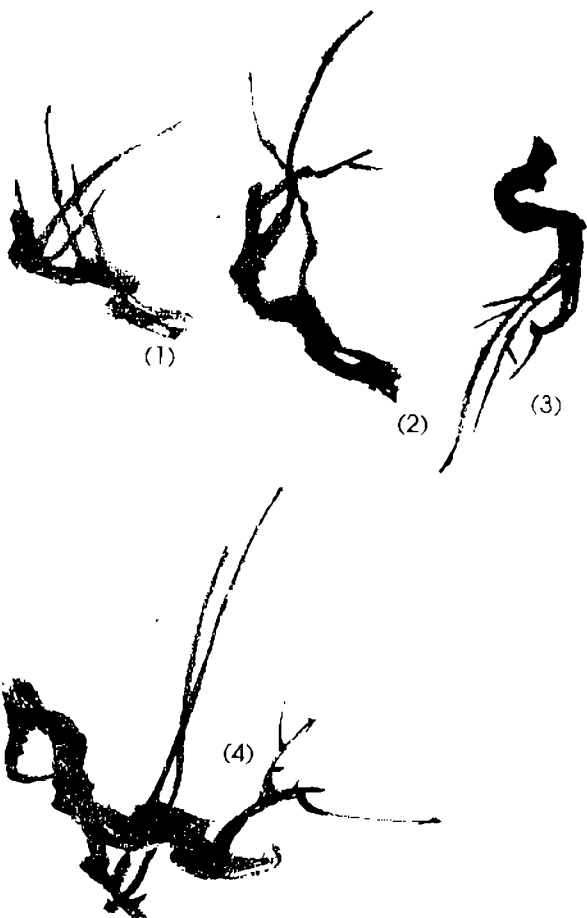
Vẽ thân và cành mực có đậm, có nhạt, có khô, có ướt.

Câu cánh hoa thì dùng mực nhạt, điểm nhị hoa thì dùng mực đậm hơn.

Vẽ cành có trái, phải, trước, sau hô ứng nhau.

Những điều cấm kỵ

Vẽ mai tối kỵ là 4 cành mai đứng xa trông giao nhau theo hình *chữ khai*; hoặc 3 *cành giao nhau* như cái giá đỡ trống, hoặc có 2 nhánh chạy song song với nhau hướng xuống gọi là *bình xuất* hoặc hai nhánh chạy song song theo hướng trên gọi là *khí điều* hay *thúy điều*.



H 10 - Nhưng điều cảm ký

(1) Hình chữ khai (2) Giá trống (3) Bình xuất (4) Đường nước

2. Lan

Cuốn *Mặc lan thư họa phổ* của Lưu Phúc Lâm, hướng dẫn đại lược như sau:

Dụng bút

Dùng trung phong vận bút liên tục để vẽ lá lan.

Án tức là đè bút mạnh lá lan lớn, đề là nâng nhẹ bút lên, lá lan sẽ nhỏ.

Vẽ lá từ trái sang phải là *thuận bút*, vẽ lá từ phải sang trái là *ngịch bút*.

Tương tự vẽ cành mai, lá lan thích hợp giao nhau hình chữ nữ.

Hoa lan có năm cánh, khi vẽ chú ý có hoa chưa nở, hoa hé nở hoặc hoa nở hết, cánh hoa có cánh hướng lên có cánh cúi xuống hô ứng nhau. Hoa có cánh đậm cánh nhạt.

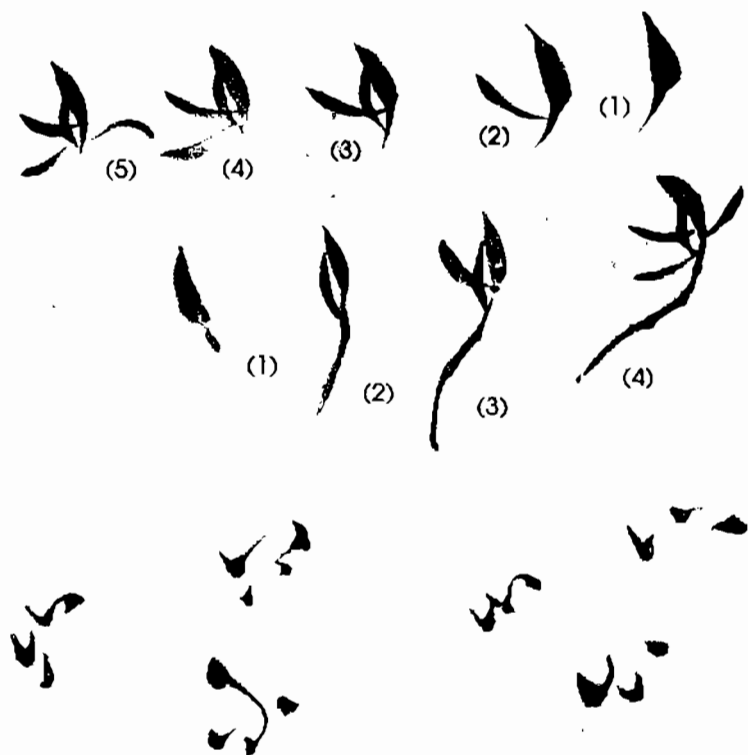
Tả ý

Khi vẽ lan chú ý hình thái của lan để tả ý, và vẽ tranh lan thường gắn với thời tiết để đặt tên.

Ví dụ: Tình lan (trời tạnh), *vũ lan* (trời mưa), *lộ lan* (sương), *phong lan* (gió).

Cấm kỵ

Rất kỵ khi vẽ lá lan gãy nửa chừng, các lá xếp hình chữ khai hoặc hai lá lan đi song song với nhau hoặc ba lá lan giao nhau ở một điểm.



H.11 - Vẽ hoa: Từ phải sang trái (1, 2, 3, 4, 5)

Từ trái sang phải (1, 2, 3, 4)

Vẽ nhụy hoa: Ba điểm, bốn điểm...



H.12 - Các thể hoa, có búp có nữ, cách hoa có cánh hướng lên, có cánh cúi xuống



Lan



Huệ

H.13 - Phương pháp song câu bạch miêu
để vẽ hoa lan, hoa huệ

Phương pháp song câu bạch miêu.



H.14



H.15 - Lan dưới mưa



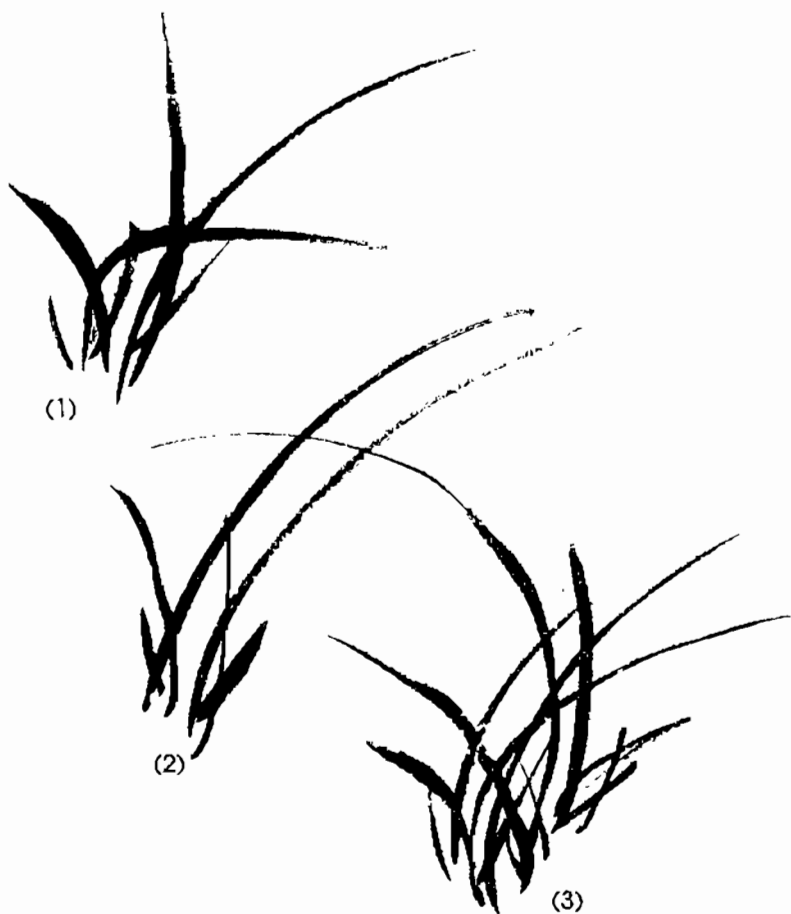
H. 16 - Lan trầu lạnh



H. 17 - Lan dưới sương



H. 18 - Lan trước gió



H. 19 - Những điều cấm kỵ.

(1) Lá gãy (2) Hai lá song song (3) Hình chữ khai

3. Trúc

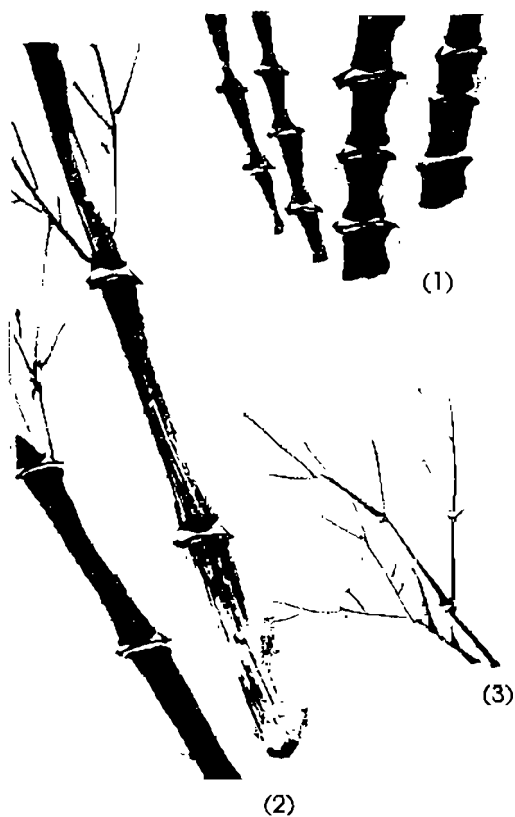
Có thể tóm tắt cách vẽ trúc trích từ cuốn *Tam hy đường họa bảo* của Cửu Tư Trai Chủ, như sau:

Thượng phúc hạ thừa

Vẽ gốc trúc hoặc lóng trúc phải thẳng, có thể vẽ từ dưới lên hoặc từ trên xuống nhưng cách nào cũng theo nguyên tắc trên che dưới, dưới thừa tiếp trên, thượng phúc, hạ thừa.



H.20 - *Thượng phúc hạ thừa*

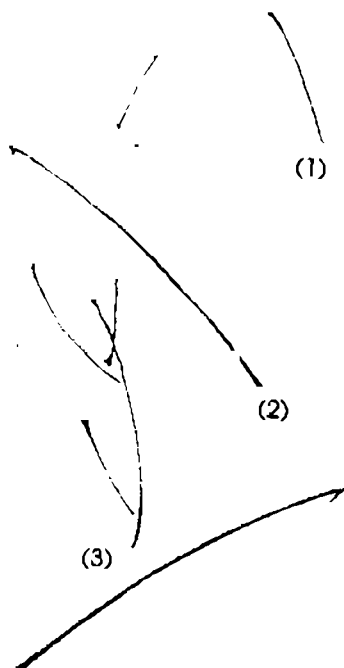


H.21 - Vẽ gốc trúc, thân trúc và nhánh
 (1) Gốc gần rễ (2) Thân trúc sinh nhánh
 (3) Nhánh trúc

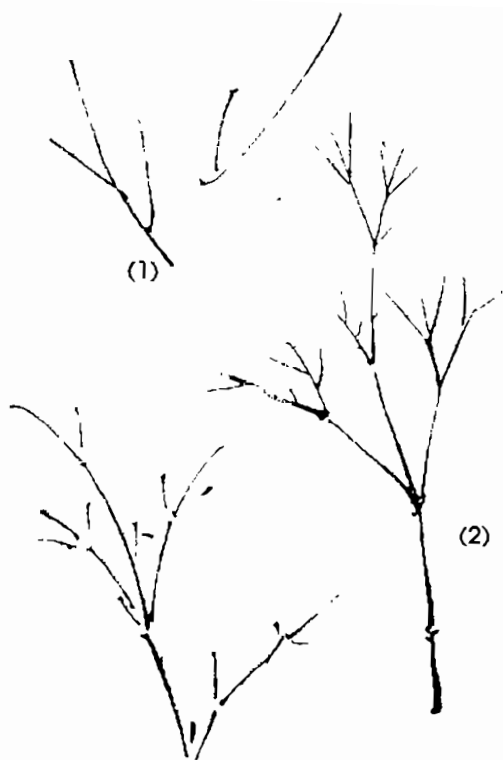
Cành và tả ý

Cành trúc có nhiều hình dạng: đuôi chuột, xương cá, sừng hươu, chân chim khách.

Vẽ cành trúc chú ý tả ý.



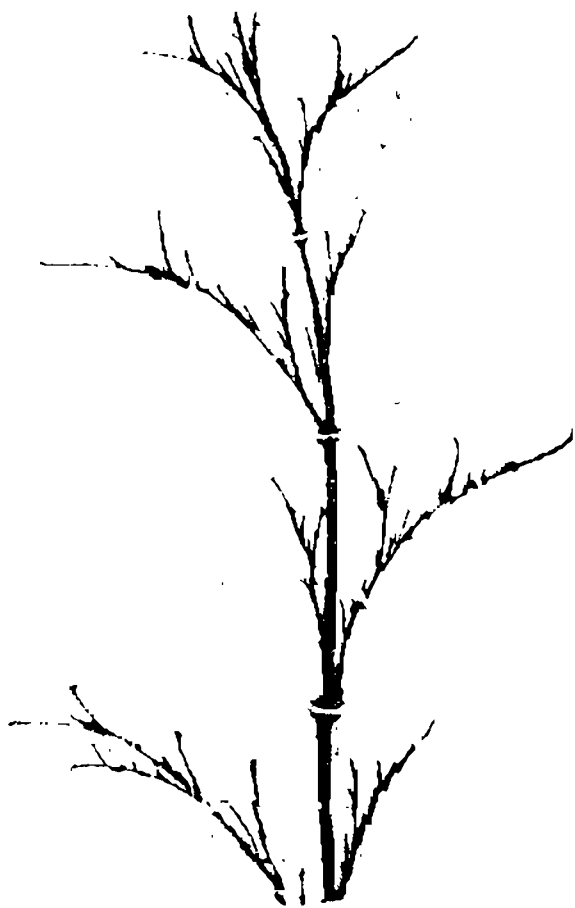
H.22 - (1) Đầu kim. (2) Đuôi chuột (3) Xương cá



H.23 - Các dạng cành, nhánh: (1) Sưng hươu (2) Chân chim



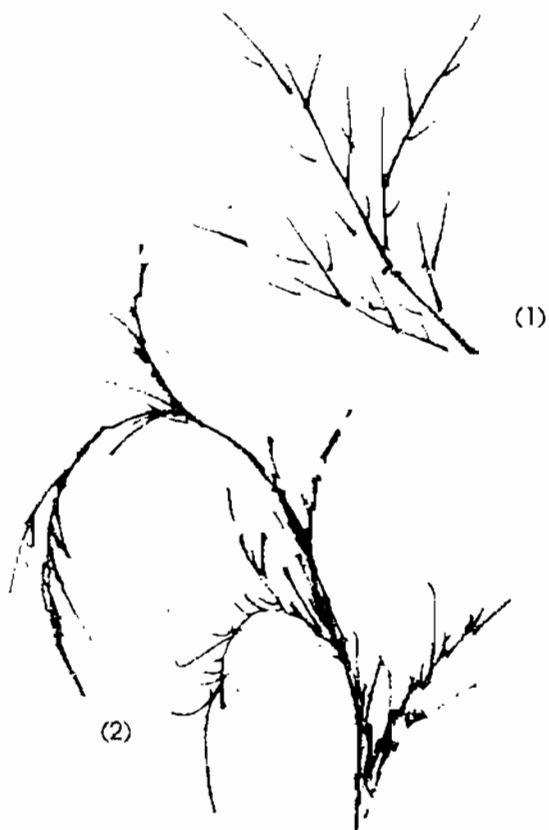
H.24 - (1) Cành trúc mùa (2) Cành trúc non



H.25 - Trúc khô



H.26 - Cành trúc trước gió



H.27 - (1) Trú trời tạnh (2) Trúc trời gió to

Lá và tả ý

Lá thì có lá lẻ, lá như con ngài, lá hình chữ cá, lá hình chữ giới. Lá non, lá già.

Vẽ lá cũng chú trọng đến thời tiết và phù hợp với cách vẽ cành, có.



H.28 - Các dạng lá đơn

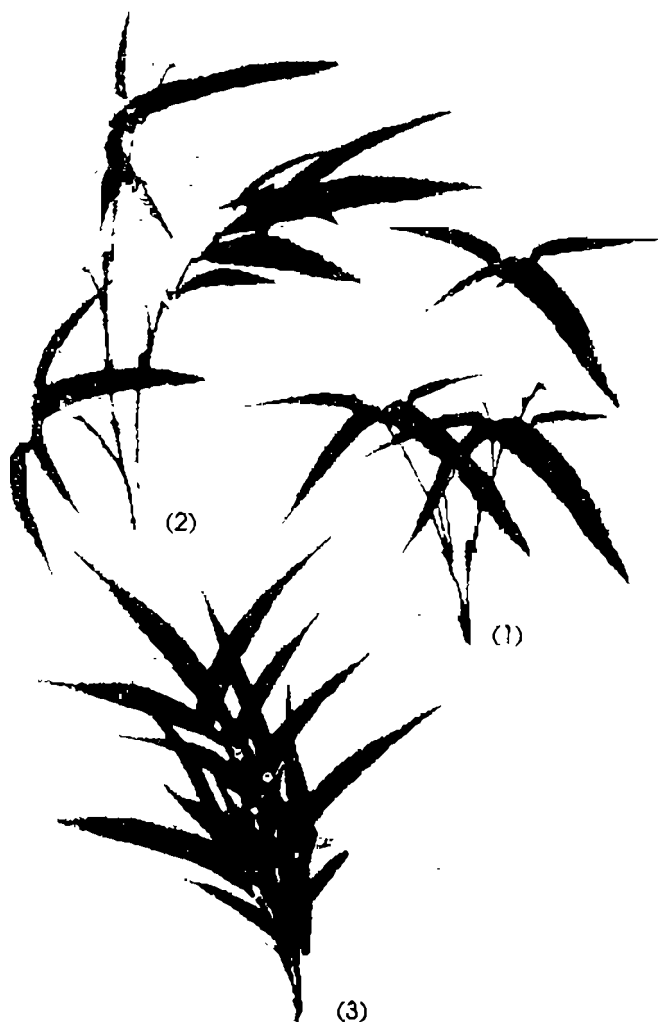


H.29 - Lớ trúc rê hai



H.30 - Dụng chữ cá và chữ cá phá cách

75



H.31 - (1) Lá trúc trời mưa (2) Lá trúc trước gió (3) Lá trúc rậm



Lá mới



Lá non

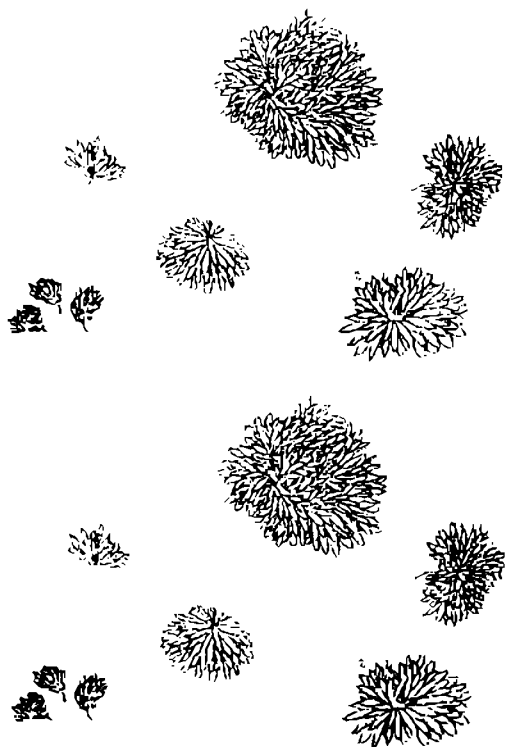
H.32



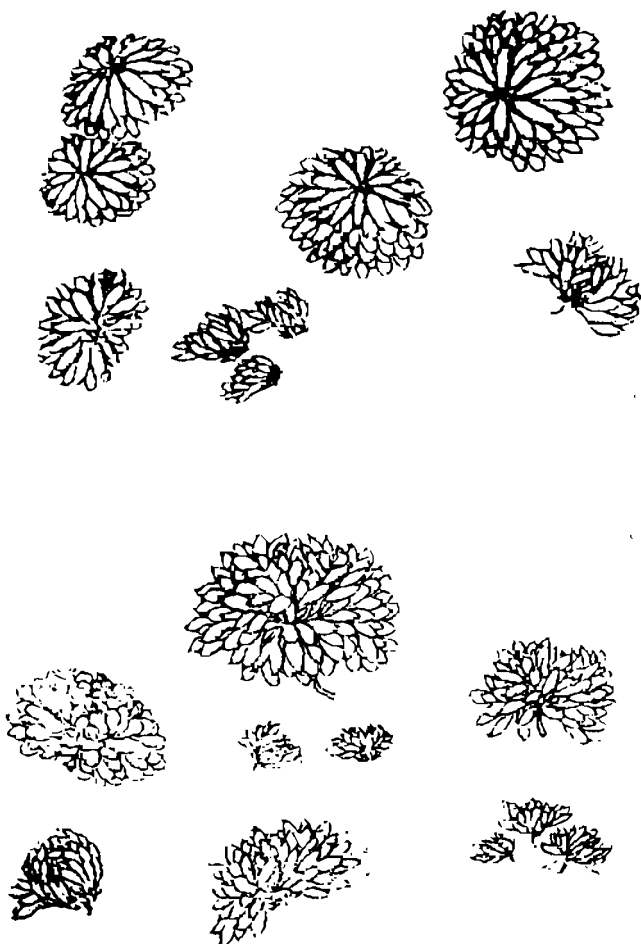
H.33 - Lá già

4. Cúc

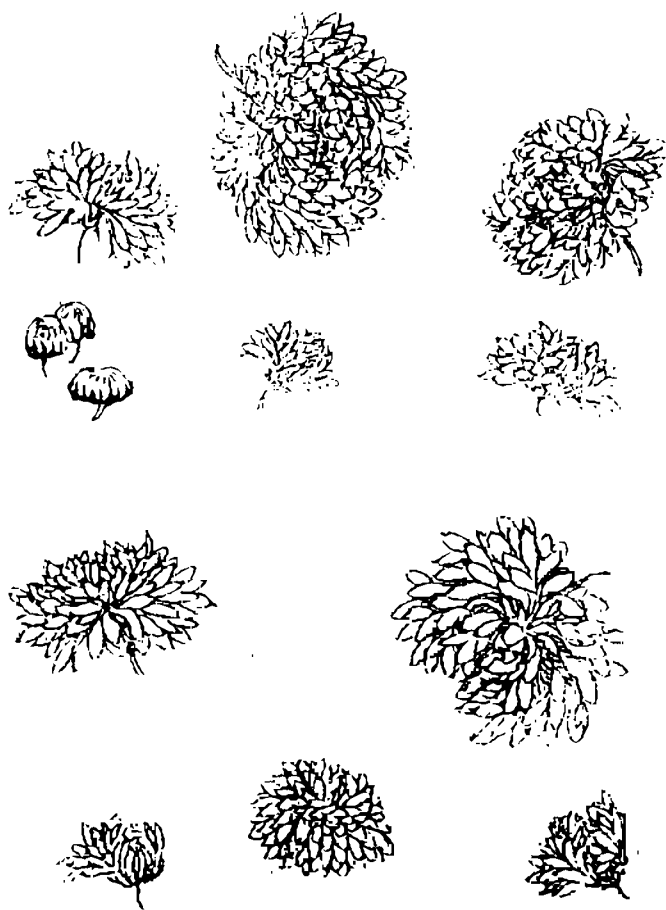
Vẽ cúc tuy không có những nguyên tắc phức tạp như vẽ mai, lan, trúc nhưng hoa, lá có rất nhiều cách vẽ, nhiều tư thế, chi tiết. Chúng tôi chỉ trích một số hình vẽ trong cuốn *Tam hy đường bảo*, để chúng ta cùng tham khảo.



H.34 - Hoa cánh lớn



H.36 - Cánh hoa ngắn, cao



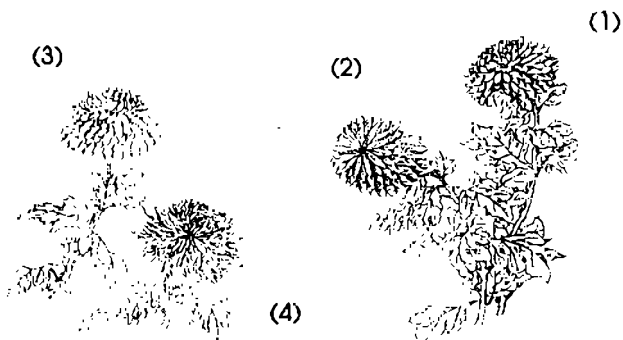
H.37 - Các thể của cánh hoa



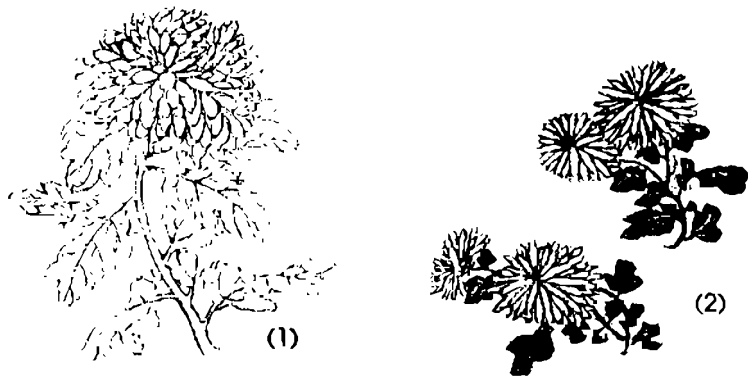
H.38 - Các thế của lá



H.39 - Phương pháp dùng mực đen để vẽ lá



H.40 - Cánh hoa: (1) Cánh hoa lớn ; (2) Cánh hoa dài ;
(3) Cánh hoa ngắn ; (4) Cánh hoa hẹp



H.41 - (1) Đại đóa (2) Hoa cúc nhỏ

II. THƠ - THƯ PHÁP - HỌA

Ba bộ môn nghệ thuật thơ thư pháp và hội họa có mối liên quan trực tiếp và tự nhiên.

Một mặt, mối quan hệ qua lại giữa thơ và họa trong tự thân, trong thơ có họa trong họa có thơ.

Mặt khác, mối quan hệ thiên về hình thức là họa và thơ được thể hiện trong cùng một bức tranh với chiếc cầu nối là thư pháp.

1. Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi

Là lời bình của Tô Thức về thơ và họa của Vương Duy:

Thưởng thức thơ Ma Cật thấy trong thơ có họa, xem họa Ma Cật thấy trong họa có thơ.

Các nhà nghiên cứu văn học cũng đồng ý với Tô Thức, bình thơ Vương Duy vì:

Một là, màu sắc trong thơ Vương Duy rất đẹp cảnh tượng mới mẻ, đều có thể đưa vào tranh được:

*Tùng reo bóng trong gió
Hoa lỏng bóng dưới ao
Cành nhỏ gió khua vang
Bóng thư trắng chiếu lạnh*

Hai là, thơ sơn thủy của Vương Duy không chỉ miêu tả cảnh thiên nhiên rất đa dạng, miêu tả cảnh hùng vĩ tráng lệ, bao la của núi cao, sông rộng mà còn miêu tả những cảnh rất gần gũi, nhỏ nhắn, xinh tươi mới lạ và hàm súc như hiện ra trước mắt:

*Cách song gió lay trúc
Mở cửa tuyết đầy non
Trúc non mang phấn mới
Sen hồng rụng áo xưa*

Hai câu thơ sau đã được dùng để đề tranh:

*Trăng sáng soi làn thông
Suối trong chảy trên đá*

Lời bình của Tô Thức và thơ họa đã trở thành một trong những nguyên tắc hội họa Trung Quốc. Một tác phẩm hội họa thành công phải thể hiện tâm hồn và ý cảnh của người muốn vẽ, nghĩa là có chất thơ.

2. Vũ trụ bốn chiều: thơ ca - thư pháp - hội họa

Thơ, họa và thư pháp có mối liên hệ trực tiếp và tự nhiên.

Ví dụ: Tô Đông Pha, Vương Duy và nhiều nhà thơ khác vừa là họa sĩ và cũng là người viết chữ rất đẹp.

Người ta thường gọi hội họa là *vô thanh thi*, thơ không tiếng, thơ của Tô Đông Pha, Vương Duy đã chứng minh hai hình thức nghệ thuật này cùng một loại và có sự liên quan trực tiếp.

Thư pháp là chiếc cầu nối kỳ diệu giữa thơ và hội họa.

Viết một bài thơ trên một bức tranh chúng ta không thấy có sự gián đoạn nào trong hai yếu tố viết và vẽ; cả hai yếu tố này được thể hiện bằng một cây bút lông.

Bài thơ được ghi trên bức tranh là một bộ phận không thể tách rời. Không nên cho bài thơ là vật trang sức, trang trí hoặc là lời bình về bức tranh mà bài thơ trực tiếp tham dự vào bức tranh để bức tranh trở thành một chỉnh thể.

Bài thơ chiếm lĩnh một khoảng không gian của bức tranh có thể là khoảng không gian trắng nhưng đã tạo một chiều mới, chiều thời gian.

Bài thơ theo lối đọc tuyến tính, sau hình ảnh trong không gian đã bộc lộ kỷ niệm của một người nghệ sĩ trong việc chiếm lĩnh một cảnh sống động.

Việc đọc bài thơ nhịp nhàng diễn ra trong thời gian đã đưa lại cho hội họa, thơ không tiếng, thêm âm điệu.

Những họa sĩ - thi sĩ Trung Quốc bằng cách hòa hợp giữa thơ và họa thông qua cầu nối thư pháp đã sáng tạo một vũ trụ tròn vẹn, hữu cơ, vũ trụ bốn chiều.

III. HÌNH VÀ THẦN

Khái niệm hình và thần được sách Hoài Nam Tử, thời Tây Hán, vận dụng vào việc đánh giá tác phẩm thư họa, thư pháp và hội họa.

Trong hội họa, họa sĩ vẽ chân dung phải thể hiện được tinh thần khí phách của người được vẽ.

Ví dụ: Vẽ nàng Tây Thi đẹp nhưng chưa chắc có người đã thích. Vẽ mất Mạnh Bì tuy to nhưng có người không hề nể sợ. Nói chung là thiếu thần thái.

Bàn về tranh sơn thủy, Tôn Bỉnh cho rằng: Muôn ngàn niềm vui hòa quyện trong thần tư.

Nghĩa là vẽ tranh sơn thủy phải cảm được cái thần mới vẽ được cái thế của tranh. Tranh có thần tư thì mới gọi được khoái cảm thẩm mỹ.

Hình hay hình chất có thể hiểu là vật chất của bức tranh cũng có vị trí rất quan trọng (giấy bút, mực, màu sắc, phương pháp...) thần là thần thái toát ra từ bức tranh.

Bức tranh có đủ hình thần thì mới ảo diệu.

IV. VÀI CHUYỆN DÂN GIAN

Chim cũng phân biệt được tranh thật tranh giả.

Trịnh Bản Kiều, một họa sư nổi tiếng vẽ trúc đời Thanh, có câu nói nổi tiếng về hội họa :

Thâu được cái văn của đất trời trong vài nét, tóm được nổi kinh hoàng của sấm sét trong vài chữ, nói chuyện với thần, la mắng được quỷ, xưa nay không có gì bằng họa.

Nhưng người đi trước không để lại cách thức, người đi sau cũng chẳng để lại điều gì?

Ý Trịnh Bản Kiều muốn nói hội họa là sự sáng tạo, độc sáng, không thể bắt chước.

Nhưng theo truyện kể, một hôm ông không không thể nào phân biệt hai bức tranh vẽ *con mèo*, một thật và một giả do một họa sĩ khác chép lại.

Anh chàng lái tranh nói với ông, việc phân biệt tranh thật, tranh giả dễ như trở bàn tay. Trịnh Bản Kiều không tin.

Anh chàng lái tranh bèn đem lồng chim yến để lên một bức tranh, chim yến đứng yên.

Anh ta lại để chim yến lên bức tranh khác, con chim yến lồng lộn. Đây là bức tranh thật, mắt mèo có thần làm chim yến hoảng sợ.

Vẽ con gà trống mất cả ba tháng

Một người nọ, nhờ một họa sĩ vẽ một bức tranh con gà trống. Họa sĩ hẹn ba tháng và đòi tiền rất cao. Anh ta đồng ý.

Ba tháng sau, người nhờ vẽ tranh đến, họa sĩ vội vàng đem giấy bút ra vẽ, chỉ một loáng là xong.

Thấy vậy, anh chàng mua tranh phân nản, chỉ vẽ một loáng mà đòi giá cao, nghề họa đúng là hái ra tiền và cò kè bớt giá.

Họa sĩ nói : *Ông có biết không? Ba tháng nay, ngày nào tôi cũng ngồi nhìn có gà trống, hôm nay mới vẽ được như vậy!*

Anh chàng mua tranh im lặng một lát, cảm ơn họa sĩ và ra về.

V. ĐIỀU SẮC BIỂU

Điều sắc biểu là công thức hòa màu căn cứ vào 11 màu cơ bản sẽ thành ra 35 màu khác.

	Hoa	Đảng	Giã	Hắc	Yến	Dương	Châu	Thạch	Thạch	Phần
	Thanh	Hoàng	Thạch	Chi	Hồng	Phiêu	Sa	Hoàng	Lục	
1. Thảo lục	5	5								
2. Lão lục	6	4								
3. Nộn lục	3	7								
4. Nha lục	2	8								
5. Hắc lục	3	4		3						
6. Thương lục	4	5	1							
7. Tấn lục		5							5	
8. Du lục	5	4		1						
9. Nồng thủy			-					5	5	
10. Thu hương sắc	4	4	2							
11. Kim hồng		5					5			
12. Nhục hồng			4		1	1				4
13. Ngân hồng					2		4			4
14. Giã hồng					2	2		6		
15. Phần hồng						4				6
16. Quất hồng		1					5	4		
17. Thổ hồng				5				5		
18. Lão hồng			4					6		
19. Kim hoàng		7					3			
20. Thương hoàng	1	4	5							
21. Thổ hoàng		5		5						
22. Đàn hương sắc		4	5	1						
23. Nga hoàng		9					1			
24. Hắc giả			7	3						
25. Giã hoàng		8	2							
26. Ngẫu hợp	2				3	3				2
27. Thanh hien (lên)					4	4				
28. Thâm tử	4				1	5				
29. Tương sắc		5		3	1	1				
30. Tử tương (tử tương)	1			4		5				
31. Thanh hồi	4			4						2
32. Thiết hồi	2			6						2
33. Hắc thanh	6			4						
34. Trà hạt			5							
35. Dạm hồi				5						

* Ghi chú:

Hàng ngang là màu cơ bản.

Hàng dọc là màu muốn có.

Số theo chiều ngang là phần lượng hai màu cơ bản trộn đều vào nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đọc Kim Dung tìm hiểu văn hóa Trung Quốc, Nguyễn Duy Chính, NXB Trẻ, 2002.
2. Tề Bạch Thạch, Thái Thanh, NXB Văn hóa - Thông tin, 1996.
3. Thư pháp nhập môn, Trần Tú Lãng, NXB Thanh niên, 2002.

Tiếng Trung

1. Lan huệ họa pháp, Hàn Vy, NXB Mỹ thuật - Sơn Đông, 1990.
2. Mặc mai họa phổ, Lưu Phúc Lâm, NXB Hòa Bình-Trung Quốc, 1988.
3. Mặc lan họa phổ, Lưu Phúc Lâm, NXB Hòa Bình-Trung Quốc, 1992.
4. Tam Hy Đường họa bảo, Cửu Tư Trai Chủ, NXB Thanh niên TQ, 1994.
5. Trung Quốc văn học sử, nhiều tác giả, NXB Bắc Kinh, 1998.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	5
Chương I – KHÁI QUÁT	
I. Hội hoa	9
II. Nhân vật, sơn thủy và hoa điều	11
III. Nam tông và bắc tông	12
IV. Sáu phép vẽ sơn thủy	12
V. Thần, diệu, năng và dật	14
Chương II – VĂN PHÒNG TỬ BẢO	
I. Bút	15
II. Mực	17
III. Giấy	17
IV. Nghiên	19
V. Các dụng cụ khác	20
VI. Màu sắc	24
Chương III – PHƯƠNG PHÁP VẼ SƠN THỦY	
Tiết 1 – Phương pháp chung	27
I. Trường phái	27
II. Dụng bút	28
III. Sắc độ của màu đen	35
IV. Lục sắc và thiên ráng	36
V. Phương pháp thiết kế màu sắc	38

Tiết 2 – Phương pháp vẽ núi	40
I. Khái quát	40
II. Phương pháp câu lặc	43
III. Phương pháp thuận	45
Tiết 3 – Vẽ núi cát đá, sườn, đỉnh núi và núi dạng bình phong	73
Tiết 4 – Phương pháp vẽ cảnh, thân và rễ cây	78
I. Phương pháp vẽ cảnh nhánh	78
II. Phương pháp vẽ thân cây	80
III. Phương pháp vẽ gốc cây	81
IV. Phương pháp vẽ cây khô	82
V. Phương pháp vẽ cây liễu	86
Tiết 5 – Phương pháp vẽ lá cây	87
I. Khái quát	87
II. Phương pháp vẽ lá bằng điểm	87
Tiết 6 – Vẽ lá trúc, lá tùng, lá dương và lá liễu	114
Tiết 7 – Phương pháp vẽ lá kép	118
Tiết 8 – Những cách vẽ cây và lá khác	135
Tiết 9 – Phương pháp vẽ rêu	139
I. Khái quát	139
II. Phương pháp vẽ các điểm	139
III. Tác dụng	142
IV. Các loại điểm	143
Tiết 10 – Phương pháp vẽ mây, nước, suối và thác nước	150
I. Mây	150
II. Nước chảy	154
III. Suối và thác	158

Tiết 11 – Phương pháp vẽ	
mây mờ và sương mờ	159
I. Mây mờ	159
II. Sương mờ	160
Tiết 12 – Phương pháp vẽ núi xa	161
I. Núi xa	161
II. Núi xa nhiều tầng	162
III. Hồng viễn sơn	162
Tiết 13 – Vẽ thuyền, cầu, thành quách, đền đài	165
Tiết 14 – Phương pháp vẽ lau, cỏ,	
bèo, dây leo, sen và rong	170
I. Lau	170
II. Cỏ và Bèo	171
III. Dây leo	172
IV. Sen	172
V. Rong	173
Tiết 15 – Phương pháp vẽ nhân vật sơn thủy	174
Tiết 16 – Phương pháp vẽ cảnh	177
I. Cảnh mưa gió	177
II. Cảnh đêm	178
III. Cảnh tuyết	181
IV. Cảnh đảo	184
Tiết 17 – Các phương pháp đặc biệt	186
I. Phát mặc pháp	186
II. Tiêu mặc pháp	188
III. Giám bút pháp	189
IV. Khoát bút pháp	191
V. Can bút pháp	193
VI. Kiểm công dái tả pháp	194

Tiết 18 – Phương pháp sử dụng màu sắc	196
I. Thiền rắng pháp	196
II. Bán một sắc pháp	201
III. Đại thanh lục và tiểu thanh lục	202
Tiết 19 – Phân định ranh giới	206
Tiết 20 – Kim bích sơn thủy	208
Tiết 21 – Một cốt pháp	210
Tiết 22 – Thị học	212
Tiết 23 – Chương pháp	214
I. Chương pháp	214
II. Những cách kết cấu khác	217
III. Hình thức	229
Tiết 24 – Những điều cần biết	235
I. Trường phái	235
II. Hiên đại	236
III. Một số phương pháp	236
IV. Sơn thủy và hoa điều	237
V. Cấu tứ và hạ bút	237
Tiết 25 – Mô phỏng - vật thực - sáng tạo	238
I. Mô phỏng	238
II. Vẽ thực vật	240
III. Sáng tác	241
Chương IV – PHƯƠNG PHÁP VẼ HOA ĐIỀU	
Tiết 1 – Những vấn đề chung	250
I. Trường phái	250
II. Dùng bút, dùng mực và màu sắc	251
Tiết 2 – Phương pháp vẽ hoa lá	253
Tiết 3 – Vẽ thân, cành, dây leo, cỏ	260
Tiết 4 – Vẽ đá kim long và thái hổ	268
Tiết 5 – Vẽ nước chảy	271

<i>Tiết 6 – Vẽ thảo trùng</i>	273
<i>Tiết 7 – Vẽ linh điều</i>	277
<i>Tiết 8 – Các phương pháp đặc biệt</i>	284
I. Bạch miêu	284
II. Thiển sắc công bút	285
III. Trùng thái công bút	286
IV. Giảm bút	289
V. Tả ý	292
VI. Một cốt pháp	299
VII. Kiêm công dải tả	304
<i>Tiết 9 – Tính trang trí</i>	305
<i>Tiết 10 – Phương pháp vẽ mai, lan, cúc, tùng</i>	306
I. Mai	306
II. Lan	308
III. Trúc	311
IV. Cúc	315
V. Tùng	317
<i>Tiết 11 – Vẽ quả</i>	319
<i>Tiết 12 – Vẽ đồ vật</i>	324
<i>Tiết 13 – Vẽ thú vật</i>	328
<i>Tiết 14 – Chương pháp hoa điều</i>	330
<i>Tiết 15 – Những điều ghi nhớ</i>	340
<i>Tiết 16 – Mô phỏng - tả sinh - sáng tác</i>	343
<i>Chương V – PHỤ LỤC</i>	
I. Tứ quân tử	347
II. Thơ - thư pháp - họa	389
III. Hình và thần	391
IV. Vài chuyện dân gian	392
V. Điều sắc biểu	393
TÀI LIỆU THAM KHẢO	395

Chịu trách nhiệm xuất bản

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập : **NGUYỄN TRƯỜNG**

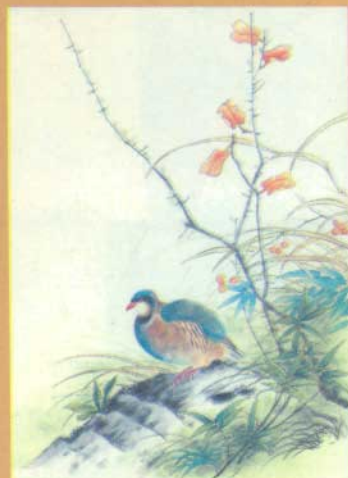
Sửa bản in : **THANH LOAN**

Trình bày : **NGỌC SƯƠNG**

Thiết kế bìa : **MINH LONG**

In 2000 cuốn khổ 13 x 19 cm tại XN in Tân Bình
Số đăng ký KHXB: 76/344. CXB ngày 14/03/2001.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2003.

PHƯƠNG PHÁP VẼ SƠN THỦY VÀ HOA ĐIỀU
TRUNG HOA



Nhà sách
THỊ NGHỆ

• 153 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH - P.17 - Q.BT - TP.HCM

• ĐT & FAX: 8982359 - 0913 808093

Giá: 66.000 đồng